

# NEUROTONIC



LIBRARY  
JAN 1 1969

Muốn chiếm bảng vàng

Thành công thương mãi

Mau tìm thần dược

Bồi bổ trí nhớ

Tăng cường sinh lực

Chỉ có

## NEUROTONIC

THUỐC BÓ ỐC HAY NHƯ THẦN

# PHỔ THÔNG

Giám đốc: NGUYỄN VỸ  
Tập-chí Văn-Học ra ngày 1 và 15

213  
1-10-1968

Wasm  
AP95  
V6P57



ĐÈN CARYATIDES Ở ATHÈNES (HY LẠP)





# PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN HOÀ VIỆT NAM  
PHO BIÊN VĂN HOÀ ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-độc, Chủ-bút : Nguyễn - Vũ

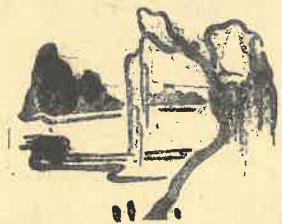
Tòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T 25861



NĂM THỨ X \* SỐ 213 \* 1 - 10 - 1968

- |                                       |                |         |
|---------------------------------------|----------------|---------|
| 1) Tự do và nhân đạo . . . . .        | N.V.           | 5 — 7   |
| 2) Thao (truyện ngắn) . . . . .       | Nguyễn Châu    | 8 — 10  |
| 3) Bức thư Paris . . . . .            | Ng-v-Cồn       | 11 — 15 |
| 4) Một ông tây đồ nhỏ . . . . .       | Đông Tùng      | 16 — 23 |
| 5) Bão mặt trời . . . . .             | Ái Lan         | 24 — 28 |
| 6) Óc châm biển chế giễu . . . . .    | Nguyễn đôn Mần | 29 — 36 |
| 7) Mãi cam già ngon . . . . .         | Phạm-v-Sơn     | 37 — 41 |
| 8) Quê hương chúng ta (thơ) . . . . . | Phù Sa Lộc     | 42      |
| 9) Con quý cái . . . . .              | Song Thanh     | 43 — 51 |

- 10) Thuần phong mỹ tục . . . . . Phạm-v.Cồn 52— 65  
11) Hầy tự cường . . . . . Linh-Giang 66 — 71  
12) Con chim sâu . . . . . Tinh-Khanh 72 — 75  
13) Khóc tình yêu, quê hương (thơ) . . . Nha Thánh 76  
14) Hoa trình tiện lâm khúc . . . . . Ái Lan 77 — 84  
15) Nỗi buồn thơ mới . . . . . TYTA, Trần viết Thành 85 — 90  
16) Hồ Xuân Hương . . . . . Nguyễn Vũ 91 — 94  
17) Quê hương mình (thơ) . . . . . Vũ Ngọc Đức 95  
18) Saigon lai rai . . . . . Hoàng Thắng 96 — 98  
19) Minh ơi . . . . . Diệu Huyền 99—108  
20) Đắng cay . . . . . Lan 109—117  
21) Thao (tiếp theo) . . . . . Nguyễn Châu 118—127  
22) Vào Say (thơ) . . . . . Nguyễn Hoàng Anh Vũ 128



## Xã-luận

### • *Tự-do và Nhân-đạo*

**KHÔNG**

« **LIÊN - HIỆP** »

**ĐƯỢC**

**VỚI**

### • *Độc - tài sắt máu*

★ NGUYỄN-VỸ

**15.000.000** nhân dân Miền-Nam Việt-Nam đang sống trong ý-thức-hệ của Tự-do, và Nhân-đạo. Tự-do tương-đối, dĩ-nhiên, nhất là trong lĩnh-vực chính-trị, vì an-ninh quốc-gia đòi hỏi một số hạn-chế cần thiết để ngăn-ngừa những kẻ phản động, tay sai của địch, lợi dụng Tự-do để phá hoại Tự-do, lợi dụng Dân-chủ để tiêu diệt Dân-chủ.



Nhưng Tự-do ở miền Nam, dù bị hạn chế phần nào vì những điều kiện chính-trị và quân-sự mà chúng ta phải chịu đựng hiện nay do chiến-tranh tàn-ác của cộng-sản gây ra, vẫn là một ưu thế lớn-lao, vô cùng quý báu, của nhân dân miền Nam chúng ta đối với chánh sách độc-tài, nô-lệ ở miền Bắc.

Trên bình diện thuần-túy ý-thức-hệ, không ai, kể cả các giới anh chị em Lao-động miền Nam, các giới Dân nghèo ở thành-thị và thôn-quê, không ai không nhận thấy rõ-rệt rằng toàn thể đồng-bào miền Bắc, từ một em bé đến một cụ già, đều phải gục đầu khiếp-dởm dưới ý muốn tàn bạo độc tài của một Đảng. Đảng ấy than ôi, lại còn lệ thuộc hoàn-toàn một đảng lớn ở Ngoại-bang của Trung-Cộng, Nga-Xô. Chẳng có một tự-do nào của cá-nhân hay tập thể, chẳng có một nhân-quyền và dân quyền nào, dù là nhỏ-mọn, dù là hợp với lẽ thiên-nhiên, được sống ngoài kỹ-luật thép, và máu, của đảng Độc-nhất, đảng chúa tể nắm quyền sinh-sát của mỗi người dân, giam hãm vận mệnh của cả một dân-tộc trong gông cùm nô-lệ của đảng.

Tự-do, nhân-đạo, công-bằng, bác-ái, đều là những danh từ, dù chỉ là những danh-từ, đã bị chôn vùi dưới giòng huyết sử của bạo-tàn cộng-sản.

oOo

**N**hưng ở miền Nam hiện nay, có một số người phần đông được sống trong không-khí tương-đối tự-do của chế-độ quốc-gia, vẫn đã bán linh-hồn của chúng cho Quý Đồ. Chúng hưởng thụ những điều kiện sinh-hoạt an ninh tự-do, nhân-đạo, mà vẫn làm tay sai cho địch, tuyên-truyền cho địch, gián-điệp cho địch, âm mưu rước địch vào đây để tiêu diệt Tự-do, giết chết Dân-chủ, sát-hại Nhân-dân, chà đạp lên quyền sống của con người.

Những kẻ đó chính là những kẻ thù của đồng bào, những kẻ phản Quốc, phản Dân, những kẻ tội-ác của Lịch-sử Dân-tộc.

Tuân theo mệnh-lệnh của Cộng-sản, chúng tuyên truyền «liên-hiệp» với Cộng-sản, với âm-mưu đem ách nô-lệ Cộng-sản tròng vào đầu cổ của 15 triệu nhân dân miền Nam.

Những kẻ đó là một nhóm nhỏ mệnh danh «trí thức» đầy tham vọng cá nhân, chờ gió bẻ măng, theo đóm ăntàn, hầu hết là ở giới trung-lưu có con cháu làm việc ở các sở nhà-nước miền Nam, và các sở Mỹ, hoặc một số «thanh-niên» nhờ vả dưới bóng cờ ngoại-quốc. Chúng vẫn phây phây ăn bám vào những cặn-bã của «đế quốc» — Nhiều kẻ làm giàu nhờ những cặn-bã rác-rởm bản thù của «đế quốc». Chúng hút thuốc thơm Mỹ, xài đồ la Mỹ ăn đồ-hộp Mỹ, và lén lút trong bóng tối hồ hào «liên-hiệp» với Cộng-sản, bóc lột Cộng-sản. Nhưng ngoài ánh sáng thì chúng dựa thế vào chính-quyền quốc-gia, sống dưới sự che-chở của chế-độ Tự-do, dù là cái tự-do tương-đối, mà Đảng và «Bác» không bao giờ bố thí cho chúng được mây-may nào!

oOo

**K**hông ! Cần phải bảo vào mặt những tên phản-động hèn-nhát, mù-quáng, và vô liêm sỉ đó rằng:

Tự-do, nhân-đạo công-lý, nhân-quyền, dân-quyền, không thể nào «liên hiệp» được với độc-tài sắt máu.





# THAO

Truyện ngắn

★ NGUYỄN-CHÂU

một

Đã hơn một năm học, Phong vẫn chưa làm quen được người bạn nào. Nói thế, không phải Phong là người khó tính, không hề giao tế với ai; mà là người cần thận, thông minh và phảng phất những nét buồn. Phong cũng nói những chuyện người ta muốn nói, cũng làm những việc người ta cần làm. Chẳng hạn, có lần Phong trả lời về bản tính của người con trai Bình định:

— Các anh chị có lẽ vẫn vương viú thành kiến quê tôi chỉ xuất hiện những võ tướng, nên mỗi người chúng tôi — bất luận nam nữ — đều có võ tính; nghĩa là chúng tôi hùng hổ, mạnh bạo, cương quyết v.v... Như thế là các anh chị đã lầm rồi đó.

Lần khác, trả lời với phái nữ về phong độ của người con gái Bình định:

—... Họ không thiếu những gì gọi là con gái tính.

Sau này, Phong làm quen với già Năm ở gần nhà trọ. Tuy đã già — tóc bạc, râu dài, làn da gập nhiều nếp nhăn — nhưng già Năm vẫn còn cao bồi tính. Như có lần già Năm nói với Phong:

— Cậu cần phải ăn chơi, chứ đã hơn 20 tuổi mà không biết gì là tệ lắm, chậm tiến lắm. Hồi già mới 17 tuổi đã cua gái rồi.

Già làm lại cả điệu bộ lúc còn trẻ. Già đặt đũa ngón tay trở lên môi, nở một nụ cười yêu thêm thường, để lộ hàm răng đục nâu vì chất nhựa thuốc lâu ngày. Đầu già gục nghiêng về một bên và chú mục. Bàn tay kia già đưa lên phe phẩy trước mặt.

Làm như thế này là một dấu hiện nhũ thắm «lại đây» mà không cần nói. Thế là người con gái ấy hành động theo ý muốn của

THAO

mình. Nếu nó bỏ đi tức thời huyết sáo một tiếng cho thật kêu, để cảnh cáo và chèn bai sự ngu xuẩn của nó.

Phong cười:

— Bây giờ khó lắm già ơi. Những năm của già đã đi vào quá khứ.

Già không đồng ý, nói:

— Cậu sợ đó. Chứ hồi nào cũng vậy.

Phong nghĩ già nói sai nhưng không muốn cãi lại, vì như thế chẳng những đã vô ích mà còn làm phật lòng già, nên Phong hỏi tiếp:

— Hành động của già có lần nào bị phái nữ trả lại bằng những câu thiếu lịch sự không?

Già gật đầu nhưng chép miệng bảo:

— Ít lắm, già ít bị bạc đãi lắm nên kết quả tốt luôn.

Phong cười.

— Già tốt số đào hoa và đẹp trai ấy.

Có lẽ lúc trẻ già bỏ trai, vì bây giờ đã già mà thân hình quắc thước; vầng trán cao và rộng, hai con mắt sâu và lạnh lẽ, cái miệng vẫn còn có duyên.

Già trả lời;

— Không phải tốt số đào hoa và cũng không phải đẹp trai gì hết. Già nghĩ cần can đảm, bạo dạn và liều lĩnh. Con gái nó ưa mình là ở chỗ đó. Vì vậy có cô đã lên án: «Đứng trước phái nữ mà tỏ đàn hoàn, nghiêm trang là có tội.»

Phong cố nhiên không thể nào tin được và cũng không thể hành động như già, nhưng chàng vẫn ngồi yên để nghe như một đứa học trò đang nghe thầy giảng. Già Năm kể tiếp:

— Già bắt đầu đi đông, đi tây, không thiếu một thành phố nào. Giang hồ như thế ấy.

— Thế già biết thành phố quê của cháu chứ?

— Biết, Già tắm biển Qui Nhơn hoài. Bãi biển cũng khá đẹp ấy; nhất là gành Ráng. Hồi ấy già đi lính Tây rồi và đã hoang nhiều lắm.

Phong biết già cứ thích nói những chuyện chơi bời và dường như bây giờ, già đang luyên tiếu cái thời dĩ vãng ấy.

— Già chưa kể với cậu, có một dạo già đi làm bồi cho Tây. Lúc ấy thật như lạc lên thiên đàng. Cậu có nghe người ta nói: «Lấy

Tây thì phải lấy bồi, một mai Tây nó về nước thì mình ngồi với ai đây» không? Cho nên không một con vợ thằng Tây nào — từ quan đến lính — nó không cho mình chơi lịp. Vì vậy mà già mất đi làm bồi và phải đi lính. Rồi chiến tranh xảy ra, phải sang Pháp để đánh giặc. Thật là cơ cực và cũng thật là thích thú vì mình gặp được món lạ.

Phong ngỡ già ngạc nhiên vì những món ăn nên nói:

— Người Pháp ăn không giống người mình. Họ ăn bánh mì...

Già cười sặc sụa cướp lời:

— Không. Món lạ là già muốn nói mấy con dâm đó.

Phong không nín được cười vì ngôn ngữ ma lanh của già.

Phong quen già năm đã vài tháng, chàng cũng thấy vui vui trong lúc nhàn, ngồi nghe già kể chuyện. Một hôm lần đầu già mời Phong sang nhà để thăm bệnh giùm đứa cháu gái. Già nói:

— Không hiểu con Thanh cháu già, nó đau gì mà má nó vừa lên Dòng đưa về.

— Cô Thanh tu há già? Như thế

khi đau để Dòng săn sóc chứ?

— Ủ. Nhưng má nó thương và sợ ở đó họ săn sóc không chu đáo vì lúc này ở Dòng các đệ tử bị bệnh sốt gì nhiều lắm.

Phong đi vợ già Năm đến nhà mới biết già là cha của một Thiếu úy. Thiếu úy bắt tay Phong và hỏi chuyện vồn vã; vợ ông cũng vậy.

— Ba tôi nói anh ở trường y khoa, nên tôi có nhã ý mời anh đến thăm giùm đứa con, để nếu cần phải đưa đi bệnh viện, thì tôi đưa đi, chứ má nó lo sợ, không chịu đưa đi bệnh viện.

Phong được đưa vào phòng, chàng thấy Thanh nằm dài trên giường; tóc rối bời, mắt lơ lảo, đôi môi mấp máy, những ngón tay vân vê lẫn nhau. Tình trạng ấy dù không phải là thầy thuốc cũng biết là đau nặng, nên Phong bảo cần đưa đi bệnh viện gấp.

Thế là cỡ chừng 10 phút, Thanh đã ngồi ngã lưng vào lòng má Thanh trên xe xích lô. Má Thanh chào Phong khi người phu xe đi; Phong cũng chào già Năm và ba Thanh trở về.

(Xem tiếp trang 118)

## Bức thư Paris

# CHIẾN - DỊCH

# NGŨA THAI NGHÉN

## GÂY XÔN XAO VÀ CHIA RẺ TRONG GIỚI GIA-TÔ-GIÁO TRÊN THẾ-GIỚI

● NGUYỄN-VĂN-CỒN

**H**IỆN nay, một việc, hay đúng hơn một sắc lệnh đang làm xôn xao dư luận và quần chúng thế giới rất nhiều, đó là sắc lệnh của Đức Giáo Hoàng Paul VI về viên thuốc ngừa thai nghén (Pilule contraceptive).

Mới nghe, thì việc đó hình như không có gì quan trọng cho lắm, nhưng thật ra về hai phương diện tôn giáo và sinh lý, thì về việc này có thể là một yếu tố có ly khai (Schisme) giữa khối Gia tô giáo trên thế giới.

Chắc các bạn đã nghe nói đến phong trào không muốn có con nổi lên tại Âu Châu và các lục địa khác trong khoảng 10, 15 năm gần đây. Vấn đề không muốn có thai, không muốn có nhiều con đã thâm nhập vào trí óc nhiều gia đình tại phương Âu.

Việc này đã gây nên giữa dân chúng và pháp luật nhiều điều không được tốt đẹp cho lắm. Vì rằng một khi họ không muốn có con, thì chỉ còn một cách, là phá thai.



Việc này đã bị pháp luật nghiêm cấm và trừng phạt rất nặng nề, vì thế, họ phải làm lén lút.

Nếu việc đồ đẻ, và nhất là khi người đàn bà phá thai bị bệnh, hay bị thiệt mạng, thì việc trừng phạt rất nặng, tức là người phá thai và bị phá thai đều phải lãnh án tù ở. Còn nếu là một bác-sĩ (phá thai), thì ngoài việc ở tù, còn bị Hội đồng bác-sĩ gạch tên, không cho phép tiếp tục nghề nghiệp.

Nhưng đó là nói về các việc lý do pháp luật nghiêm cấm còn về thực tế cá-nhân và xã-hội, thì có nhiều vấn đề mà sự cấm đoán của pháp luật xem ra sơ thiên.

#### — Về mặt cá nhân

Các nhà bác-sĩ khảo cứu đã nghiệm thấy có một số đàn bà mà cơ thể không cho phép có thai và giữ đứa con. Nếu cứ để người đàn bà ấy giữ thai nghén như người thường, thì tất nhiên nguy hại đến tính mệnh người mẹ và đứa con. Trong trường hợp này không cho người ta được phép phá thai — và hơn nữa không cho người ta «phòng ngừa có thai»

ngén, là một sự sơ sót của pháp luật.

#### — Về mặt xã-hội

Có nhiều gia đình túng thiếu và đã có một lũ con (tám, chín đứa chẳng hạn) Nếu đẻ thêm nữa, thì chỉ làm cho sự túng thiếu càng thêm nặng nề. Trong tình cảnh ấy mà ngăn cấm người đàn bà không được dùng phương-tiện để khỏi có thai nghén, thì pháp luật sẽ đi đến chỗ cấm đoán một cách «máy móc».

Trong lúc ấy thì các nhà bác-học tìm ra được một thứ thuốc ngăn ngừa thai nghén (contraceptif), như thế sẽ tránh được việc phá thai, và tránh luôn được tai họa cho tính mệnh người đàn bà.

Nhưng liền đó, có câu hỏi «Liền thế thì người ta có được phép dùng thứ thuốc ấy không?», Vì rằng làm cho người đàn bà không sinh sản cũng sẽ bị coi như là phá thai!

Dư luận quần chúng các nước Âu Mỹ xôn-xao. Các nghị viện dân biểu phải đem việc ấy ra bàn cãi lâu dài, sôi nổi, và sau hết được kết-luận như thế này;

Xét về những trường hợp «cá nhân và gia-đình», thì việc sử dụng thuốc ngăn ngừa thai nghén là do quyền định đoạt của các bác-sĩ điều dưỡng.

Sau khi xem xét tình trạng của thân chủ đàn bà (hoặc bệnh hoạn, hoặc đã đông con, và mấy đứa sau sẽ thiếu sức khỏe và có thể bị tàn tật), bác sĩ cho đơn và chỉ cách dùng, thì người ta mới có thể lại nhà thuốc mua những viên thuốc ngăn ngừa thai nghén.

Hiện nay, ở các nước Âu Châu đã có những cơ quan xem xét đến vấn đề sinh sản (Planning familial) và ở Liên Hiệp Quốc có cơ quan «kiểm soát vấn đề sinh sản (Birth control).

Như thế là pháp luật đã có phần bớt nghiêm khắc trước sự phát minh của y khoa, và trước sự biến chuyển của xã-hội.

Nhưng dùng một cái, trong tháng Juillet vừa qua, Đức Giáo Hoàng Paul VI cho ra một sắc lệnh cấm các người theo đạo Gia-tô dùng thuốc ngăn ngừa thai nghén.

Ngay ngày hôm sau, trong các giới y học, tôn giáo, xã hội học, và các gia đình, nhất là gia đình theo đạo Gia Tô, người ta bàn luận sôi nổi.

Liền đó có hai phái đối chọi nhau: một bên thì vâng theo lời Đức giáo Hoàng, còn một bên thì chống lại.

Đức giáo Hoàng đã nói rằng sự sinh sản là luật thiêng liêng của Chúa Trời đặt ra, và Chúa đã dạy như thế, thì người theo đạo chân chính phải tuân theo. Nếu không, người đó sẽ là một người «lỗi đạo» (Mauvais catholique).

Chắc các bạn cũng hiểu rằng người «Mauvais Catholique», theo đạo Gia-Tô sẽ bị quỷ lôi linh hồn xuống địa ngục.

Còn về phía chống lại sắc lệnh của Đức giáo Hoàng, thì họ cho rằng như thế, thì Đức giáo Hoàng đã không nghĩ đến những người bệnh hoạn, và những kẻ nghèo đói, và Giáo Hội, trong việc xử đoán gay gắt ấy, đã không theo kịp sự phát triển của Y học, và sự biến chuyển của xã hội.

Nếu nói rằng hề đàn ông, đàn

bà ngủ với nhau, tức phải mang gánh trách nhiệm để con và nuôi con; còn nếu không muốn đẻ, và không muốn con, thì đừng ngủ với nhau.

Sự khe-khắt của Giáo-Hội là ở chỗ ấy và sự ngăn cấm ấy chỉ « tai hại » cho những người bệnh hoạn và những gia đình nghèo khổ, và nói một cách nôm na, thì những cặp vợ chồng ấy tuy nằm với nhau, mà không được « đụng chạm » gì cả.

Ở đâu thì tôi không biết, chứ ở các nước Bắc Âu như: Thụy Điển, Na - Uy, Đan - Mạch, Đức Quốc thì đó là một hình phạt nặng nề và chắc chắn là họ không tuân theo. « dẫu mà linh hồn sẽ bị quỷ lời xuống địa ngục ». Vì ở các nước này, vấn đề sinh lý rất là quan trọng và sự « ăn nằm » giữa đàn ông và đàn bà đã được xem như sự « vệ sinh tối thiểu »

Ở các nước này, chính các nhà tu sĩ cũng đã công nhận sự lợi ích của viên thuốc (pilule) kia. Và ở Anh-quốc, một nước rất yêu chuộng tự do cá nhân, và tại Nam Mỹ đã xảy ra cuộc đấu đả giữa người « ưng pilule » và

người « chống pilule ». Sự bất hòa, và ly-tán giữa các phần tử dân chúng và giữa các khối tôn giáo là do chỗ ấy.

Còn các giới y khoa, xã hội học, và các người không theo đạo Gia tô, thì họ cứ *tuân theo pháp luật* tức là *tuân theo lời chỉ dẫn của các bác sĩ* để cứu vãn số phận của hàng triệu đàn bà.

Xưa nay, nào ai có nghĩ đến số phận của họ. Họ có chết vì thiếu sức khỏe, hay vì « quá mang nặng đẻ đau » vì quá nuôi con cực khổ, thì cũng *mặc kệ, họ cứ bị làm « con mồi » cho sự khoái trá vật dục ích kỷ của người đàn ông.*

Nay nhờ pháp luật, và nhờ ở sự tiến bộ của y học và xã hội học, họ đã thấy ánh sáng của tương lai thấy bớt đau, bớt lo, bớt buồn và *bớt chết oan.*

Hơn nữa, để con đông mà không nuôi nấng, dạy dỗ được thì đó là một tội đối với các đứa trẻ vô tội, nhứt là ở các nước như Ấn độ, Nam Mỹ mà số dân nhứt là dân nghèo quá đông, và số thực phẩm lại eo hẹp. Trong những nước ấy, và đối với các

gia đình nghèo đói, nhiều con, nhiều dân, phỏng có hạnh phúc gì không? Có ích lợi gì không? Vì thế tại Ấn độ, người đàn ông nào đã có nhiều con, mà đến nhà thương xin chích thuốc «tuyệt nọc», thì được lãnh một số tiền thưởng.

Tôi mong rằng chị em Việt Nam ở nước nhà được hưởng thụ sự phát minh của y học và sự biến chuyển của xã hội, để cho người đàn bà khỏi là *cái máy* sinh sản quá độ. Nhưng thế đời các thiếu phụ còn được có những phút thanh nhàn, vui vẻ.

Ng. Văn-Cồn



## ★ Chuột Đài Loan

Vừa rồi, các Hội-đồng hàng Tỉnh tại Đài-loan đã báo động lên Chính-phủ « tai họa chuột vĩ-dại » và yêu cầu nên « có thái độ thích nghi ». Theo họ, hiện Đài-loan dân số chỉ vốn vẹn có 13 triệu mà số chuột đến 50 triệu con. Có lẽ Đài-loan ăn đứt thế-giới về dân số chuột rồi vậy!

## ★ Danh ngôn.

— Sự phán xét của một người không phải là luật chung cho tất cả.

(Le jugement d' un seul n' est pas la loi de tous)

GRESSET



MỘT

ÔNG

TÂY

ĐỒ NHO



★ ĐÔNG-TÙNG

Tám mươi năm chiếm-đoạt và thống trị Việt-Nam, có rất nhiều người Pháp muốn cho tên tuổi mình được sống mãi trên giải đất mà mình có dự phần cai trị này, nên họ đã dùng đủ mọi hình thức: Đặt tên vào các trường học, ví dụ: trường Albert Sarraut ở Hà-Nội, trường Chasseloup Laubat ở Saigon, cầu

Doumer, đường Galiéni, ngoài ra cũng có người còn dựng bia khắc chữ đề tự ghi công mình v..v...

Nhưng tất cả những cái đó đã bị tiêu tan sau năm 1945. Trong thời gian 9 năm mà Pháp đang muốn trở lại Việt-Nam, thì những tàn tích ấy có vẻ tái

MỘT ÔNG TÂY ĐỒ NHO

sinh ở một số thành thị mà họ tạm chiếm. Nhưng sau cuộc chiến bại tại Điện-Biên-Phủ, rồi quân Pháp rút hết đi, thì không còn gì nữa cả.

Ngoại trừ trường hợp Oser. Công sứ Nghệ-An, ông ta không đặt tên đường, cũng không dựng bia tạc chữ như Thibaudau, ấy thế mà tên tuổi ông được truyền tụng mãi ở đất Nghệ-Tĩnh.

Cho hay, ở đời cái gì vị công vô tư, bất vụ lợi, thì mới trường tồn.

Viên cai trị Pháp, Oser, là một người đạu cử nhân triết lý Đông Phương, rất rành chữ Hán, đã từng làm lãnh sự của Pháp ở Thượng Hải. Ông nói tiếng Tàu rất hay, sang Việt Nam năm ấy, thì tiếng Việt nói cũng rất thông

Năm 1898 ông nhậm chức Công-Sứ Nghệ-An (lĩnh trưởng) Vừa tới nhậm chức, ông liền đặt vấn đề liên lạc với các cụ khoa bảng Nghệ-Tĩnh và tìm hiểu văn chương bình dân địa phương Nghệ-Tĩnh.

Oser là một nhà thâm Nho

Oser không phải là một người chỉ biết ít nhiều chữ Hán vừa để xem sách và khảo cứu, mà chính là một người thâm nho: Thơ, câu đối; Phú. Kinh Nghĩa thể văn nào ông cũng làm trôi chảy và hay ho cả, Ví dụ, tới làm Công sứ Nghệ-an được năm tháng, khi xứ Cầu rầm xây cất thánh đường xong, người ta mời ông tới dự lễ khánh thành mấy ông có đạo, Cụ-đạo xin một câu đối cho nhà thờ, ông viết ngay câu sau đây:

Cụ hữu thử tâm đồng thử lý (1)  
Cổ tương tư đạo giáo tư dân (2),

Người ta kể chuyện thêm, khi ở Vinh làm xong nhà thương bố thí, ông cũng làm một câu đối bằng Hán văn khắc vào cột cửa nhà thương sau đây:

1) *Vốn dĩ đã có cái tâm lý ấy, xuất phát từ cái nguyên lý ấy*  
2) *Cho nên mới đem cái tôn giáo này mà truyền bá cho dân tộc này*  
(Kỹ thuật chơi chữ của Oser khá tài tình là lấy tiếng « Cụ » để đối với tiếng « Cổ »

« *Tê chúng hò nan Nghiêu Thuấn bệnh* (1)

Để tìm hiểu văn chương bình dân Nghệ Tĩnh, Oser hiệp đồng với Tổng đốc Nghệ-an và Tuần-vũ Hà tỉnh cấp phát cho mỗi làng 100 trương giấy và một số tiền phí tổn, buộc phải sưu tầm và sao lục ở trong địa phương mình có câu phương ngôn tục ngữ nào, câu hát, câu vè nào, viết cho bằng hết, sau đó tập trung về tòa-sứ Vinh biên soạn lại đề gửi về Pháp làm tài liệu nghiên cứu về văn chương bình dân Việt-Nam.

Tiểu thay việc làm nói trên của Oser, Cụ Phan sát Nam khi ở Nhật, trong một tác phẩm bằng chữ Hán nhan đề «Pháp tặc thống trị Việt-Nam chi ác chính» đã viết «đây là một thủ đoạn hiểm độc của người Pháp, chỉ cho biên những cái bậy bạ, để làm tài liệu tố cáo ra thế giới rằng: Văn-hóa Việt-Nam đang giả man cổ lậu như thế này đây. Người Pháp chúng tôi có nhiệm vụ phải văn minh khai hóa cho họ.»

Có lẽ nhà tiên bối cách mạng

của chúng ta đã chú trọng mặt tuyên truyền nhiều hơn là việc tìm hiểu một công tác văn hóa của một người Pháp. Vì nếu bảo rằng đây là một «ác sách» thì khàng thể chỉ thi hành một địa phương Nghệ-Tĩnh? Bởi vậy, chúng ta có thể nói một câu mà không sợ sai lầm rằng: đây là một sáng kiến riêng của Oser, một học giả của nước Pháp muốn tìm hiểu văn chương bình dân ở một địa phương mà ông ta đang cai trị mà thôi. Chúng ta nên nói như thế để được đúng với tinh thần văn minh và hợp lẽ công bình.

1) *Sách Luận ngữ có câu: Bác thi tề chúng Nghiêu, Thuấn kỳ do bệnh chư. Câu này có nghĩa là: mở rộng sự chân thi đề cứu tề cho mọi người, thì đến Nghiêu, Thuấn cũng còn cho là khó.*

*Nhưng trường hợp nhà thương bố thi do người Pháp xây dựng ra ở đây, thì cái việc Nghiêu, Thuấn cho là khó, thì lại không có gì là khó khăn cả.*

*Câu đối này được truyền tụng ở Nghệ-Tĩnh, các cụ khoa bảng Nghệ-Tĩnh đều thân phục là hay. Tiếc rằng chúng tôi bị quên mất một vế.*

**Oser với cụ Hoàng giáp Lý**

Khi tới nhậm chức Công sứ tỉnh Nghệ-An, Oser yêu cầu với Tổng-Đốc Nghệ-An cho ông ta được phép liên lạc với các cụ khoa bảng Nghệ-Tĩnh để được học hỏi thêm về văn chương chữ Hán. Cụ Hoàng-Giáp Nguyễn-Đức-Lý người tổng Yên trường, phủ Hưng nguyên, Tỉnh Nghệ An (Sau sát nhập vào phố đệ thất, thuộc thị xã Vinh Bến Thủy) là người được ông Tổng đốc Nghệ An lựa chọn để thường trực tiếp với công sứ Oser, vì lẽ nhà cụ Lý ở ngay Vinh. sau đó cụ Hoàng Giáp-Lý trở nên người bạn chí thân của Oser trên bình diện Văn chương chữ nghĩa. Nhưng cũng vì thế mà nhiều lần Oser đã làm cho cụ Thạc sĩ nhà Minh bị bế tắc về những chữ «*chi hồ dã giả*». Ví dụ có một lần Oser hỏi cụ Lý:

— Hai chữ «*ô-hô*» nghĩa là sao?

— *Ô-hô* nghĩa là than ôi, tức là tỏ sự đau buồn.

— Chỉ có thể thôi sao? Oser hỏi.

— Vâng! nghĩa hai chữ *ô-hô* chỉ có thế! Cụ Lý trả lời.

Nhà nho học Pháp bảo:

— Theo tôi hiểu, hai chữ *ô-hô* còn có nhiều nghĩa nữa. Vì trong sách *Tiến-hán-thư* có câu «*ô-hô Cao-Đế khê vị tri đại kế giả hỹ*» (than ôi, vua Cao-đế đang gọi là một người biết mưu kế lớn vậy. Vậy hai chữ *ô-hô* ở câu này, ta không thấy có gì là đau buồn cả có phải thế không, thưa ông Thạc Sĩ? (I) :

Cụ Hoàng giáp Lý không biết nói làm sao, chỉ ngồi cười gượng. Một hồi lâu Oser từ-từ nói tiếp.

— Theo thiên ý tôi, hai chữ

1) *Hoàng-giáp cao hơn Tiến-sĩ, Cụ Nguyễn-Đức-Lý đậu Hoàng-giáp, cho nên Oser thường gọi là ông Thạc.Sĩ*



Ó-hô là một tán-thán-từ, dùng để biểu diễn thất tình khi xảy tới một cách đột ngột. như những chữ : « a », « y », « hap-hap », « hà dẳng », « ó-hô », « Ta-hồ », « khoai tai » chứ không phải nhất định là đau buồn như các cụ hiểu.

Cụ Hoàng giáp Lý khi kể lại câu chuyện trên với một người bạn với tất cả tinh thần thán phục một người ngoại quốc.

Lại có một lần khác, nhân đàm luận về Kinh, Truyện sách vở. Oser hỏi cụ Lý :

— Các cụ đọc trong sách, có thể có một câu mà người này hiểu thế này, người khác hiểu thế khác, gặp trường hợp như thế thì làm sao ?

Cụ Lý chống ché,

— Không thể như thế được ! tất cả mọi người đều phải hiểu và giảng như nhau, theo đúng ông Chu-Hy đã giảng giải trong các sách Thê chú của ông.

Oser cười :

— Theo tôi hiểu, Chu-Hy sinh sau Khổng Tử một nghìn năm, làm sao lại có thể không bị hiểu

sai lời nói của Khổng Tử được ? Bởi vậy hậu thế chúng ta, khi đọc sách cũ của Nho-giáo phải tìm một định nghĩa sao cho hợp lý, chứ không nên nhất nhất đều theo ý kiến Chu-Hy đã giảng giải.

Vì theo chỗ tôi hiểu, những lời Khổng-Mạnh trong Kinh truyện, đã bị Chu-Hy giảng giải sai lạc rất nhiều. Đây là một vấn đề mấu chốt và sâu xa đã đem Á Đông tới chỗ chậm tiến và lạc hậu, đáng lý ra Châu Á này phải được Văn minh trước Âu Mỹ. Vì lịch sử thế giới đã cho ta biết, khi nước Tàu đã có hệ thống triết lý và chế độ chính trị mà nước Anh-Cát-Lợi còn là mấy hòn đảo đang lơ mờ ở giữa biển, và người ta cũng chưa ai biết có Châu Mỹ.

Những lời nói của Oser đã làm cho Cụ Hoàng-giáp-Lý vỡ toang một cơn mê-mộng.

Một vài phút sau đó, như nhớ ra điều gì Oser hỏi tiếp cụ Lý :

— Các cụ hiểu chữ « THIÊN » là nghĩa thế nào ?

— THIÊN nghĩa là trời.

— Ông trời là cái gì ?

— Ông trời là một đấng tạo hóa ở trên thiên-cung giữ trọn quyền trong vũ trụ ; tất cả những người trong đời, sống, chết, thọ, yểu giàu, nghèo, sang, hèn, đều do ông trời quyết định cái mà NHO-GIÁO chúng tôi gọi là *THIÊN-MỆNH* cũng gọi là *ĐỊNH-MỆNH*.

Oser tỏ thái độ hơi khó chịu đoạn nói :

— Thưa ông Thạc-sĩ, theo chỗ chúng tôi được nghiên cứu, thì chữ Thiên trong Nho-Giáo không phải nói có một đấng Thượng, đế, toàn lượng toàn năng, sáng tạo ra vũ trụ vạn vật rồi bắt vũ trụ vạn vật vận hành biến chuyển theo mệnh lệnh của mình ; mà Nho Giáo chỉ nói : Thiên tức là « *thiên nhiên* », « *thiên lý* » cũng gọi là « *tự nhiên luật* », ví dụ trong kinh dịch có câu : « *thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức* » Nghĩa là : quy luật tự nhiên của trời đất vận hành biến chuyển là tất yếu và cứng rắn, người quân tử (người giỏi) là người thấu triệt cái lý tất yếu ấy, nên họ hành động rất cương quyết

(tự cường) chứ không bao giờ chần chừ do dự.

Bất sang danh từ *THIÊN-MỆNH* Oser nói :

— *THIÊN MỆNH* của NHO GIÁO không hề nói tất cả điều do ông trời, như huyết định mệnh (FATALISME) của Tây phương, mà nó chính là « Định Mệnh khoa học thuyết » (determinisme) của Auguste-Comte của Tây phương, phải hiểu như vậy mới đúng,

Thiệt vậy, nếu bảo rằng chết sống có mệnh, giàu nghèo do trời (*tử sinh hưu mệnh phú quý tại thiên*) thì tại sao ông Mạnh-Kha, một lý thuyết gia của NHO-GIÁO, lại nói : « người biết mệnh trời thì không bao giờ đứng dưới một bức tường cao vút đã nứt rạn » (*Tri mệnh giả bất lập ư nham tường chi hạ*).

Nếu bảo rằng chết sống do số mệnh, thì khi số anh chưa chết, bức tường có cao vút và nứt rạn cũng không bao giờ đổ. Nhưng ông Mạnh nói dứt khoát « *tri mệnh* » thì « *bất lập* » kia mà ?



## MỘT ÔNG TÂY ĐỒ NHO

Lại có một lần Hội Tư-vấn Tỉnh Nghệ An tế lễ tại đền Văn Thánh, thuộc Phó Đệ lục thị xã Vinh Bến Thủy, gói giấy mời Oser tới dự lễ, ông ta khăn áo chỉnh tề, mua sắm lễ vật tới đền Văn-Thánh.

Ngồi giữa đám khoa giáp Nghệ-An, đủ mặt Thám hoa, Hoàng giáp, Tiến-Sĩ, Cử nhân, Tú-tài, và Sĩ-tử toàn tỉnh, Oser hỏi cử tọa.

— Không Tử là hữu thần hay vô thần? Duy tâm hay duy vật?

— Không-tử là hữu-thần và duy tâm! Cử tọa đồng thanh trả lời.

Oser ngẫm nghĩ một hồi lâu rồi nói:

— Theo thiên ý của tôi thì các nhà triết lý Đông Tây, đều hiểu Không tử sai hết. Tây phương cho Không-tử là Phiếm-thần,

«phiếm» nghĩa là trống, không chịu nói rõ có thần hay không? Nhưng theo thiên ý của tôi, Không-tử là duy-thực và vô thần nên nói hẳn như thế để học thuyết của Ngài khỏi bị người ta lợi dụng. Thiệt vậy, đáng vạn-thể sư-biểu Không-phu-Tử, cái gì biết, Ngài nói biết; cái gì không chắc, thì Ngài nói không. Ngài không bao giờ suy-luận; theo chủ quan của mình, rồi bảo là có cái này, có ông thánh, ông thần nọ, trong khi tai không nghe, mắt không thấy, như vậy nên chúng ta phải nói Ngài là DUY-THỰC.

Tôi nói Ngài là vô thần là vì tôi đã căn cứ vào những sự kiện sau đây. Ngài nói:

— Khi cúng tế tổ tiên cha mẹ, như có tổ tiên cha mẹ ở trên; khi tế tự thần thánh, như có thần thánh ngồi trên đó, (tế như

## MỘT ÔNG TÂY ĐỒ NHO

tại, tế thần như thần tại: Luận ngữ)

Khi ngài dùng hai tiếng «*Như*» tức đã cho ta một khái niệm là không có gì rồi; nếu ngài công nhận là có thì dùng chữ «*như*» lên trên chữ có làm gì?

Lại một lần khác, học trò hỏi Ngài: Xin thầy cho biết nên thờ phụng quỷ thần làm sao cho phải đạo? Ngài nói:

— Con người ăn ở với nhau, chưa biết thế nào cho phải đạo, anh hỏi tôi cái việc thờ phụng quỷ thần làm gì nhĩ? (*Cảm vấn sự quỷ, Tử viết: vị năng sự nhân yên năng sự quỷ?*)

Lại có một lần khác, học trò hỏi Ngài:

— Thưa thầy! Con người ta sau khi chết rồi sẽ ra sao?

— Ta chưa biết hết cái đạo làm người lúc còn sống, anh đã hỏi

lúc chết làm gì? tôi sao biết được để trả lời anh.

(*Cảm vấn tử! Tử viết: vị tri sinh yên tri tử: Luận-ngữ.*)

Rõ ràng và cụ thể nhất là lời sau đây của NHO-GIÁO:

— «*Những người bảo rằng: con người chết rồi là hết cả, là kẻ bất nhân; những người nói rằng: con người chết rồi vẫn có một linh hồn sống mãi, là những kẻ bất trí (Tri tử nhi chi tử chi bất nhân: tri tử nhi chi sinh chi bất trí).*»

Theo Không Tử, cái không chết của con người lúc sinh tiền về cả hai phương diện: Tốt và xấu.

Rồi Oser kết luận: Nho Giáo là một Triết thuyết thực tiễn nhất, nhân loại có nhiệm vụ phát triển nó lại, để làm kim chỉ Nam.



**Dùng midol** trị các chứng đau nhức và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
1360/BYT/ĐPDC

**Dùng midol** trị các chứng đau nhức và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
1360/BYT/ĐPDC



*Đối với Khoa-học,  
ngày tốt, xấu, năm kiết,  
hung bởi lý do nào  
mà có ?*

# BẢO MẮT TRỜI

★ AI-LAN

Theo âm lịch Tàu trước đây, và bây giờ là lịch ta, nhất là lịch Tam Tông Miếu ta thấy mỗi tám lịch đều có in ngày tốt, ngày xấu, giờ kiết, giờ hung, và nên làm việc này, không nên làm việc kia... Có nhiều người rất tin tưởng muốn làm việc gì, muốn đi xa, họ đều giờ lịch ra xem để chọn ngày giờ tốt mới cử hành hay ra đi. Cũng có nhiều người không tin, người ta cho rằng ngày nào cũng ngày của trời đất không tin dị đoán như thế.

Nhưng các nhà khoa học lại giúp giải theo khoa học thực nghiệm và cho rằng ngày tốt xấu, năm kiết hung vẫn có

ứng nghiệm không sai. Ta hãy đọc sau đây những lý giải của các nhà khoa học ấy:

Theo các cuộc khảo xét thí nghiệm của các nhà thiên văn học Âu Tây ngày nay, thì thỉnh thoảng, mặt trời lại tăng thêm nhiệt-độ dội xuống trái đất. Thời hạn xảy ra hiện tượng đó lại đúng chu kỳ: cứ 11 năm lại có một lần mặt trời tăng nhiệt độ. Bắt đầu thì nhiệt độ tăng lên dần dần rồi đến cực-độ, rồi dịu dần đi, để 11 năm sau lại tăng lên như thế, cứ đúng chu kỳ như thế không bao giờ sai.

Bắt đầu thí nghiệm thấy nhiệt

## BẢO MẮT TRỜI

độ trong năm 1933. trong khoảng mấy năm 1936-1939 là thời kỳ nhiệt độ mặt trời tăng lên cực độ. Đến năm 1943 thì nhiệt độ mặt trời dịu lại như thường.

Năm 1944 lại khởi một thời kỳ tăng nhiệt độ của mặt trời. Trong thời kỳ mặt trời cực tăng nhiệt độ thì sức khỏe của người ta, về tinh thần cũng như thể chất, bị ảnh hưởng rất tai hại, mất hẳn quân binh Anh. mặt trời như thêu như đốt làm cây cỏ vàng úa chết chóc, người vật khô khan nóng nẩy. bệnh hoạn, chết chóc và lẽ thường. Nhiệt độ của vỏ mặt trời trong lúc cực tăng nhiệt độ là 6.0000 độ. Tuy thế, cũng chưa phải là một áp lực mãnh liệt lắm đâu.

Nguy hiểm nhất là khi mặt trời có những vết đen, tỏa ra những ánh nắng, nhiệt độ bằng mấy triệu độ và áp lực còn mãnh liệt ghê gớm hơn vô cùng.

Thỉnh thoảng, vỏ mặt trời lại nứt nẻ ra một chỗ, thành một lỗ hổng như miệng cái phễu, thông đến phía trong mặt trời. Do những lỗ này, sức nóng của mặt trời tỏa ra hết sức mạnh, gây nên những tai nạn Kinh thiên động địa ở thế gian.

Các lỗ ấy, người ta xem bằng kính thiên lý thì thấy nó màu đen đen như màu đất nên người ta gọi là vết đen của mặt trời.

Mỗi khi vết đen hiện ra ở mặt trời, người ta có thể tiên đoán là sắp có việc gì quan trọng sẽ xảy ra trên địa cầu, vì nhiều khi những lỗ hổng tức những vết đen ấy ngày càng lớn rộng ra gấp mười lần, 20 lần diện tích của trái đất là sức nóng và áp lực của những lỗ hổng ấy dội xuống trái đất, gây nên những cơn giông tố, bão táp, những nạn lụt lội, động đất những bệnh thời khí và các bệnh tật tai ương, những nạn tự tử, những nạn bất đắc kỳ tử, những cuộc loạn trị, loạn thần của cá nhân và của đoàn thể, tóm lại những vết đen của mặt trời có ảnh hưởng đến tất cả tai nạn cho loài người.

Cũng may, nhờ khoa học nên được biết trước các vết đen đó xuất hiện, người ta tìm cách ngăn ngừa trước nên cũng đỡ đi phần nào tai nạn bất thần cho người trên mặt đất.

Như vậy, các nhà khoa học có thể tiên tri dễ dàng và rất đúng, nếu họ lo chăm sóc mặt trời bằng ống kính viễn vọng thiên lý tối tân.

Tiên tri những tai họa như trên đã nói và đã tả trong một trăm ba chục bản tường trình của những nhà bác học trứ danh hai mươi nước trên thế giới đã phổ biến trong cuộc đại hội nghị « Thiên văn phân tích », họp tại tỉnh Nice vào tháng 6 năm 1938.

Hội-nghị này họp dưới quyền chủ tọa của ba nhà Bác học trứ danh khắp hoàn-cầu là giáo sư d'Arsonval, giáo sư Deslandres và ông Auguste Lumière.

Bác sĩ Maurice Faure là người hô hào họp hội nghị này, đã tuyên bố trước đại biểu hơn hai mươi nước họp hội nghị :

« Nhiều lần tôi đã báo trước cho các phi công và các nhà tổ chức các cuộc thi bay biết rằng ngày ấy, ngày họ không nên bay dù rằng thời tiết đang rất tốt. Người ta không nghe lời tôi cứ đi những ngày ấy, thành ra máy bay bị rơi vỡ, phi công hoặc bị thiệt mạng hoặc bị thương nặng... »

Bác sĩ nói tiếp :

« Thời kỳ « bão mặt trời » thường xảy ra luôn những nạn xe lửa, ô tô và nhớt và máy bay. Thế mà người là vẫn không tìm phương sách đề phòng vệ cá nhân hay chánh trị. Mà những ngày xấu, tránh không tổ chức các cuộc đua ô-tô, biểu diễn hay đua phi cơ thì có khó gì ! »

Theo các nhà thiên-văn-học thì khi có « bão mặt trời » thường có những nhiệt-tuyến tỏa ra quá độ làm thay đổi cả từ điện và truyền - điện - tính của không khí, như vậy, đủ làm vỡ tan máy móc và thần kinh hệ của các phi công. Nó ảnh hưởng đến luồng phát thanh của vô tuyến điện quá đến nỗi nhiều y sĩ đã phải tự hỏi rằng : sau ở những khu ấy, khu nọ, thời tiết tốt như vậy mà có lắm thứ làm rối loạn máy vô tuyến phát thanh, thu thanh, như vậy ?

Trong các tai nạn do nhiệt độ cực điểm của mặt trời gây nên, ghê gớm nhớt và thường xảy ra, nhớt là các bệnh thời khí.

Nhiều giáo sư trứ danh người Hung, người Nga, người Mỹ và

Pháp đã xác nhận chắc chắn rằng cứ mỗi khi trên mặt trời có vết đen thì dưới đất lại phát sanh ra bệnh thời khí lan tràn như bệnh cúm, đau màng óc, dịch tả, dịch hạch, đậu mùa v.v., Năm 1929, tính toán theo «bão

mặt trời» đã xảy ra, giáo sư Tchijewsky ở Moscou viết một cuốn sách tiên đoán về tình hình bệnh cúm trong vòng 15 năm sau. Các điều tiên đoán của giáo sư đều đúng cả. Giáo sư lại đoán trước rằng mùa đông năm 1941-1942 là mùa rét chết người nhiều hơn hết.

Sau các bệnh dịch, nên kể các bệnh mới phát sanh như bệnh tê thấp chẳng hạn.

Nhiều người bề ngoài coi bộ khỏe mạnh lắm, nhưng đến lúc họ bệnh rồi, gặp phải khí từ điện và điện điện trong không khí ta thu hút thay đổi đột ngột không thể chịu được, có người bị chết tươi, có người tự tử, đó là chưa kể những tội ác vô lý xảy ra, mà

chính người phạm tội cũng không hiểu tại sao mình gây nên tội ác như vậy.

Những hiện tượng ấy rõ rệt quá đến nỗi tại Brésil, người ta đã phải kiêng cử những năm hung ngày xấu một cách rất khoa học.

Giáo sư Ane Dias cho hay rằng tại nước ông trong thời kỳ có « bão mặt trời » người ta không thi hành việc chữa bệnh nào quan trọng, như việc mổ xẻ chẳng hạn. Tất cả các bệnh viện Rio de Janeiro đều liên lạc mặt thiết với các đài thiên văn, và làm việc tùy theo các vết đen của mặt trời.

Sau hết, theo các euộc khảo cứu của những nhà bác học thì các việc rối loạn, quan trọng trong xã hội loài người như chiến tranh nội loạn, cách-mạng và kinh tế khủng hoảng đều xảy ra ăn nhịp với các thời kỳ nhiệt độ mặt trời tăng gia cực độ.

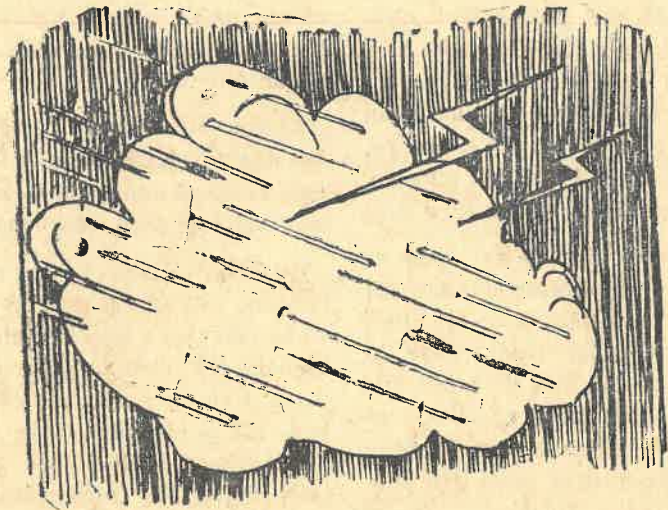
Như vậy, sự kiêng cử năm tố

**Dùng midol** trị các chứng đau nhức và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BX T/DPDC





năm xấu, ngày kiết, ngày hung cũng không phải là hoàn toàn mê tín dị đoan, mà sở dĩ có ngày tốt ngày xấu năm kiết, năm hung như vậy là do ở ảnh hưởng của mặt trời và các hành tinh của thái dương hệ tỏa sức nóng quá độ mà ra. Vậy thì vận hạn, mà người mình mỗi năm giải trừ, cúng kiến sao hạn, cũng không phải mơ hồ, nhưng có điều ta bày ra cúng kiến, giải trừ, kiêng cử là vì ta chưa thấu đáo về khoa học như trên, mà cứ tin tưởng ở sự huyền bí mà thôi.

Và các nhà bác học thử dùng «thiên lý nhãn» mà xét xem thử mặt trời có vết đen và nhiệt độ của nó có «leo thang», kéo dài chu kỳ 11 năm ra 20, hay 20 mấy năm chăng, mà ở Việt Nam ta bị chiến tranh kéo dài đến trên 20 năm nay ?

Tại nạn của dân Việt Nam ta có phải là do «Thiên định (mặt trời) hay nhân định ? như Nguyễn Du đã có câu :

« Xưa nay Nhơn định thắng Thiên cũng nhiều».



# ÓC CHÂM-BIỆM CHẾ GIỮ

của  
người Việt-Nam chúng ta  
qua Ca - dao  
★ Nguyễn-đôn-Mãn

Nếu ở bên trời Tây xa lắc xa lơ kia, người Anh-cát-lợi được khét tiếng là có một tinh thần hải hước, bao biếm rất sâu sắc, tế nhị bao nhiêu, thì ở bên trời Đông này, người Việt - Nam chúng ta cũng được nổi danh là một dân tộc có óc châm biếm, chế giễu cực kỳ thâm thúy, tài tình bấy nhiêu .

Cá tính dân tộc đặc biệt ấy đã được thể hiện trong các tiếng hát, câu hò của các tầng lớp nhân dân lao động và được truyền khẩu từ cửa miệng này qua cửa miệng khác và từ đời này sang đời khác, liên miên bất tuyệt.

Đối tượng bị chỉ trích, châm biếm gồm đủ hạng người từ già t hư sinh mặt trắng cho đến bà cụ già tuổi tám mươi tư, gần đất xa trời. Thậm chí dưới thời quân chủ chuyên chế người dân quê hồn nhiên, chất phác đã coi rẻ cái đầu mình khi họ dám đả kích đến cả nhà vua ! Ấy mới cả gan cho chứ !

Những câu ca dao ấy không có tác giả, hay nói đúng hơn, tác giả của nó là quảng đại quần chúng vô danh vậy .

Chúng ta không thể biết đích xác những câu ca dao truyền

khẩu ấy đã thai từ nơi nào và thời buổi nào, trừ một trường hợp rất hiếm. Nhưng sở dĩ nó được mọi người thuộc lấy năm lòng vì nó đượm tinh chất bình dân, hài hước, dí dỏm cho nên hề đọc lên là chúng ta không khỏi ôm bụng cười khúc khích, cười chết đi được.

Dần dần sau này, sự chế giễu nhau bằng ca dao truyền khẩu đã trở thành cái thói quen trong dân chúng. Cho nên hề gặp một chuyện chường tai gai mắt xảy ra trong xóm, trong làng, và nếu thấy thấp thoáng đâu đây bóng dáng người họ định bụng xoi móc, tức thì họ khéo giả vờ, thừa lúc tát nước giả gạo, ru em, v.v... cất giọng lanh lảnh hát lên câu ca dao bóng bẩy ý nhị, thâm trầm, sâu sắc khiến cho ai đó có tật phải giật mình.

Lần lược sau đây, tôi sẽ dẫn ra những câu ca dao sắc mùi châm biếm ấy để chúng ta cùng có một ý niệm cụ thể về tinh thần bảo biếm, chế giễu của dân tộc ta và để ngâm nga cho vui tai trong lúc trà dư tửu hậu, kể cũng không đến nỗi vô ích lắm vậy.

oOo

Đề giễu cậu học trò :

« Học trò đi học đã về.

Cơm canh chưa chín đã trề môi ra.

HOẶC :

« Ai ơi ! chớ lấy học trò.

Dài lưng tổn vải ăn no lại nằm

Đề giễu anh học trò thi hỏng:

« Đi đâu ôm sách đi hoài,

Cử nhân không đỗ tú tài cũng không ?

HOẶC :

« Ai về nhắn với mẹ cha,

mua heo (1) trả lại trường ba anh hỏng rồi.

Đề giễu anh chàng đêm đêm đi chọc gái :

« Bậu về mà ngủ kéo khuya

Xấu chơm cá chẳng vào đĩa thì thôi.

Đề giễu con trai, con gái chơi thân :

« Con gái chơi với con trai,

Rồi sau cái vú bằng hai sọ dừa.

Đề giễu đàn bà chính chuyên :

« Chính chuyên hết cũng ra ma

Lẳng lơ chết cũng đem ra ngoài đồng.

Đề giễu đàn bà ngoại tình :

« Có chồng càng dễ chơi ngang

• 1.— Đề ăn khao

Đẻ ra con thiếp con chàng con ai?

HOẶC :

« Hai tay cầm hai quả hồng,  
Quả chát phần chồng quả ngọt phần trai.

« Đêm nằm vuốt bụng thở dài  
Thương chồng thì ít thương  
trai thì nhiều.

HOẶC :

« Có chồng thì mặc có chồng  
Còn đi e hơi trộm kiếm đồng mua rau.

Đề giễu đàn bà chồng đi vắng ở nhà ngoại tình :

« Không trăng thì đã có sao,

Chồng mày đi vắng có tao ở nhà.

Đề giễu đàn bà, chồng đi lính ở nhà chữa hoang :

« Có kia đội nón ba tầm,

« Chồng cô đi lính cô nằm với ai ?

« Đêm cô nằm cô đẻ một thằng con trai,

« Chồng về chồng hỏi : « Con ai thế này ? »

« — Con tôi đi kiếm về đây,

« Có cho nó gọi bằng thầy thì cho.

Đề giễu bà góa thêm khát đi lấy chồng :

« Chồng chết chưa kịp mãn tang,  
« Cái l ... nhóp nhép như mang cá tràu.

HOẶC :

« Hỡi thằng cu nhón! Hỡi thằng cu bé !

« Con dậy con ăn con ở với bà,  
« Đề mẹ đi kiếm một và con thêm.

« Bố con chết đi, trong bụng mẹ đây hãy còn thêm.

« Mẹ xem quẻ bói, vẫn còn đàn em trong bụng này.

Đề giễu hai vợ chồng đều ngoại tình :

« Ông ăn chả bà ăn nem,

« Đây tớ có thêm mua thịt mà ăn.

Đề giễu con gái kén chồng :  
« Đi đâu mà chẳng lấy chồng,  
Người ta lấy hết chồng mông mà gào.

Gào rằng : « Đắt hời, trời ơi !  
« Sao không thí bỏ cho tôi chút chồng ?

Ông trời ngoài anh cô lại trông;



ỐC CHÂM BIẾM

« Mây hay kén chọn công không  
cho mây

Đề giễu đàn ông có vợ đẹp :

« Vợ đẹp càng tỏ đau lưng,

« Chè ngon tức bụng điếu thông  
quyện đờm.

Đề giễu anh chàng ở rề :

« Công anh làm rề có tài,

« Một mình ăn hết mười hai vại  
cà.

Anh chuyên rửa bát quét nhà,

« Vợ gọi thi dạ : « Bấm bà tôi  
đây »

Đề giễu ông già chọc gái :

« Ông già ông đội nón cời,

« Ông ve con gái ông trời đánh  
ông

HOẶC :

« Ông già tôi chẳng ưng đâu,

« Ông đừng lấp lửng cạo râu  
đau hàm.

Nhưng gặp phải ông già rất  
quá quắc, ông chẳng nhịn thua,  
liền hát trả lại :

«—Con kia chớ nói bá xàm,

«Râu tao tao cạo đau hàm mặc  
tao.

Đề giễu bà già còn muốn lấy  
chồng :

«Rung rinh nước chảy qua đèo,

«Bà già lật đật mua heo cưới  
chồng.

HOẶC :

«Bà già đã tám mươi tư,

«Ngồi trong cửa sổ viết thư kén  
chồng.

HOẶC :

«Bà già đi chợ Cầu-Đông,

«Bói xem một quẻ, lấy chồng  
lợi chăng ?

«Ông thầy gieo quẻ nói rằng :

«Lợi thì có lợi nhưng răng  
không còn !»

Đề giễu con gái lấy chồng già:

«Có duyên lấy được ông già,

«Ăn xôi bỏ chày ăn gà bỏ xương.

HOẶC :

«vô duyên vô phúc mức phải  
anh chồng già,

«ra đường người hỏi rằng cha  
hay chồng ?

«Nói ra đau đớn trong lòng,

«ấy nợ truyền kiếp có phải là  
chồng em đâu !

Hoặc :

«Trời mưa nước chảy qua sân,

«Em lấy ông lão qua lần thì  
«thôi.

«Bao giờ ông lão châu trời

ỐC CHÂM BIẾM

«thì em lại kiếm một người trai  
tơ .

Đề giễu đàn bà đi chùa :

«Hôm nay mười bốn mai rằm,

«Muốn ăn xôi oản lên năm với  
sư .

HOẶC

«Muốn ăn đậu phụ tương tàu .

«Mài dao đánh kéo gọt đầu đi tu ,

Đề giễu thầy tu (ông sư)

«thầy tu ăn vụng cá kho,

«thầy chùa bắt được đánh mo  
lên dầu .

HOẶC

«Ba cô đội gạo lên chùa,

«một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư

«sư về sư ốm tương tư,

«ôm lẫn ốm lóc cho sư trợ đầu.

HOẶC :

Sư đang tụng niệm nam mô ,

«Thấy cô xách giỏ mò cua bên  
chùa .

«Lòng sư luồn những ngân ngơ,

«Bỏ kinh bỏ kệ tìm c hỏi chào .

«Ai ngờ cô đi đặng nào ,

«Tay cầm tràng hạt ra vào bần  
khoản .

Đề giễu bà vải :

«Cái trống sơn đỏ, cái mõ sơn  
son.

«Ông sư bà vải có con rõ ràng.

Đề giễu chú tiêu :

«Hỡi ơi ! chú tiêu trên chùa !

«Chú tu sao chú bỏ bùa cho tôi

Đề giễu bà mẹ kén rề :

«Trăng khuyết rồi lại trăng tròn

«Mẹ già kén rề con còn hóa (I)  
lâu .

Đề giễu cô gái bị chồng đẽ :

«Mèo lành ai nở cắt tai,

«Gái khon chồng đẽ khoetài

nồi chi ?

HOẶC

«Ai lên Phố-Cát Đại Đồng,

«Hỏi thăm cô Tú có chồng hay  
chưa ?

«Có chồng năm ngoài năm xưa,

«Năm nay chồng đẽ nhưng  
chưa có chồng

Đề giễu con gái ế chồng :

«Cứ đêm đêm tôi nằm vuốt

bụng tôi gọi giới

«Xin ông thí bỏ cho tôi chút

chồng .

«Tôi về làm lễ tế ông,

«Mồ con bò béo, ông cho tôi

lấy đức ông chồng cho nó to .

«Bổ công tôi mượn chú lái đi  
mổ bò .

Đề giễu con gái chữa hoang :

« Không chồng mà chữa mới  
ngoan,

1) Goa

«Cố chồng mà chữa, thế gian  
cũng thường.

Đề giễu đàn bà theo thầy giáo:

«Muốn sang thì bắt cầu kiều,

«Muốn con hay chữ phải yêu  
lấy thầy

Đề giễu con gái lẳng lơ :

«Gái đâu có gái lạ đời,

«Chỉ còn thiếu một ông trời  
không chim?

Đề giễu đàn ông hai vợ :

«Giường lèo mà trái chiếu mây,

«dám trai hai vợ như dây buột  
minh.

Đề giễu đàn bà lấy chồng ngu :

«Thà rằng làm lẽ thứ mười,

«Còn hơn chánh thất những  
người đàn ngu .

HOẶC :

«Bảo cho những khách má hồng,

«Thà hầu quân tử hơn  
chồng đàn ngu.

Đề giễu đàn bà làm lẽ :

«Đói lòng ăn nắm lá sung,

«Chồng một thì lấy chồng chung  
thì đừng .

HOẶC

«Tốt số lấy được chồng chung,

«đương vua khỏi đóng áo chồng  
khỏi may .

Đề giễu trai tơ lấy vợ lại dòng

«Trai tơ thì lấy gái tơ,

«Ông cha chi bắt mà quơ lại  
dòng.

HOẶC

«Trai tơ mà lấy mẹ dòng,

«Cũng như chuột lắt chạy trong  
lòng ống tre .

Đề giễu lại dòng lấy trai tơ :

«Lại dòng vợ được trai tơ,

«Huynh hoàng mà lại có cơ  
mất chồng.

Đề giễu con gái lấy người góa  
vợ :

«Ba bốn nơi đi nói không màng

«Chờ nơi chết vợ sẵn sàng qui  
mò .

Đề giễu mẹ góa con côi đều có  
tình nhân:

«mẹ ơi ! con muốn lấy chồng.

«Con ơi ! mẹ cũng một lòng với  
con ,

Hoặc đ u có chữa hoang :

•mẹ ơi ! con đã có thai,

•Con ơi ! mẹ cũng một vài  
tháng nay .

Đề giễu con cô con cậu lấy nhau:

•Cháu cậu mà lấy cháu cô,

Lúa thóc đầy bồ giống má nhà  
ta.

Đề giễu đôi chị em bạn đi yêu  
nhau:

«Vua chúa cấm đoán làm chi,

Đề đôi con di chẳng lấy được  
nhau

Đề giễu dượng rề lấy cháu vợ :

«Bên sông có bụi dành dành,  
Dượng mà lấy cháu sao đành  
dượng ơi !

HOẶC

«Đi đâu lang chạ mà hư,  
ở đây với dượng cũng như lấy  
chồng.

Đêm khuya dượng thắp đèn  
lồng

Dượng thức cháu dậy dượng  
bồng cháu vô.

Đề giễu anh rề lấy em vợ,

Cây ngô đồng trở bông bí rợ,  
Anh rề ở gần em vợ có con.

HOẶC

Đêm tối đi mò em vợ :

Giữa đêm gà gáy, cô em gái vừa  
tỉnh giấc nồng,

bỗng thấy có ai thắp thoáng, có  
liền tri hô lên :

«Đêm khuya gà gáy O, O,

Hỡi người quân tử đó bỏ đi đâu ?  
Người anh rề nhanh nhẹn trả  
lời :

«Đêm khuya gà gáy O, O,

Anh ngủ không được anh bỏ  
anh chơi.

Và cố ý để cho chị mình khỏi  
nghỉ ngơi, cô em bèn phân bua :

«Đêm khuya gà gáy O, O,

Cửa di di giữ ai mò mặc ai.

Đề giễu thầy thuốc :

•Thầy khoe thầy cứu được  
người,

Đến khi thầy ốm chẳng ai cứu  
thầy,

HOẶC

«Thầy mạnh thầy chữa người  
ta,

Đến khi thầy ốm thì ma chữa  
thầy.

Đề giễu thầy địa :

«Cục đất mà biết nói năng.

Thì thầy địa lý hàm răng không  
còn.

Đề giễu thầy bói :

«Bói cho một quẻ trong nhà,  
Chuồng heo ở dưới chuồng gà  
ở trên.

HOẶC :

«Số cô chẳng giàu thì nghèo,  
Ngày ba mươi Tết thịt heo đầy  
nhà.

Số cô có mẹ có cha,

Mẹ cô đàn bà cha cô đàn ông.

Số cô có vợ có chồng,

Sanh con đầu lòng chẳng gái  
thì trai.

Đề giễu thầy phù thủy (thầy  
pháp) :

«Chập chập thôi lại cheng cheng



Con gà sống thiêng để riêng  
cho thầy.

Múc cháo thì múc cho đầy,  
Đừng múc lắt nhắt mà thầy  
không ưa.

Đề giễu thầy đồng bà cốt :

«Hồn rắng hồn thác ban ngày,  
Thương con nhớ mẹ hồn rầy  
thác đêm.

Đề giễu chồng trẻ vợ già :

«Chồng già vợ trẻ là tiên,  
Vợ già chồng trẻ là duyên nợ  
nần.

Đề giễu chồng thấp vợ cao :

«Nực cười chồng thấp vợ cao,  
Qua sông nước lớn công tao bở  
mầy !

HOẶC :

Chồng thấp mà lấy vợ cao,  
Nồi tròn vung méo úp sao cho  
vừa.

Đề giễu con gái lấy trai :

«Ở đây có đũa lấy trai,  
Cho nên trời nắng hạn hoai  
không mưa.

Hoặc chồng bé, vợ lớn :

«Chồng lớn vợ bé thì xinh,  
Vợ lớn chồng bé ra hình chị em  
Đề giễu đàn bà có chồng ghiền:

«Lấy chồng ghiền như tiên nhỏ  
nhỏ,

Nghĩ lại sự tình muốn bỏ ông  
tiên.

Đề giễu người hà tiện :

«Thế gian nhiều đại ít khôn,  
Sống mặc đồ rách chết chôn đồ  
lành.

HOẶC :

«Một đời yếm thắm đeo hoa,  
Một đời ỉa trịn cũng qua một đời  
Và đề giễu cả nhà vua nữa :  
«Kim lương (1) có gái mỹ miều  
Trâm (2) thương trâm nhớ trâm  
liều trâm đi.

HOẶC

Chiếu vua (3) mừng sáu tháng  
ba  
Cấm quần không đậy người ta  
hãi hùng !

Không đi thì chợ không đông,  
Đi thì lột lấy quần chồng sao  
đang ?

Có quần ngồi quán bán hàng,  
Không quần ra đứng đầu làng  
trông quan

(1) Một làng thuộc ngoại Ô Hnê

(2) Vua Thành-Thái

(3) Vua Tự-Đức

**Dùng midol** trị các chứng đau nhức  
và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
1360/BHT/BPC

**chuyện xưa vẫn mới**

**Mãi cam giả ngôn**

★ Phạm-văn-Sơn

Với bài «Hà chính đáng sợ hơn rắn độc» tôi đã có dịp nhắc lại chuyện đức Khổng-tử gặp người đàn bà ôm mỏ chồng khóc ở chân núi Thái. Người đàn bà này nói rằng thà chịu nạn hồ lang như cha, như chồng còn hơn sống gần tham quan lại những. Tôi lại nhân dịp trình bày bài «Bộ xã dã thuyết» của nhà thơ có tiếng lớn đời Đường Liễu-tôn-Nguyên thuật vụ gặp người bắt rắn cũng nêu ra một chuyện có ý nghĩa tương-tự nghĩa là rắn độc đáng sợ nhưng chưa đáng sợ bằng hà chính..

Tôi viết bài trên đây không ngoài mục đích hưởng ứng với phong trào bài trừ tham nhũng của cháu quyền đệ nhị Cộng hòa, một chánh quyền mà tôi cho là đại vô phước vì nó đã thừa hưởng một gia tài không mấy tốt đẹp của triều đại họ Ngô và ngày nay do sự ấu trĩ

cùng vụng dại. Nó lại để thêm ra nhiều vụ tham nhũng kiêu hùng nữa mà báo chí luôn luôn phải lên tiếng chỉ trích mấy năm nay.

«Vật Cứng tất biến, nhân cứng tất phân», đó là một định luật trên lịch sử của Cách mạng thì tham nhũng là một hiện tượng tiên báo một cuộc Cách mạng không sớm thì chầy sẽ bùng nổ và những kẻ có trách nhiệm sẽ phải gánh chịu mọi hậu-quả khốc liệt.

Ngừa bệnh hơn trị bệnh, không chịu làm Cách mạng sẽ thành đối tượng cho Cách mạng, các quan to quan nhỏ từ Bắc vô Nam đã nghĩ đến sự kiện này chưa ?...

Nay tôi xin sao lược thêm một tài liệu nữa cũng nói lên các việc đối dân lừa nước, các việc

lạm quyền lạm thế của một số người được gọi là «phương diện quốc gia» xưa và nay. Nhan đề của bài này là «*Mãi cam giả ngôn*» thuộc cổ văn, tác giả là Lưu Cơ. Bài *Mãi cam giả ngôn* tuy đã được sáng tác lâu đời nhưng vẫn được một sự thực bất hủ là tình gian tham của con người khi nắm được những địa vị ăn trên ngồi trước.

Tham nhũng là một cố tật của các chánh quyền Kim cổ, một bệnh rất khó chữa. Nó là một thứ ma quái bất chấp bùa phép của các thầy pháp cao tay, chúng tôi muốn nói các nhà cầm quyền công lý, tuy nhiên vẫn có một thứ bùa bối khuất phục được con hữu hiệu hơn cả là sắt máu và gông cùm của cách mạng. (*Cách mạng của quần chúng*).

Bao giờ chúng ta mới có một con người hùng Cách mạng để trừ khử được bọn ma quái kia? Đây là những cảm tưởng đã lướt trong đầu óc tôi khi đọc được bài văn của Liễu tôn Nguyên và Lưu Cơ. Ngoài ra tôi còn nghĩ thêm rằng chỉ có những nhà văn, nhà thơ mới gần gũi

những kẻ khốn cùng để nói lên những tâm sự bi ai của họ. Tỉ dụ :

Victor Hugo làm ra cuốn «*Những kẻ khốn nạn*»-Les misérables», công trình đặng đặng hàng chục năm. Bộ tiểu thuyết này đã thành công trong việc phanh phui những mục nát của xã hội Pháp dưới thời Đế chế tàn lụi và Cộng hòa Pháp lúc này còn quá non yếu; nói lên tình cảnh của dân chúng Pháp bấy giờ cực nhục không sao kể xiết.

Tác giả bộ Thủy Hử (còn gọi là *Đặng Khẩu Chi*) cũng bỏ nhiều năm, để cấu tạo nên một văn phẩm có tính cách chống đối chế độ thối thời nghĩa là cái chánh quyền hắc ám của triều đình nhà Tống, dưới chánh quyền đó có những bọn quan lại tác yêu tác quái, hoành hành như các tiểu bá vương ở mỗi địa phương có những người dân bị hàm oan phải bán vợ bán con cho các trà lâu tửu quán để chất đầy vàng vào túi tham không đáy của các quan to quan nhỏ. Có những bọn sư mộ ác tăng lạm dụng cửa thiền, rượu thịt no nê và hiếp gái tơ, thường xuyên trong các ngôi chùa to

lớn như các mê cung Hi-Lạp có những giang hồ hiệp khách họp đảng (Đảng Lương sơn Bạc) để trừ gian diệt nịnh cứu dân chúng ra khỏi chốn lăm than.

Nhà văn Lưu Cơ của chúng ta chân yếu tay mềm không cầm gươm giết bọn «*dân tặc*» được nên cũng như Đỗ-Thư, Lu-Đông Liễu tôn Nguyên sáng tác những bài văn, bài thơ có tính cách đại chúng để mặt sát và cảnh giác bọn thượng tầng xã hội chuyên khoét dân đục nước gậy nên bao thảm họa cho đám lè dân.

Bài «*Mãi cam giả ngôn*» (Lời người bán cam) của họ Lưu nguyên văn như sau :

«Hàng hữu mãi quả giả, thiện tàng cam. Thiệp hàn thứ bất hội, xuất chi điệp nhiên, ngọc chất nhi kim sắc. Tri ư thị giá thập bội, nhân tranh dục chi,

«*Dư mậu đắc kỳ nhất, bầu chi như hữu. Yên phác khẩu tị, Thị kỳ trung tặc can nhược bại như.*

«*Dư quái nhi vấn chi viết :*

— «*Nhược sở thị ư nhân giả*

ương dĩ thực biên đậu, phụng tế tự. cung lân khách hồ? Trương huyển ngoại dĩ hoặc ngu cổ hồ? Thậm hĩ tai vi khi dã!»

Mãi cam giả tiểu viết :

— «*Ngô nghiệp thị hữu niên hĩ Ngô lai tự ngô khu. Ngô thụ chi, nhân thủ chi, vị hữu sở ngôn nhi độc bất túc ư tử hồ? Thế chi vi khí giả bất quả hĩ, nhi độc ngã dã hồ? Tử vị chi tử dã...*

«*Kim phù bội hồ phú, tọa cao tị giả quang quang hồ can, thành chi cụ dã, quả năng thụ Tôn, Ngô chi lược dã?*

«*Nga đại quan, dã trường thân giả, ngang ngang hồ miếu đường chi khí dã, quả năng kiến Y, Cao chi nghiệp dã?*

«*Đạo khỉ nhi bất tri ngự, nhân không nhi bất tri cứu, lại gian nhi bất tri cấm, pháp dịch như bất tri li, tọa mi lăm túc nhi bất tri sĩ. Quan ký tọa cao đường kỳ đại mã, tùy thuận lễ, nhi ư phi tiên giả, thực bất nguy nguy hồ khứ úy, hách hách hồ khả tượng dã. Hựu hà vãng nhi bất kim ngọc kỳ ngoại bại như kỳ trung dã tai? Kim tử thị bất chi*



MÃI CAM GIẢ NGÔN

sát, nhi dĩ sát ngô cam...»

«Dư mặc nhiên vô dĩ ứng,  
Thoái nhi tư kỳ ngôn, loại Đông  
phương Sóc hoạt kê chi hùng.

«Khởi kỳ phần thế tậ tà giả  
đá, nhi thác ư cam hĩ phúng đá?

Bài cổ văn này có lẽ phù hợp  
với văn khí của vị lão hữu Á-  
Nam Trần tuần Khải nên tiên  
sinh đã có nhiều cảm hứng dịch  
ra Nôm. Tôi đọc tới lấy làm thú  
vị vô cùng và chắc các bạn đọc  
cũng vậy :

Đất Hàng có lái cam thiện nghệ  
Khéo giữ cam chứa để quanh

năm,  
Mã ngoài tươi đẹp không thâm.

Bán ra giá đắt, âm âm tranh  
mua.

Ta một buổi cũng mua một quả

Thoạt bóc ra như tỏa khói lên

Vội vàng bữa ruột ra xem,

Thì trong khô mốc nát mềm còn  
chi.

Ta vội gọi lái kia đến cự :

—«Lối buồn đâu quái gỡ tinh  
ma,

Cam này bán để người ta

Bầy dâng thờ cúng hay là cung  
tân ?

Hay lõe bợn ngu đầu lõe lấp ?

Lừa dối người đến cấp thế chẳng

Lái cam cười đáp lại rằng :

— Tôi làm nghiệp ấy trải từng  
bao lâu,

Tôi nhờ đó làm cầu nuôi sống.

Bán cho người người cũng mua  
ngay

Không ai kêu trách xưa nay,

Thế mà riêng một anh đây méch  
lông,

Anh nên biết đời không thiếu kẻ

Đủ trăm phương nghìn kế lừa  
người.

Thế gian há một mình tôi,

Có chẳng anh xét việc đời chưa  
tinh.

MÃI CAM GIẢ NGÔN

Kia những kẻ đeo hình ấn hồ ,

Ngồi ghế đa trăm trộ uy nghi ;

Can thành (1) tướng bậc gớm  
ghê,

Tôn, Ngô (2) mưu lược có gì  
hay không ?

Nọ những kẻ anh hùng trang  
trọng ;

Áo buông dài, mũ rộng thành  
thang,

Nhác trong diêm phết miếu  
đường (3)

Y, Cao (4) công nghiệp nên tưởng  
gì đây ?

Giặc cướp nổi không hay đánh  
giệp,

Dân khốn cùng không biết cứu  
mang,

Giặc tham những nhiều đủ  
đường

Của kho trợ mặt tiêu hoang thiết  
gì !

Ở nhà lớn, đi thì ngựa béo  
Bữa uống ăn. thịt rượu ngon

lành.  
Bề ngoài lộng lẫy vung vịnh,

Ai trông mà chẳng sợ kinh nề  
nhiều

Nhưng rút cục : ngoài đều  
chéng lộng,

Mà trong thì rất giống thói tha-

đấy. không bời móc người ta.  
Mà sao bời móc riêng nhà bán

cam ? »

Ta nghe vậy chịu cảm, hết nói  
Lui gót về nghĩ ngợi đôi hồi :

Hùng thay câu nói của người  
Giống Đông-phương sóc (5) những

lời hoạt kê !

Phải chăng vị lòng kia phần uất,  
Ghét trò đời lừa lật xưa nay,

Cho nên mượn quả cam này  
Gửi lời phóng thích ra đây dạy

đời ?

(1) Bậc tài cán giỏi giang, có thể  
che chở cho nước.

(2) Tôn Tần và Ngô-Khởi là  
những tướng giỏi bình thư mưu  
lược về đời Chiến-quốc.

(3) Bậc quan giỏi, có thể  
làm đời việc hay cho khắp  
nước.

(4) Y-Doãn và Cao-Đạo là tên  
hại bậc quan giỏi, lập nên công  
nghiệp lớn cho nước cho dân vào  
đời trước.

(5) Tên một nhà văn học đời  
Hàn, sở trường về môn khôi hải

**Dùng Midol**  
1360/BNT/BPOC  
Đi các chứng đau nhức  
và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

## quê hương chúng ta

Máu chảy mềm ruộng đồng  
Máu chảy mềm đồi núi  
Máu chảy mềm duyên hải  
Quê hương chúng ta buồn

□ Bom phá thắm lúa xanh  
Bom phá đồn điền tốt  
Bom phá vựa cá ngon  
Nhà quê hương ta dột

□ Người chết ở đồng bằng  
Người chết ở thị trấn  
Người chết ở ngoại thành  
Đất đai chôn không hết

□ Thanh niên miền Bắc mòn  
Thanh niên miền Nam hết  
Gái góa khóc thương chồng  
Quê hương chúng ta đó.

□ Sống ở đâu cũng vậy  
Thấy người già lo toan  
Thấy trai tráng chống nạn  
Thấy phụ nữ để tang  
Thấy trẻ con bệnh hoạn

PHÙ SA LỘC  
(hồn trẻ hai mươi)  
KBC 4420

## Khoa học huyền bí



CON  
QUỖ  
CÁI

★ SONG-THANH

Tên quốc lộ số 1, xuyên qua quận Hòa-đà, từ ngoài vào, qua khỏi cầu Nam (tức cầu Bà Bốn của xã Phan rí cửa) độ 50m, bên trái có sân vận động Chi Lăng, trước cửa sân có cây bồ đề cành lá xum xuê, rậm rạp, chính là giang sơn của con quỳ cái.

Con quỳ Bồ đề (đồng bào địa phương gọi như vậy) thường hiện hình lúc đứng bóng (12 giờ trưa) và khi trời vừa chập



choàng tối, mang lớp một giai nhân tha thướt yêu kiều hoặc một thiếu phụ lẳng lơ khêu gợi. Những kẻ lữ đường, rui rọ gặp phải, đều kinh hồn tán đởm, có người yếu bóng vía, về tới nhà như điên như dại, vài tháng sau mới hoãn hồn. Vì quá khiếp sợ ít ai dám đi bộ ngang quãng đường này, nên nơi đây trước kia vô cùng vắng vẻ.

Một hôm, vào khoảng 10 giờ đêm, trời tối đen như mực, gió rít từng cơn, lá bồ đề khua xào xạc, từng ánh đóm lập lóe bay lơ lửng giữa không trung Lẳng lẽ ! Tỉnh mịch ! Bỗng tiếng vó ngựa từ xa vọng lại, rõ dần, đồng thời với một ngọn đèn lác lư theo nhịp lốc cốc, chiếc xe ngựa tiến gần đến cây bồ đề. Xe đang chạy ngon trớn, đột nhiên một bóng người băng qua đường, bác xa phu hốt hoảng vội ghi cương nhưng đã trễ mất rồi ! Bóng trắng đâm xam vào ngựa, ngã nhào xuống đất, bánh xe cán lên, một tiếng rú khủng khiếp ! Bác xa phu xách đèn nhảy xuống xe, chỉ thấy vũng máu đỏ lôm trên mặt đường, tuyệt nhiên không có xác người

nào cả, bác kinh hồn nhảy lên xe quất ngựa chạy như bay. Về tới nhà, bác như người mất trí, mắt cứ nhìn lơ lảo vào khoảng không, hề gặp ai mặc đồ trắng là bác ôm đầu mình hét lên rồi chạy trốn. Tình trạng khủng hoảng này kéo dài gần nửa năm trời nhờ khéo chạy chữa, bác mới trở lại bình thường.

Bảng đi một dạo, từ ngày đồng bào di cư đến lập ấp Long hà (cách cây bồ đề gần 30m), xe cộ qua lại thường xuyên, con quỷ cái không xuất hiện nữa, cây bồ đề cũng trở cảnh trụi lá.

Nhưng mới đây có một chiếc xe lambretta xuống đồ khách ở Phan-rí cửa khi quay về nhà — lúc bấy giờ độ 8 giờ tối — chạy ngang qua cây bồ đề có một thiếu phụ ăn mặc sáng trọng đứng đón xe, Qua ánh đèn pha, anh tài xế thấy nàng đẹp lộng lẫy, thanh niên tinh thúc giục anh thắng xe, mời nàng lên. Nàng bảo trời tối, đường ma quỷ nhiều, không dám ngồi phía sau lưng một mình, xin ngồi chung băng trước với tài xế. Còn gì thích thú bằng trên đường vắng về lại có người đẹp bên

canh ! không chút ngần ngại, anh hí hích qua nhường chỗ cho nàng Xe chạy. mỗi lúc người thiếu phụ lấn sát vào anh tài xế, bộ ngực căng phồng của nàng — không hiểu vì vô tình hay cố ý — cứ cọ sau lưng anh, tay nàng choàng qua vai như muốn ôm anh vào lòng. Một luồng cảm khoái chạy rần trong người, hồn anh mê mê bay bổng, hai tay anh chỉ còn lái xe theo tiềm thức. Mãi đến lúc chiếc xe dừng lại trước nhà, anh mới chợt tỉnh, bàng hoàng nhìn sang bên cạnh, người hành khách bên mất tự lúc nào. Vốn không tin ma quái anh e dè nhìn người thiếu phụ đã xuống dọc đường, vì buồn ngủ nên anh quên đó thôi. Thế rồi, anh đem xe vào nhà, nhảy lên ván đánh một giấc ngon lành mong tìm lại cảm giác thú vị trong giấc mơ. Sáng hôm sau, khi đem xe đến bến đò rước khách, anh thuật lại câu chuyện hồi tối cho các bạn nghe, với giọng đầy tiếc rẻ. Nhưng sau khi được các bạn kể « thành tích » của con quỷ cái, anh mới hay là mình đã gặp quỷ, anh rùng mình toát mồ hôi lạnh — vì ở xa « ời đến làm ăn tại đây, anh có nào

hay biết gì. Từ đó, mỗi lần lái xe chạy ngang cây bồ đề, dù là ban ngày anh cũng nghe rờn rợn, tóc gáy dựng lên và anh không dám dậu rước khách tại đó nữa.

Và cũng chính con quỷ cái này đã làm cho một thanh niên đang sống trong tình trạng dật dờ, ngờ ngáo, khi tỉnh khi mê. Số là thanh niên này có cô việc đi về khuya. lúc đạp xe ngang sân, vạt đồng Chi lăng, một người con gái chặn lại, xin quá giang, sợ quá, anh đạp xe vọt nhanh nhưng lẹ hơn, con quỷ Bồ đề nãy phóc lên ngồi sau portebagage, anh cố hết sức đạp, chiếc xe như bị ai trì lại. Vừa tới đầu ấp Long hà, anh nhảy khỏi xe rồi ngất xỉu...

Nghe tiếng đồn vang dội, tánh hiếu kỳ xui tôi quyết gặp tận mặt người đẹp cõi Âm, nên tôi rủ thêm ba người bạn nữa (cũng thuộc loại gan lì) cùng đi. Bốn chúng tôi chờ nhau trên hai chiếc xe đạp, vì sợ đề portebagage trống, rui nàng quỷ nhà ta nhảy lên ngồi thì nguy. Đúng 9 giờ tối, chúng tôi khởi hành. Xe vừa qua khỏi cầu Nam chừng 20m, bốn cặp mắt chăm chú

nhìn về bóng sân vận động Chi Lăng. Chợt thấy có bóng người thấp thoáng dưới gốc cây bồ đề, chúng tôi khoái chí tiến tới. Đêm nay trời trong vắt, không một gợn mây, gió man mát xoa dịu lòng người. Dưới ánh trăng mười sáu thơ mộng, một thiếu nữ đứng tựa lưng vào thân cây, dáng kiêu kỳ, khuôn mặt trong sáng, xinh tươi. Nàng đẹp một cách hấp dẫn, huyền bí, khiến chúng tôi bản thân ngỡ ngàng. Tôi bảo nhỏ anh bạn đạp xe rất chậm, để có đủ thì giờ thưởng thức cái dung nhan chim sa cá lặn ấy. Chúng tôi lướt qua, nàng vẫn thản nhiên như không hay biết, mắt mơ màng nhìn vầng trăng thu, nụ hoa môi đỏ mọng hé nở như cười tình cùng chị Nguyệt. Lúc ấy lòng tôi như nhấp phải một chất men say, không thoảng chút gì sợ sệt. Đi cách giai nhân khá xa, đưa nào cũng hít hà tiếc rẻ. Tôi thầm nghĩ : chẳng lẽ con người đẹp như vậy mà có tâm địa ác độc ? mà và người nào có thù hằn gì ? những việc xảy ra từ trước, chẳng qua nàng muốn đùa cho vui, nhưng vì họ quá nhát sợ, nên khiếp vía mất hồn

đấy thôi, chớ lý đầu nàng nở hại người.

Bỗng một anh bạn lên tiếng :

— Tao nghi cô ấy là người thật, chứ quỡ gì mà đẹp ghê vậy !

Tôi liền đề nghị :

— Bây giờ chúng ta quay xe trở lại và đi sát vào nàng. nếu tiện mình dừng lại gọi chuyện chơi.

Tất cả đều tán thành. Khi gần tới, chúng tôi đạp xe ra rà sát cây bồ đề, tôi định bảo hai anh bạn đi trước thẳng xe lại, thì thoáng người đẹp vụt biến mất. Và một người trong chúng tôi la hoảng lên :

— Đạp mau ! Đạp mau !

Tôi ngỡ ngác, định thần nhìn kỹ chỗ người thiếu nữ vừa mới đứng một con rắn đen xì to tướng đang quấn quanh thân cây dầu lắt lư hương về chúng tôi, le chiếc lưỡi đỏ lòm như muốn phóng rượt theo. Kinh khiếp quá ! Chúng tôi toát mồ hôi lạnh. cúi đầu đạp xe một mạch không dám ngoái lại sau.

Có lẽ hiểu rõ ý định của chúng tôi, nên con quỡ cái biến thành

con rắn đê nhất cho bỏ ghét. Về tới nhà, tôi đâm ra tiếc rẻ, phải chỉ mình mang theo chiếc máy chụp hình, bấm vài « bô » lúc người đẹp ngấm trắng thì hay biết mấy !

## THÁC CÒN VẤN VƯƠNG



Đi tôi tuy là em cùng mẹ khác cha với mà tôi, song hai người thương mến nhau lắm ! Đi đẹp một vẻ đẹp hiền từ khả ái, tánh tình đoan-trang, nhu thực, lúc nào cũng sẵn sàng chấp nhận mọi sự thiệt thòi, không bao giờ muốn làmwich lòng một người nào, nên từ bà con thân thuộc

đến họ hàng lối xóm, ai cũng thương yêu quý mến đi. Lúc còn con gái, đi thường thủ thỉ với mà tôi :

— Em nhất định ở vợ suốt đời, chứ không lấy chồng.

Nhưng vì cái bản tính luôn luôn chịu ý mọi người, và là một đứa con chí-hiếu, nên đi đành vâng lời ngoại tôi xuất giá. Ngày vu quy, đi và má tôi ôm nhau khóc ròng. Má tôi sợ đi về làm đau nhà người chịu khổ sở, còn đi thì không muốn rời mẹ, xa chị và các cháu.

Nhà đi ở cách nhà ngoại tôi lối 4 cây số ngàn. Tuy đã có gia đình, nhưng đi thường về thăm viếng má tôi luôn. Có một lần nhìn thấy vẻ âu-sầu, hốc-hác trên gương mặt đi, má tôi ngạc nhiên hỏi, đi tâm-sự :

— Em vừa khám phá một sự thật vô cùng đau xót !

— Chuyện gì đó em ? Má tôi lo lắng hỏi.

Đi từ tốn kể :

— Trước kia, anh Ba (dượng rể tôi) có yêu một người đàn bà và đã có con với nhau nhưng vì gia đình không chấp nhận, và lại



## CON QUỖ CÁI

nhân dịp bất mãn cử chỉ sao đó của cô ta, nên anh đi cưới em để lấp vào khoảng trống tình cảm. Mới đây hai người liền lạc trở lại và lên lút gặp gỡ nhau. Dầu biết rõ mọi việc, em không hề tỏ ý trách móc hoặc cản ngăn, giả như không hay biết gì cho xong chuyện. Chị nghĩ, nếu bây giờ làm rùm ra thì chẳng tốt đẹp gì càng thêm rối rắm gia đình, nhất là má biết được, má buồn tội nghiệp. Thôi số trời đã định em cam chịu vậy!

Kể xong, hai chị em thì nhau khóc. Má tôi chịu theo lời khẩn khoản yêu cầu của dì, cũng giấu nhem việc này với Ngoại. Lần này như có linh tính báo trước nên về chơi dì có âm theo cháu nhỏ và ở lại khá lâu. Ngày từ già, dì tỏ ra lưu luyến hơn bao giờ hết. Dì ghen ngào ôm em tôi vào lòng, hôn liền miên. Tôi có cảm giác từ đây sẽ không bao giờ được gặp dì nữa. Ra xe rồi mà dì còn hỏi với lại em tôi:

— Dì đi, con có nhớ dì không? Nó không trả lời mà chỉ khóc òa lên!

Được một tuần sau má tôi hay

tin dì bệnh nặng, nên cùng ngoại và chúng tôi đến thăm dì. Vì bận rộn nhà cửa, buồn bán và em nhỏ, má tôi phải về liền, còn ngoại thì ở lại với dì. Hai hôm sau, vào một sáng tinh sương, nhà còn đang an giấc có người kêu cửa báo tin: dì đã chết! Nghe xong, má tôi ngất xỉu.. còn các chị và em tôi thì khóc như mưa.

Ngoại tôi thuật lại, đêm dì sắp chết, dì vô cùng tỉnh táo, ngoại tưởng con bệnh đã qua khỏi, nên rất yên lòng. Dì nhờ ngoại ra nhà sau lấy cho dì miếng cháo, vì mấy ngày không ăn uống, dì đói lắm! Khi ngoại bưng chén cháo trở vô thì dì đã tắt thở tự bao giờ, khuôn mặt vẫn còn tươi rói như người đang ngủ. Có lẽ biết trước mình sắp chết, dì không muốn nhìn thấy nỗi đau thương quặn luyến của ngoại phút cuối cùng nên gạt ngoại ra ngoài, để dì yên tâm về nơi chín suối.

Và má tôi cũng cho biết, là lúc mờ sáng hôm ấy, nằm mộng thấy dì về báo dì chết rồi, gọi lại đưa con của dì, nhờ má nuôi dưỡng nên người,

## CON QUỖ CÁI

đừng để ở với ba nó, đi ghé hành hạ tội nghiệp! Má tôi chưa kịp nói gì, dì đã chậm nước mắt ra đi, thì vừa lúc ấy nghe tiếng gọi cửa báo tin buồn.

Lúc khiêng thầy đi đặt vào áo quan, bỗng từ miệng dì trào ra một dòng máu tươi. Chắc bao uất ức, tủi hờn chất chứa bấy lâu, nay đi chết, sinh lực tiêu tan, không còn sức đề nên lại, nên nó tuôn tràn chẳng?

Ma chạy đi xong, má tôi đem đưa con vừa lên ba của dì về nuôi dưỡng.

Mộ của dì chôn ngoài sau động, cách nhà vài trăm thước. Nên chỉ ba ngày, sau khi chết, đêm nào người lối xóm cũng thấy một ngọn đèn leo lét lơ lửng bay từ ngoài động vào, khi thì đi chung quanh nhà, lúc vào hẳn bên trong.

Dì chết, dưỡng tôi bỏ nhà đi luôn, ít về. Có lần tôi đến chơi

ngủ lại với ông Năm — người mà dưỡng nhờ cội nhà. Đêm ấy lạ chỗ, tôi cứ nằm thao thức mãi, bỗng nghe một tiếng động khô-khan, tôi giật mình đảo mắt chung quanh qua ánh đèn chong. một người đàn bà mặc y-phục trắng toát, tóc buông xoả xuống lưng, đang lom khom phía góc nhà, tôi rùng mình kinh-hãi! Chợt người ấy quay mặt về phía tôi, tôi rợn tóc gáy, định la lên nhưng kịp nhận ra bóng trắng chính là hồn ma của dì tôi hiện về, về mặt xanh xao, gầy-gò, trông thiếu não! Dì đang cầm chổi quét nhà. Cảm-động quá, tôi muốn kêu lên tiếng «Dì!» song cổ nghẹn ngào, toàn thân cứng ngắt, nặng trĩu, tuy đôi mắt vẫn mở thao-láo, tôi đành nằm yên theo dõi cử chỉ của dì. Dì đi lục lạo, quét dọn khắp các căn phòng, từ trong ra ngoài, xong đầu đó tiếng gà cũng bắt đầu eo-óc gáy tan canh, dì bước đến bàn thờ có

*Đi* midol *trị các chứng đau nhức và cảm cúm*  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
1360/BX 1/DPDC

đặt đi ảnh của di, đứng yên trong một phút, rồi từ từ tiến về bộ ván tôi đang nằm. Lúc bấy giờ tôi nghe mình bình tĩnh lạ thường, nhưng không hiểu sao, như có một thần lực huyền bí nào kéo đôi mi tôi khép kín lại và ru hồn tôi lịm dần trong giấc ngủ ...

Tiếng chân người qua lại tiếng xe ngựa chạy lộc-cộc, ngoài đường đánh thức tôi trở dậy. Ngủ rất ít, song hôm ấy tôi thấy khoan khoái lạ thường. Ông Năm cũng vừa thức, ông đang ngồi vắn thuốc hút. Tôi cất tiếng hỏi ông :

— khi hôm ông có hay biết gì không ?

Bập bập điều thuốc trên môi, khói xám tung ra từng đám lan vào không-khí, giọng thản nhiên, ông Năm nói :

— Tao hễ đặt lưng xuống là ngủ như chết có hay gì đâu.

Rồi ông hỏi lại tôi.

— Bó ăn trộm há mấy ?

Tôi kể lại ông nghe chuyện tôi vừa chứng kiến khi hôm rồi tôi cùng ông đi quan sát khắp nhà. Các cửa vẫn còn cài then kỹ lưỡng không dấu vết gì chứng tỏ có người vào nhưng đồ đạc bên trong được thu xếp gọn gàng ngăn nắp nhà cửa sạch sẽ.

Ông Năm nói :

— Chắc đêm nào thiểm cũng về tại tao ngủ nên không thấy, sáng dậy lo làm việc cũng không để ý. Mấy bữa nay có mây tao mới biết Thôi để tối tao rần thức thử coi.

Ông Năm chép miệng tỏ vẻ thản phục nói tiếp :

— Thiểm Ba linh thiệt !

Ít lâu sau, đượng tôi đưa người đàn bà trước kia về chung sống, nhưng đêm nào bà cũng thấy di tôi hiện về và có lẽ vì mặc cảm tội lỗi, nên bà cứ đau bệnh hoài không dám ở nữa. Không thể sống cô đơn mãi, đượng tôi



tục huyền với người đàn bà khác. Bà này đã kể lại cho má tôi nghe: về ở được một tháng bà bị bệnh không ăn uống được, bà bèn thấp nhang khẩn di tôi. Đêm đó không hiểu bà nằm chiêm bao hay thật bà thấy di tôi về đến giường bưng chén thuốc trao cho bà và bảo :

— «Em hãy uống chén thuốc này, mai sẽ khỏi bệnh !» Bà nghe lời di, ngồi dậy uống, xong di tôi biến mất, sáng ra bà thấy trong người khoẻ-khoắn như thường.

Thỉnh thoảng di cũng hiện về nhà tôi, thăm viếng con thơ hoặc báo mộng nhắc nhở, chỉ về má tôi nhiều điều hữu-ích, nhất là những lúc con di bị bệnh .

Mới đây, chúng tôi có tổ chức cầu cơ, di đã giáng cơ nói những việc vô cùng linh ứng. Di tỏ ra rất lo lắng cho con di, mỗi lần giáng cơ, di đều nhắc nhở nó từng ly từng tí.

SONG THANH

## Có thai mà không biết

Một người đàn bà ba con có thể nào không hay biết mình chửa không? Thưa rằng có, và chuyện này xảy ra tại Independence (tiểu bang Missouri)

Một người mẹ 28 tuổi có ba con, một hôm bỗng cảm thấy đau lưng dữ dội. Cho rằng vì mang giày cao gót nên sinh ra cơn sự bà bỏ sở nghĩ ở nhà, nhưng cơn đau đã không hết lại còn trầm trọng hơn nữa.

Bà đến thăm bác sĩ và được ông này cho biết bà sắp có con. Hai giờ sau, bà hạ sinh một đứa bé trai. Bà nói :

— Tôi không biết là tôi có thai,

Bà đưa con kia của bà được sáu, bảy và tám tuổi !



# THUẦN

# PHONG

# MỸ

# TỤC

**Tục tổ chức  
các nghề nghiệp  
ra thành phường**  
★ PHẠM-TRUNG-CÔN

Xưa kia, vì chưa biết dùng máy móc như bây giờ, nhất là thuộc tiểu công nghệ, đều làm bằng tay cả, cần phải học hỏi nhiều, phải có thầy dạy truyền lại cho, sau bao năm chịu khó chuyên tâm, luyện tay, tập chí mới thành tài — Bởi vậy, học nghề cũng như học chữ, phải biết đến công ơn Ông Thầy đã dạy mình, và vì mỗi nghề đều có quyền lợi riêng cần phải bảo vệ, nên mới có tục lập thành Phường, gồm những người cùng hành một nghề như nhau, tổ chức có thứ tự, trên dưới qui tắc riêng để cùng theo, phần nhiều cùng làm một nghề thì họ tự họp riêng lại một khu để hành nghề cho tiện, bởi vậy nhất là ở Hà nội khi xưa, mỗi phố buôn bán đều họp thành phường riêng biệt, lắm khi lấy phường mà đặt tên phố xá, như phố hàng Trống thì chuyên bán trống, phố hàng

THUẦN PHONG MỸ TỤC

Lọng thì chuyên bán tàn quạt lọng; phố hàng Khay thì chuyên bán đồ gỗ, đồ chạm, đồ khảm; phố hàng Bè thì trên bến dưới thuyền chuyên việc buôn bán bè gỗ cây; song, nứa, tre; phố hàng Bạc thì toàn thợ nghề làm Kim hoàn thì buôn bán các đồ vàng bạc, châu báu v.v... cho nên cứ nghe tên phố là biết ngay tên nghề của các người cư ngụ ở đấy. Cũng vì thế mà Hà — nội mới nổi tiếng là thành phố có 36 phố phường, không ai là không biết.

Mỗi nghề lại có tục tôn thờ một vị tổ sư, là người đã có sáng kiến tạo ra nghề ấy rồi truyền lại cho con cháu hay học trò của mình để về sau trở thành một phường riêng biệt — cách tổ-chức thành phường rất có nền nếp và qui cũ, ai đã ở trong phường đều phải triệt để tôn trọng kỷ cương, luật lệ, nếu không sẽ bị trục xuất ra khỏi phường và không được hành nghề nữa. Đề ai nấy có một ý niệm về tổ chức phường thuở xưa ra sao, tôi xin nói về tổ chức phường hát ả-đào cho dễ hiểu vì những qui tắc được đặt

ra, có thể nói là đầy đủ nhất kỷ luật nghiêm minh, có tôn ty trật tự trên dưới rõ ràng, ai nấy đều phải tôn trọng và nghe theo ngõ hầu giữ lấy thanh danh và uy tín cho cả phường.

Hát ả-đào cũng là 1 nghề thuộc loại ca trù, bắt nguồn từ những lối ca vũ trong cung vua chúa thuở xưa. Theo tục truyền thì tổ cô đầu là hai vợ chồng Đinh Lễ, vợ là họ Bạch tên Hoa, vào thời Lê (tiền Lê) rồi truyền đến tận bây giờ. Hai chữ Lễ và Hoa là tên húy hai ông bà tổ-sư trong nghề, cho nên chị em ở xóm bình kang có tục kiêng tên húy và đọc tránh Lễ ra Lôi, và Hoa ra Huê để tỏ lòng suy tôn kính trọng.

Đề rộng việc khảo cứu, tôi cũng xin nói trường tận sự tích hát ả-đào để mọi người cùng am hiểu về mọi danh từ đã quen dùng trong nghề này, rồi nói đến cách tổ chức về giáo phường cho thêm đầy đủ.

**A. — Vì sao hát ả-đào gọi là ca trù**

Theo sách ca trù bí khảo thì hát ở cửa đền xưa có lệ hát thể

Thẻ gọi là *trú*, làm bằng mảnh tre, có ghi chữ đánh dấu, dùng để thưởng cho ả-đào, thay cho tiền mặt. Khi hát quan viên bên đánh chiêng, và một bên đánh trống—chỗ nào ả-đào hát hay, thưởng một tiếng *trát*, bên chiêng đánh một tiếng *bong*,

rồi thưởng luôn cho một cái *trú*. Đến sáng, ả-đào kếp cứ việc thầu góp các số *trú* đã nhận được mà tính tiền; ví dụ buổi hát được 50 *trú*, mà trị giá mỗi *trú* ấn định là 2 tiền kẽm, thì làng phải trả cho 10 quan tiền; ví thế, hát ả-đào mới có tên gọi là *ca trú*, nghĩa là *hát thẻ*.

### B.— Vì sao con hát gọi là ả-đào

Sách viết - sử tiền án của Ngô - thời - Sĩ chép rằng : đời vua Lý - thái - Tổ ( 1010— 1028 ) có người ca nhi là *Đào - Thị*, tài nghệ giỏi và hát hay, từng được

nhà vua ban thưởng; về sau vì mộ danh tiếng *Đào-Thị* nên con hát đều gọi là *Đào-Nương*.

Lại theo sách Công-dư-Tiếp ký chép : cuối đời nhà Hồ ( 1400 - 1407 ) có người ca-nhi họ *Đào*, quê ở làng *Đào. Đẳng*, huyện *Tiền Lữ*, tỉnh *Hưng-yên* lập mưu giết được nhiều binh sĩ



nhà *Minh*, cứu cho khắp vùng yên ổn; khi nàng chết, dân làng nhớ ơn lập đền thờ, gọi thôn nàng ở là thôn *Ả-đào*, chonên về sau những người làm nghề ca hát như nàng đều gọi là *Ả-lào*.

Lại theo một thuyết khác, chữ *Ả* có nghĩa là *Cô*, như ta thường nói *Có ả* còn người

*Tàu* gọi những người con gái đi làm thuê là *ả-xâm*, vậy gọi *ả-đào* tức cũng như gọi là *cô đào* hay *cô đầu*.

Theo sách *Ca trú bí khảo* thì những *ả-đào* dành ca dạy con em thành nghề, mỗi khi con em đi hát đình đám về, đều có bốn

phần phải trích ra một món tiền cung dưỡng thầy gọi là *tiền dầu*. Về sau, người ta dùng tiếng *cô* thay tiếng *ả* chớ ràng và tiếng *dầu* thay cho tiếng *đào* để tỏ ý tán tụng là bậc danh ca lão luyện, đã dạy nhiều con em thành tài và được tặng nhiều món *tiền dầu*, nên gọi là *cô đầu*.

### C.— Vì sao hát ả-đào còn gọi là hát nhà tơ

Ngày xưa, dân chúng ít khi đi tìm ả-đào về nhà hát chơi, chỉ có các quan khi yến tiệc được tổ chức trong đình, hay trong ty (tơ) mới cho gọi ả-đào đến hát, vì thế hát ả-đào mới gọi là *hát nhà tơ*, nghĩa là hát ở trong ty các quan,

### D.— Vì sao hát ả-đào còn gọi là hát nhà trò

Khi xưa, ả-đào hát ở cửa đình đền có bộ, miệng hát tay múa, uốn éo lên xuống, làm đủ bộ điệu của vai trò mình diễn, như diễn vai diên, vai người say rượu, người đi săn v.v... thì tùy theo bộ điệu của từng vai mà diễn sao cho đúng, vì vừa *hát* vừa làm trò, cho nên gọi là *hát nhà trò*.

### E.— Vì sao chỗ ả-đào ở gọi là giáo phường

Ngày xưa, ả-đào và kếp hát ở chung phường, chung xóm để luyện tập múa hát cho tiện, chỗ ả-đào ở gọi là *giáo phường*, nghĩa là phường xóm dạy những người đi hát.

Theo sách *Đường-Thư* : đời nhà *Đường* bên *Tàu* ( 618 - 906 ) đặt chức quan *Tả, Hữu giáo Phường*, chuyên trông coi về việc ca xướng, lại đặt chức *Trung-Quan* để cai trị các *giáo phường*.

Theo sách *Khâm-Định Việt sử* : Năm *Hồng Đức* thứ 2 ( 1471 ) vua *Lê-Thánh-Tôn* đặt qua *Ty Chính* để trông coi các *giáo phường* *Nam Vĩnh* *Tộ* nguyên niên ( 1620 ) vua *Lê-Thần-Tôn* định lại thuế lệ, những người trai tráng khoẻ mạnh mà không đi tòng quân, mỗi năm phải đóng thuế 3 quan tiền, Tăng đạo và *giáo phường*, mỗi người phải đóng thuế một quan tiền.

Theo sách *Lịch Triều Hiến Chương* : đời nhà *Lê*, đến ngày sinh nhật Vua, các *giáo phường* tấu khúc nhạc *Văn-Juang* ở



trên điện Vạn Thọ, khi Hoàng tử lên ngôi, giáo phường tấu khúc nhạc Thanh Thiên ở trước sân rồng.

### F. — Vì sao người gảy đàn gọi là Kép

Theo sách Khâm Định Việt sử thi về năm Thuận-Thiên thứ 16 (1025) vua Lý-Thái-Tổ đặt chức Quản Giáp cho bọn ca nhi. Về sau, những người gảy đàn giỏi và có tin nhiệm được cử ra coi trật tự ở giáo phường gọi là quản giáp; rồi chữ quản giáp phiên âm chệch ra thành tiếng *Kép*. Theo sách Vũ Trung Tùy Bút, thiên Nhạc biện, gọi quản giáp là *Kép*, đào nương là *có đầu*. Sổ sách ở giáo phường ngày xưa cử đào kép đi hát các đình đám đều viết Giáp là *Kép*, đào là *có đầu*.

### G. — Vì sao đàn của nhà trò gọi là đáy

Theo sách Ca trù bí khảo thì khi hát ở cửa đền, người kép lấy lụa đeo đàn vào người để đứng mà gảy cho đỡ mỏi nên gọi là đàn đáy, vì chữ đáy do chữ Đới là đeo, đọc phiên âm chệch ra thành đáy.

Còn theo sách Vũ Trung Tùy Bút thì mỗi khi người quản giáp đến nhạc đường, thường lấy cái khăn nhiều điều quấn vào lưng để đeo đàn đáy đứng gảy, cùng ả-đào xuống họa theo với điệu hát lên xuống mà đàn ứng cho hợp với điệu.

Còn theo truyện Đất Tò thì dưới đời nhà Lê, tổ có đầu là Đinh-Lễ chế ra một cái đàn không có đáy để gảy theo điệu hát ả-đào, khúc đàn gảy theo điệu cuộn cuộn như nước chảy ra *biển sâu không thấy đáy*. Về sau, người ta bỏ chữ không, chỉ còn lại chữ đáy, nên gọi là đàn đáy ở Trung-Việt, từ Thang-hóa trở ra, đều gọi đàn đáy là *Vó dề cầm* nghĩa là đàn không có đáy.

### H. — Vì sao đánh trống gọi là cầm chầu

Sách Ca trù bí khảo theo Lê Triều hội điển: mỗi khi triều đình có đại lễ, thì đặt 1 viên Tỉn-Lệnh và một viên Cỗ-Lệnh. Viên Tỉn-Lệnh phải am hiểu lễ nghi tay cầm gươm để trông coi nhân viên hành lễ; còn viên Cỗ-Lệnh phải tinh thông âm-nhạc, tay cầm dùi trống để điều khiển nhã nhạc

Đến khi chúa Trịnh cầm quyền, trong Phủ chúa, lúc yến tiệc, có ban nữ nhạc giúp vu; Chúa cử một viên quan tinh thông âm nhạc làm chức Cỗ lệnh-Viên. Cỗ lệnh tay cầm dùi trống đứng ở sân khấu, *đánh trống* ra hiệu lệnh cho bọn nữ nhạc múa hát, hay *đổ* được toàn quyền thưởng phạt. Vì viên Cỗ lệnh cầm dùi trống, nên người ta mới gọi người đánh trống *cầm chầu* hay *đánh chầu*.

### Y. — Vì sao gọi người đi nghe hát là quan viên

Theo sách Ca trù bí khảo thì lệ tục xưa, con các quan từ Án-sát trở lên, dẫu không đỗ đạt cũng được triều đình tặng cho chức *Ám-Tử*. Chức *Ám-tử* được miễn cả sưu dao tạp dịch; còn con các quan Phủ, Huyện, thì gọi là *Quan Viên Tử*, được miễn tạp dịch trong làng. Về sau, người ta gọi người đời đi hát là *Quan viên*, có ý ám chỉ là hạng phong lưu công tử, con các quan.

Lại có thuyết nói *Quan viên* là những bậc phong lưu, thừa tiền lắm bạc đi du ngoạn thưởng thức chơi bời phóng túng.

### Tổ Chức Giáo Phường

Ngày xưa, các nơi đào kép ở được tổ chức thành *Giáo-Phường* rất có quy cũ—Nhiều họ có đầu họp lại thành một giáo phường Ta nên hiểu họ có đầu nói đây không phải như họ Phạm, họ Lê, họ Nguyễn v... chữ họ này là theo tục xưa, có đầu và kép mỗi vùng có một tên họ riêng, tự đặt lấy, như họ Tam, họ Ngàn, họ Thông, họ Thiên, người nào được do họ rèn luyện thành tài, thì thuộc về họ đó, rồi lấy tên họ đó đặt lên trên, tên ở dưới. Ví dụ tên Tà-Thuận mà thuộc về họ Tam thì gọi là Tam-Thuận, chữ họ này chỉ dùng riêng ở Giáo Phường để dễ nhận về thuộc giòng họ hát nào mà thôi, còn đối với chính phủ, vẫn phải khai theo tên họ cũ như họ Nguyễn, họ Trần v.v. Những con hát ở trong họ truyền thống như thế gọi là *có đầu nói* Người ngoài muốn học nghề hát phải vào làm con nuôi 1 người trong họ truyền thống đó (giòng nói con nhà nói) mới được giáo phường công nhận. Thành kiến chớ rằng con đầu ngoài, dẫu có hát hay, hơi ảm, nhưng về khuôn phép, cách điệu vẫn kém, không được có nền nếp như *có đầu nói*.

Sau khi nhiều họ cô đầu nói họp lại thành phường, như trên đã nói, thì mỗi phường có một ông Trùm, chọn trong hàng kỳ cựu ở trong phường. Các ông Trùm họp nhau chọn 1 người có tin nhiệm hầu lên làm Quản Giáp để thừa hành những công việc của chính quyền — Quản Giáp được quan sở tại cấp bằng, có quyền điều khiển mọi việc ở trong phường.

Những tục lệ ở giáo phường từ xưa lưu truyền lại, các Trùm Quản Giáp và dân phường rất tôn trọng — Mỗi năm, các Trùm họp một lần định ngày lễ tế Tổ. Sau ngày tế Tổ, các Trùm xử kiện và giải quyết những sự xích mích ở trong phường. Tuy là ca kỹ, nhưng đối với quy tắc xã hội, và luân-lý gia-đình các cô đầu vẫn phải giữ gìn về nề nếp như con nhà lương gia tử tế.

Dân phường ăn chịu, đóng góp với nhau theo tục lệ của phường ngoài việc sống mừng, chết, đưa con gái lấy chồng phải nộp heo cho phường. Luật lệ bắt buộc mỗi khi đi hát đình đám thì chồng đàn vợ hát, hoặc anh đàn, em hát, hoặc bố đàn, con hát,

đào kép phải trông nom, coi sóc bảo ban nhau giữ lấy nề nếp, thuần phong mỹ tục của phường. Có nào mượn nghề hát xướng để làm việc bất chính, xét ra đúng, thì quản giáp tức khắc cho mời các bậc đàn anh, đàn chị trong phường họp lại, tuyên bố tội trạng: nhẹ thì bắt phạt, nộp tiền sung vào quỹ của phường, nặng thì ra khỏi phường lại thông cáo cho các phường khác biết để không phường nào dung túng cho vào ở nữa. Cũng nhờ có những luật lệ nghiêm minh như thế, nên các cô đầu hát cô nào cũng biết tự trọng, nêu cao nhân phẩm của mình, lúc hát, không cô nào giám nhìn ngang nhìn ngửa, không dám công nhiên nói truyện với quan viên, tránh mọi cử chỉ lăng lơ lăng mạn, sợ mang tiếng cho chính gia đình mình và cho cả phường.

Trong đình các quan có yến tiệc, muốn gọi ả đào vào hát, thì cho quản giáp lựa chọn những người hát hay, đàn giỏi múa khéo; Các làng có tế lễ, hoặc tư gia nào có việc vui mừng, muốn tìm ả đào về hát phải, điều đình trước với quản

giáp để họ cắt đặt đào kép đến hát mới được.

LỄ TẾ TỔ

Ở Bắc Việt, hàng năm cứ đến ngày 11 tháng chạp âm lịch, các giáo phường làm lễ tế tổ là Bạch-Hoa công chúa tức bà là vợ ông Đình Lê đã nói ở trên. Trước ngày lễ độ 1 tháng, những giáo phường trong hai hay ba huyện hoặc phủ, vốn xưa nay vẫn có tình giao hiếu với nhau họp lại để chọn lấy một người Trùm nhiều tuổi, đứng đắn, xưa nay có tiếng tốt, đứng lên làm Trùm nhất (Thủ khoán) để điều khiển mọi việc. Người Trùm nhất đạt giấy mời các phường đến một nơi đã chọn để làm lễ tế tổ, vì ít phường có đền thờ Tổ riêng biệt, nên khi tế, họ chọn 1 nhà nào rộng rãi trong phường hoặc mượn chỗ công sở của 1 làng lân cận. Việc lựa chọn này được do Trùm nhất quyết định với sự đồng ý của các phường tham dự. Những phường ở xa góp tiền, còn phường sở tại trừ liệu lễ vật và dự bị đón tiếp tân khách.

Khi tế, cũng cử hành nghi thức như lúc tế Thần—Các phường

đều tuyển lựa những đào hay kép giỏi tới múa hát đủ mọi lối. Chỉ những người có dự Châu cử mới được vào hát thờ Tổ

Hát thờ Tổ khác lối hát của đình ở diềm thoát vào kép ca đàn, rồi ngâm khúc Non-Mai, tiếp đến khúc Hồng-Hạnh và khi hát thờ thì gọi là hát Giai xau Tương truyền chính bà Bạch-Hoa Công-chúa đã làm ra 2 khúc Non - Mai và Hồng - Hạnh nên cô đầu chỉ dành cho khi hát thờ một hát mà thôi,— ngoài ra không bao giờ hát 2 khúc ấy ở đền miếu khác và cũng không dám hát cho ai nghe nữa,

Mỗi lần hát thờ Tổ được tổ chức rất chu đáo kính cẩn và mỗi lần hát thờ như thế thường lâu 3 ngày :

a) ngày mùng 10 tháng chạp cáo yết

b) ngày 11 chánh kỵ

c) ngày 12 tế tạ

Ngoài việc hát thờ, còn tổ-chức cả hát chèo, hát tuồng cùng các cuộc vui chơi như tổ tôm điếm, đánh đu, v.v., tùy theo phong tục địa phương. Hát phường nhân dịp thờ Tổ mời quan khách thập phương về dự. và



cũng là một dịp để thi nhau hát múa các lối, mong phô trương tài nghệ của mình, cùng với mục đích kỷ niệm, tôn thờ người đặt ra lối hát là vị Tổ sư cũng như nhằm buộc chặt tình tương thân tương ái giữa các giáo phường.

### Lệ kiêng tên húy

Người trong giáo phường phải kiêng những chữ sau đây :

Bạch đọc là Biệc

Hoa — Huê

Lễ — Lỡ

Liễu — Lão

Đông — Đương

Những chữ này giáo phường rất tôn quý, ai vô ý nói đến, coi như là đã xúc phạm đến thần minh, không những là phải nộp và lại còn bị cảnh cáo và truất ngôi thứ trong phường nữa. Khi hát cửa đình, các kếp hát cũng cẩn thận dò hỏi cho biết tên húy đức Thành-Hoàng làng để lúc hát nếu đến chữ ấy thì đọc trệch đi.

### Đạo thờ Thầy

Đạo thờ thầy ở giáo phường cũng rất có thủy chung. Học trò

coi thầy như cha mẹ, ngày tết phải đến bái niên, ngày giỗ phải đến lễ ở từ đường Các ả đảo danh ca lúc về già, nếu dạy được nhiều con em thành tài, được hưởng lộc suốt đời—Các học trò, khi đi hát đình đám về phải trình ra một phần tiền hát góp với phường để kính biểu cung dường thầy—Tiền ấy gọi là tiền dẫu.

### Chầu cử

Hàng năm, đến ngày 11 tháng chạp là ngày giỗ Tổ và ngày mừng 6 tháng 8 giỗ vua Triệu-Đà ở làng Đồng, Sâm phủ Kiến Xương, tỉnh Thái-Bình—Làng Đồng-Sâm là nơi sản xuất ra nhiều cô danh ca. Vào thế kỷ thứ 2, trước tây lịch, vua Triệu-Đà lấy một người con gái làng ấy làm Hoàng-Hậu tên là Trinh Thị, lập hành cung ở đấy. Khi bà mất vua cho con cháu bà 36 thoi vàng, sau con cháu bán vàng ấy đi để sắm tự khí và mua 36 mẫu ruộng để làm tự điền, ruộng ấy nay vẫn còn. Trong đền vua Triệu, còn một đôi phủ việt (lưỡi búa) đúc bằng gang rất cổ. Theo sách Đại-Việt Sử ký ấn hành vào đời Tây-Sơn quyển 1,

trang 11 có chép theo ngoại sử, Trinh hoàng Hậu là mẹ Trọng-Thủy, quê ở làng Đồng-sâm, quận Giao-chỉ—nay ở đấy còn có đền thờ vua Triệu Đà, và bà Trinh Hậu cũng được thờ phụ bên cạnh.

Trước ngày giỗ Tổ, độ một tháng, các Trù n họp nhau lại, cất đặt đào hay kếp giỏi mọi nơi về hát thờ, đào kếp dù ở cách xa mấy mà giáo phường cất đặt đã cũng phải tìm về hát. Những người được về hát thờ, coi đó là một vinh dự vô cùng quý giá, và giáo phường gọi là được dự *Chầu Cử*

### Lễ xông đình

Giáo phường đã ấn định đến làng nào thuộc về phường nào nhận hát lệ, thì khi làng ấy vào đám, hoặc tế lễ, phường liên hệ cử đào kếp đến hát, và lệ đã cấm đào kếp nơi khác không được đến hát tranh Nếu làng làm đền lại, làng phải nộp cho giáo phường 30 quan tiền kẽm; nếu đảo ngôi, thay sà, thay cột, phải nộp 15 quan tiền. Số dĩ có lệ như vậy là vì dân làng muốn cho giáo phường biết đến làng mình đã làm lại hay sửa chữa kang trang hơn trước. Giáo phường gọi lệ đó là *Xông đình*.

### Lệ chia tiền hát

Đào kếp đi hát đình đám ngày xưa có lệ phân - chia tiền hát như sau:

Nếu được 10 quan tiền thì :

a) để 1 quan nộp cho Trùm đưng vào việc chỉ tiêu trong giáo phường gọi là tiền *Rút*

b) để 4 quan chi cho người hát gọi là tiền *Công Súc*

c) để 1 quan chi cho người gảy đàn gọi là tiền *giấy đàn*

d) còn lại 7 quan, đem chia đều cho các người có mặt trong đám hát, dù người này hôm đó không hát cũng được một phần.

### Lễ mở xiêm áo

Ngày xưa ở đời học hát rất công phu, cô nào thông minh, xuất sắc lắm cũng ít nhất phải học ba năm mới cảm được là phách ra hát - Còn những người trung bình đều phải học chuyên cần 5 năm mới gọi là biết hát. Những ả-đào trẻ tuổi, học tập đã thuần thục rồi, khi bắt đầu hát, phải có trầu cau trình với Quán-Giáp, rồi Quán-Giáp sai chia cho khắp phường để báo cho biết ả cô đó đã thành nghề và ra hát—Huỳnh thứ trong

phường nhận lễ trình, còn họp nhau lại *sát hạch* một buổi rồi mới chính thức công nhận— Được cả phường công nhận, đối với thời xưa, không khác gì ngày nay đã lĩnh được bằng cấp, đủ tư cách ra hát rồi, các cô chọn ngày lành tháng tốt, làm lễ cáo Tổ, mời một quan viên có danh vọng trong miền, nổi tiếng phong lưu hào phóng, sành điệu, đến nghe trống cho buổi hát đầu tiên — Hôm ấy mở tiệc linh đình để thiết-đãi phường và bà con quen thuộc. Người đến dự tiệc đều có lễ mừng.

Buổi hát đầu tiên ấy giáo phường gọi là *lễ mở xiêm áo*.

### Ái đào ra mở nhà hát ở tỉnh

Xem như trên, ta thấy giáo phường xưa được tổ-chức rất là chu đáo, mệnh lệnh nghiêm minh, kỷ - luật vững chắc, đã thuộc giáo phường đều phải triệt để tôn trọng ; cũng nhờ thế mà nhân phẩm, thanh danh của các đào kép được trọng nề vô cùng Dưới thời vua Lê, chúa Trịnh, ở trong Nội còn có một tổ-chức giáo phường nữa,

học tập rất công phu, gọi là lối *hát cửa quyền*, Các đào hát này được gọi đến khi trong phủ Vua chúa có yến tiệc, tiếp tân long trọng, đều là những danh ca, đầy đủ cả về thanh. về sắc được vô cùng trọng vọng — Vào thời Tây-Son ra Bắc-Hà, ta đã thấy các tướng Tây-Son rất ưa chuộng lối hát này, có đêm chỉ cho con hát đến 300 hay 400 quan tiền không biết tiếc. Thuở ấy, có một danh ca tên là Cô Cầm, mà chính Cụ Nguyễn-Du tác giả truyện Kiều đã vì cô mà làm một bài nói về thân thế cô, cùng sự gặp gỡ cô sau bao biến cố Quốc-gia, hãy còn được truyền tụng đến tận bây giờ. Nhờ bài thơ đó mà ngày nay ta mới biết rõ lối hát cửa quyền dưới thời Lê — Trịnh, vô cùng khôn phép.

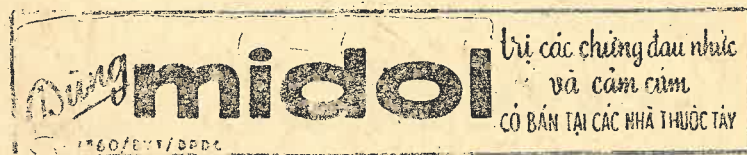
Tiếc thay, thời oanh-liệt ấy nay còn đâu ! Kể từ thế-kỷ 20 trở đi, văn minh vật chất Tây Phương lan tràn sang ta, nên nếp cổ xưa, bao nhiêu thuần phong mỹ tục của giáo-phường đã bị đời sống vật chất mới, làm xáo trộn cả ; sự ăn chơi có tiến bộ thật, nhưng không phải tiến bộ về phương diện tinh thần

nhĩ thật đáng tiếc vô cùng. Nhờ có đường sá được mở mang thêm sự giao-thông tiện lợi, rồi bả vật chất cảm dỗ, các đào kép đua nhau ra các thành phố lớn mở nhà hát để đón quan viên vào hát — Trong các phố cô đầu ở cũng có đặt chức *Quản ca* thay cho *Quản-Giáp* xưa, nhưng sự thực chỉ là hư vị, quyền hành thuộc cả về sở Cầm (Cảnh sát Pháp). Nhà hát chỉ cần thu được nhiều tiền, thân với sở Cầm là đủ, còn luật lệ giáo-phường thì bất chấp, chẳng ai tuân theo cả. Ở Bắc-Việt, những thành phố lớn đều có nhà hát cô đầu; như ở Nam-Định trước đây cô đầu mở nhà hát ở phố hàng Thao, sau thiên xuống Ngã Sáu. Ở Hà-Nội trước thì ở hàng Giấy, áp Thái-Hà sau đến Khâm-Điền, Ngã tư Sở Vạn-Thái, Chùa Mới, Cầu Giấy Kim-Mã, Văn Điển, Gia Quất ( Gia Lâm) đều là những nơi tụ tập của các cô đầu.

### cô đầu rượu

Nh trên đã nói, với đời sống mới, bao nhiêu thuần phong mỹ tục của giáo-phường không còn nữa, thì việc cô đầu tập luyện hát cũng không được chu đáo như xưa, rồi dần dần các cô đầu nòi không còn nữa, các cô biết hát cũng chỉ là tạm hát được được mà thôi; vì thế mà tinh thần của giáo phường cứ càng ngày càng suy kém dần đi. Hơn nữa, quan viên đến nhà hát ít người biết thưởng thức ca nhạc, văn-chương; phần nhiều chỉ chú ý họp nhau uống rượu, hành lạc mua vui, để phung phú tiền bạc; rồi những người xưa nay vốn không phải con nhà ca xường, thấy nghề mở nhà hát để kiếm lợi, cũng đua nhau bỏ tiền ra mở nhà hát trang hoàng rất lịch sự, tìm cô đầu về đón tiếp quan viên.

Rồi nhà hát càng ngày càng nhiều, cứ mọc lên như nấm, không khác gì sịt nách Ba bây giờ; mà việc luyện tập ca xường





lại công phu, làm sao kiếm được cô đầu nói xưa mà cung cho đủ, bởi vậy các chủ nhà hát mới quay về quê mộ những cô gái ở làng tình duyên, hoặc lười biếng không muốn làm việc đồng ruộng, đem ra tỉnh làm cô đầu. Những cô gái này không biết hát, chỉ có việc học tập tiếp khách, học uống rượu để tiếp quan viên, tức là các cô làm cái việc ngồi bồi tiếp, cho nên gọi là *cô đầu rượu*.

XX

### KẾT LUẬN

Đó là tất cả những biến chuyển đáng tiếc của giáo phường xưa, trước chặt chẽ, nghiêm chỉnh bao nhiêu thì nay lại lỏng lẻo, truy lạc bấy nhiêu—Sở dĩ nói về tổ-chức các phường, tôi dẫn nói đến giáo phường lý mỹ như trên, là bởi tổ-chức của giáo phường rất là chặt chẽ, đầy đủ và nghiêm chỉnh hơn cả mọi nghề, mục đích là nêu cao những thuần phong mỹ tục của

phường để làm rạng danh cho nghề nghiệp của mình, cho uy tín chung trong phạm vi đạo đức, tình nghĩa hay trò, quyền lợi của cả phường v.v... Các nghề khác cũng có một tổ chức riêng biệt, như nghề thợ mộc, thợ thêu, nghề làm đồ gỗ, đồ gốm, v.v... tuy không được đầy đủ như trong giáo phường, nhưng cũng là để bảo vệ mọi bí-mật nhà nghề, chỉ người trong phường mới tận tâm truyền lại cho nhau, khiến người ngoài không thể học ở được, đó là cách giữ độc quyền cho nghề mình vậy; đặc sắc là những nghề có bí truyền, như nghề thợ nhuộm, nghề làm đồ gốm, nghề làm sơn - mài thì không những trong khi hành nghề, cần phải có sự khéo - léo và nhiều kinh nghiệm đã dành nhưng còn cách pha thuốc ra sao, cách làm thế nào cho màu sơn được bóng, nước men đồ sứ nổi bật lên với một màu sắc riêng biệt, nếu không được

**Điungmidol** trị các chứng đau nhức và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
1360/DNT/8DDC

chân truyền, v.v... những điểm đó, chỉ có người trong phường mới truyền dạy bí quyết cho nhau mà thôi. Bởi vậy những duyên cơ làm cho các người cùng hành một nghề chú tâm đến việc tổ chức, lập thành phường riêng biệt cho mỗi nghề là ở đó mà ra. Tục lập phường này không riêng gì ở bên nước ta, mà các nước bên phương Tây cũng có tục ấy. Ta xem ngay như ở bên Pháp vào thời Trung-cổ, các nghề thợ rèn, thợ mộc, thợ may, v.v... cũng lập thành phường mà người Pháp gọi là «Corporation» mục đích cũng là để giữ bí mật trong nghề và nêu cao tinh

thần đạo đức giữa ông thầy và những người đã được thụ giáo, gây tình đoàn kết, tinh tương thân tương ái giữa thầy và trò cùng bạn đồng nghiệp với nhau.

Hiện nay vì là thời kỳ dùng máy móc nhiều hơn là chân tay, đời sống và việc hành nghề cũng đổi khác, nên tục lập thành phường bên ta cũng như tục lập «Corporation» bên Pháp không còn nữa, nó chỉ còn là «vang bóng một thời» mà thôi; cho nên ở đời bất cứ việc gì, cũng đều do luật biến hóa ( évolutionnisme ) chi phối cả.

PHẠM-TRUNG-CÔN

### LỚP NHẠC FLAMENCO

- \* Lớp nhạc căn bản của các bạn yêu nghệ thuật.
- \* Thời gian ngắn, kết quả mỹ-mãn.

Do G.S. Đào-Kim Tốt nghiệp Trường Q.G.A N, hướng dẫn

Ghi tên : 205/1 Cô-Giang Phú-Nhuận.

# HÃY TỰ CƯỜNG

## MÀ ĐỪNG TRONG CẬY VÀO NGƯỜI

★ LINH-GIANG

*Tự cường để tạo thế đứng cho mình hơn là quá trông cậy vào người, để bị người bóp chẹt*

Một người muốn sống độc lập để tự tạo sự nghiệp và cơ đồ cho mình, thì không hay gì bằng ta phải tự lực lấy ta; đó là một yếu quyết lập thân, nếu ta không muốn bị ràng buộc và bị người đè ép.

Một quốc gia vững mạnh, muốn tạo thế đứng trên thế giới năm châu, thì cũng không gì hay bằng phải biết tự cường tự xây dựng lấy quốc gia mình. Còn nếu quốc gia ấy lúc nào cũng chỉ ỷ lại trông cậy vào cái thế của ngoại quốc, dù rằng họ là đồng minh đang liên kết thì không sớm, muộn quốc gia họ cũng bị người bóp chẹt và không khéo có thể đi đến chỗ lệ thuộc của ngoại bang cũng nên.

Đó là cái lý tất nhiên không ai

chối cãi được!

Một câu chuyện cụ thể xảy ra trong thời Đông-Chu đã cho ta cái lý tự lực và tự cường như thế nào rồi.

### Câu chuyện Văn - Công nước Đổng với thầy Mạnh-Tử

Một hôm Văn Công nước Đổng vấn kế thầy Mạnh-Tử :

—Nước Đổng ta là 1 nước nhỏ, ở vào giữa cái thế gọng kềm của 2 nước lớn Tề và Sở. Kế phận thì ta phải lụy cả 2 nước, còn kể về sức thì không thể chịu được cả hai. Như vậy, ta phải làm sao, chịu Tề hay chịu Sở đây ? Ta thực không biết nương tựa vào nước nào cho nước ta được yên ổn. Vậy phò nhà thầy có mưu kế vẹn-toàn

## HÃY TỰ CƯỜNG

nào hay, hãy tính giúp cho ta xem.

Thầy Mạnh-Tử đáp :

—Việc mà cứ trông cậy vào người, thì không thể chắc được. Chịu Tề thì Sở giận, mà chịu Sở thì Tề hờn, mưu ấy tôi không thể nghĩ kịp. Tôi thấy hiện tiếng nước Đổng ta chỉ còn một cách là mình hãy tự cứu lấy mình, tự mình giữ lấy nước bằng cách đào hào cho sâu, đắp thành cho cao; huấn luyện quân binh cho giỏi, cai trị một cách công minh chánh trực mà cầu kết lấy dân-tâm, để cùng dân giữ nước. Nếu mai sau, có biến cố gì xảy ra, Vua dấm liu chết để giữ, thì tất dân cũng theo gương đó mà cùng giữ nước, không nỡ bỏ Vua bỏ nước vậy. Thế là ta cũng lấy lòng dân để giữ lấy đất nước tự cường mà lo lấy việc nước. Còn việc chịu Tề, hay chịu Sở thì tôi không thể quyết được.

Vua Đổng mở mắt ra, mà hiểu rằng phải biết tự cường để giữ lấy nước. Quả nhiên, Vua Đổng thực hành y theo lời Mạnh-Tử mà giữ được nước. Tề và Sở không còn làm le cướp lấy nước Đổng nữa.

Văn - Công nước Đổng thật đáng là con người chẳng ra gì Thân đã làm Vua không lo cầu kết lấy dân tâm, để nhờ sức của dân, mà dựng nước hùng cường, lại cứ lo đi trông cậy vào người. Trông cậy mãi vào người tức là vô hình trung đã đưa nước đến chỗ hèn kém, suy vi. Đồng thời trông cậy mãi vào người, tất sẽ bị người trói buộc, hoặc bị sai khiến làm lợi cho người, chứ có ai đại gì giúp công không!

Ta phải hiểu cho rằng: cái sách giao hiếu và trông cậy — chớ không phải là thần - phục với nước mạnh chỉ là cái thế nhất thời giai đoạn mà thôi. Còn cái chính sách tự cường, tự lực lo mình và quốc gia mới là một chính sách bảo-toàn vĩnh cửu cho dân, cho nước. Nhưng ở đây, Văn-Công Vua nước Đổng, chỉ lo toan thờ nước mạnh, mà không nghĩ đến việc làm cho mình mạnh, mới thật là con người hèn, không có chí lớn. Vua nước Đổng đã quên rằng : có sức mạnh nào bằng sức mạnh của lòng dân! Nếu Văn - Công biết cầu kết dân-tâm, và biết dùng sách lược dựng nước bằng đường lối 1 hư chi, Giáo chi và



Phủ chi cho dân biết nghĩa nước yêu chính - tha, biết cái đạo đức làm người và làm giàu mạnh cho dân: thì thế tất dân sẽ cùng một lòng, một dạ cùng sống chết với nước vậy. Được như vậy thì cần gì nước Đàng phải đi trồng cây vào người để bị người bó - buộc và bị lệ-thuộc cho nhục quốc thể. Vua nước Đàng phải chờ thầy Mạnh - Tử mở mắt cho mới biết cái sức mạnh của nước mình đang có để mà ngăn giặc thật là dễ.

Thầy Mạnh-Tử mới đúng là một trí mưu có một mới có thể mở mắt cho Vua nước Đàng giữ nước và dựng nước.

Ta phải thấy cho là một nước mà biết tự cường tự tạo lấy 1 thể đứng vững chãi cho nước thì các bạn đồng-minh, hay ngoại quốc, mới không dám không nhận mà nhân dân trong nước khỏi phải thẹn cho số phận họ là giống dân «tầm gửi». Ngoại quốc chẳng dám khinh lờn không dám trêu vào chủ quyền của nước, mà cũng chẳng bị nước nào trói buộc hoặc yêu sách này nọ để xâm phạm quyền hành của quốc-gia đó. Cho nên, nếu Văn-Công không biết nghĩ

lời của thầy Mạnh vẫn khủ khủ theo cái chủ trương trồng cây nhờ người, thì nước Đàng đã không còn là nước Đàng nữa.

Bấy nhiêu đó, ta đã thấy rõ ràng : một người mà ý lại vào kẻ khác, thì ắt phải bị sai khiến lệ thuộc vào kẻ ấy. Còn 1 nước mà chỉ biết dùng cái sách trồng cây vào ngoại quốc, thì nước đó sẽ bị trói buộc và mất chủ quyền không còn gì là thể thống của nước nữa vậy. Nhưng nếu nước ấy đang bị trong 1 thế kẹt phải lờng cạp vào người, thì chỉ trong 1 giai đoạn mà thôi. Nhưng ít nhất, nước ấy cũng phải tạo được 1 thể đứng vững phần nào, để khỏi bị người đưa vào cái thế trói buộc. Hay hoặc dở là ở chỗ đó !

Giương nước Đàng thuở Đông Chu đã vậy, thì ngày nay cũng không biết bao nhiêu trường hợp, hay bao nhiêu người cũng làm vào cái thế như Văn - Công nước Đàng. Trường hợp một ông Diệm, một ông Bảo-Đại, hay xa hơn nữa, 1 Trần-ích-Tắc và 1 Gia-Long cũng đã chẳng biết tự lực, tự cường, đã làm cho quốc gia này phải bao lần điều đứng làm than. Những người này đã

vi quá ý lại trồng cây vào người cho nên mới bị người trói buộc và chẳng biết trí thức thời cơ, nên mới tạo ra nhiều đổ vỡ, làm ảnh hưởng bị đất cho đại cuộc không nhỏ.

### Ông Diệm và Bảo-Đại không biết tự lực,..

Dân-chúng V.N không ai là không biết công cuộc dựng nghiệp của hai ông này, đều là nhờ ở những bàn tay «phù-thủy» của người ngoài. Nhờ người mà hai ông mới được về nước, sau một thời gian lưu vong nơi xứ người. Ông Diệm, đã nhờ vào thế-lực của 1 đức Hồng-Y tiến dẫn dắt và nhờ thời thế người ta đang dùng 1 con cờ cho một cuộc điện, mà ông ta mới được về nước. Thật sự thì ông Diệm không tài-cán gì, mà chỉ nhờ ở thế đứng của người anh ruột mà đi lên, chứ ông ta không hề

tự lực để tạo nên nghiệp cho mình. Do đó, ông ta mới bị trói buộc vào người vạ cũng vì quá ý lại không tiên-đoán nổi một thời-cơ cho nên mới để cho C.S có thể bành-trướng công cuộc xâm lăng của họ vào Nam và tạo bao sự thối nát như ngày nay.

Còn ông Bảo-Đại cũng chẳng hơn gì. Ông ta cũng đã nhờ Pháp rước về mới được lên ngôi cũu ngũ, nhưng chỉ là một cái xác bù nhìn, chứ không quyền, không lực gì cả. Ông Bảo-Đại không phải tự tay tự lực mình dựng nước, dựng nhà, cho nên mới bị người Pháp trói-buộc dành hết quyền, chỉ làm được một vị Vua bù nhìn mà thôi. Nếu ông ta biết tự lực cấu kết được lòng dân, tạo cho mình cái thể đứng trong giai đoạn đó, ắt nhân dân sẽ rước ông ta về chủ-tri cho thể nước lúc ấy ngay thì Pháp làm sao có thể lạm quyền

**Dùng Midol** trị các chứng đau nhức  
và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BVT/ĐPDC

đến như vậy. Phải chỉ ông ta trí thức thời cơ thế lực được như Văn-Công nước Đàng trong thời Đông-Chủ, thì quốc gia này đâu phải đến nỗi bi đát như ngày nay.

Cả ông Hồ-chí-Minh trong giai đoạn hiện-tại cũng đang làm vào 1 thế kẹt là cũng chẳng tự cường, tự lực nổi lấy nước. Họ Hồ cũng cam phận làm thân-tâm gối vào thế-lực của Trung-Cộng và Nga-Sô, để được hai nước này viện trợ cho vũ khí và kinh-tế, để chống lại Miền-Nam. Vì cái thân phận làm « tâm - gối » cho nên Bắc-Việt phải áp mình trong sự kềm chế của Nga, Hoa phải tuân theo mệnh-lệnh của 2 nước ấy, mà không định đoạt nổi tương-tai cho xứ sở. Vì họ Hồ không tự lực, tự cường nổi, phải nhờ vào thế-lực của người, nên phải bị lệ thuộc vào người là vậy. Tương-lai xứ sở không còn do tự nơi ông Hồ quyết-định, mà do ở 2 tay tổ đần anh chủ trương thì thử hỏi

con đường tương-lai của đất Bắc sẽ đi về đâu !

Một Gia-Long cũng vì không tự lực cấu kết lấy nhân-tâm để chống Tây-Son, phải đã nhờ người ngoài, để không ngờ rằng, mấy chục năm sau cái chết của ông ta, người Pháp đã theo vào lập chế-độ đô-hộ trên 80 năm dài trên đất nước này. Gia-Long đã vô tình-trung tự « rước voi về đày mò » như Trần-ích-Tắc đời Trần.

Cả nhân mà không biết tự lực tạo cho mình một cái thế lại chỉ trông cậy ỷ lại vào người cũng nguy-hiêm không kém gì một quốc gia chẳng biết tự cường. Cả nhân và quốc gia đã vậy, nhưng về phần các đoàn thể hay cái đảng chính trị mà chẳng tự lực tạo thế đứng cho mình, thì nó cũng gặp trường hợp bất ứng như vậy,

**Đoàn thể tan rã, phân  
hóa- vì...**

**Đúng midol** trị các chứng đau nhức và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
1360/BYT/ĐPDC

Đoàn-thể Tôn giáo, đảng-phái chính-trị mà không biết tự lực tự cường, tự quyết, thì ắc phải tan-rã, phân-hóa bị người giết giầy chỉ-huy chi-phối không còn tánh-chất độc-lập, mà chỉ còn là 1 công-cụ của người mà thôi. Đảng-phái chính-trị vì chẳng tự lực nổi lòng mình, cho nên chẳng tạo cho mình 1 thế đứng và không có hậu thuẫn quần chúng. Và đoàn thể tôn giáo — ngày nay đã có 2 đoàn thể bị phân hóa là một bằng chứng cụ thể vì không tự lực, tự quyết được lấy mình, để bị người chỉ phối chỉ huy làm công cụ cho người Thế thay ! Phải chi, họ biết bao nhiêu sự vị kỷ, lòng tham, sân, để lo cho mối đạo, cũng cố lấy hàng ngũ, cấu kết lấy đạo hữu tâm, thì lo gì nghiệp đạo chẳng vững, chẳng bền hầu làm lợi cho nước, cho dân trong mai hậu Uông thay !

Cái gương Đức; Nhật 2 nước biết tự cường, sau 20 năm chiến tranh đến nay, đã cho ta thấy 1 sự thật là thế nào. Cho nên, phải chỉ bao nhiêu chánh phủ ngày trước tự quyết lấy vận mạng mình và tự cường cho nước, mà biết lo cho dân, giúp dân và thương dân, thì dân đâu có bỏ họ. Và nếu họ không vì cá nhân, không vì gia đình, không vì tham, sân, chỉ 1 lòng cấu kết lấy dân tâm để giữ nước mà tự cường; thì làm sao CS. có thể tồn tại đến bây giờ? Chỉ làm sao nắm được nhân hòa là đủ thắng rồi thì cần gì mỗi mỗi phải trông cậy vào người? Hãy tự lực lo cho mình trước chứ đừng bao giờ quá ỷ lại trông cậy vào ai ! Làm « thân tâm gối » chẳng hay ho gì ! Ta phải hiểu như thế !

LINH GIANG



**Đúng midol** trị các chứng đau nhức và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
1360/BYT/ĐPDC





# CON CHIM SÂU

• TÍN KHANH

Chắc bạn chưa ai từng thấy con chim sâu bay, và dù bạn có dụng tâm nhìn cũng không sao thấy kịp. Bạn hãy tưởng tượng vừa nghe một tiếng « vo vo » như tiếng ong bay thì bỗng nhiên từ phương trời nào đến không biết, nó bổ xuống nhanh như gió. Mỗi giây cánh đập 75 lần — lần lộn trong sương mù hay

khói... Gặp một con ong chẳng ? nó bay giật lùi để tránh hay bay xẹt qua bên để né một con chim khác rồi bay đi, với tốc độ 80 cây số một giờ. Mọi việc ấy chỉ trong khoảng thời gian một vài hơi thở của bạn

Tạo-hóa đã rất mâu thuẫn khi tạo ra con chim sâu.

Nó nhỏ hơn hết cả các loài

## CON CMIM SÂU

chim, nặng chưa quá 3 gờ ram, có sức bay một mạch hàng ngàn cây số không ngừng, bay tới hay đã đành, mà bay lui cũng giỏi, đặc biệt là không trở đầu, thế nhưng bao nhiêu cái tài đặc sắc ấy chỉ để phục vụ cho việc duy nhất là hút nhụy hoa.

### Con vật khác thường lại đa tình ra rít,

Chim sâu bay được lanh là nhờ ở đôi cánh rất lớn, so với thân mình nó. Quả tim nó nằm chặt lòng ngực. Đem so với tim các loài chim khác và tỷ lệ đối với mình thì chim sâu lớn hơn hết.

Chim sâu có tài thật đấy nhưng lại phải một cái tội là quá si tình mà vụng về. Gặp được 1 cô nàng vừa ý, anh chàng liền trở tài bay : bay qua bay lại, bay lên bay xuống trước đôi mắt thần phục của người đẹp. Một lúc lâu mấy món nhà nghề coi chừng đã cạn và dường như cô ả đã phải lòng, anh chàng si tình mới lại gần bạn ngọc và liền đó cuộc ân ái bắt đầu.

Đôi tán hôn bắt đầu xây tổ.

Tổ chim sâu cũng là một kỳ công của Ông Tạo. Tổ nhỏ bằng đồng xu xưa của ta, lót rất cẩn thận dù chỉ làm trong chốc lát, dẫu vào chỗ rất kín hay có khi lộ liễu mà không ai ngờ đến. Tổ có thể đặt vào một gút dây dừa, hay trên cộng một trái cam đang treo lủng lẳng. Bên trong lót bằng lông ực hay các loại rêu nhỏ. Tổ treo bằng mấy sợi dây chần giống như tơ nhện do chim mái nhả ra. Mỗi chuyến đẻ chỉ hai trứng, nhỏ như hạt đậu, Chim con nở ra chỉ thấy mỏ và họng, kêu không ngọt miệng, đòi ăn không lúc nào ngưng. Mẹ chúng phải cho ăn từng phút một với lương thực để dành sẵn. Mỗi lần đút ăn cho con chim mẹ phải đút dài cái mỏ vào giữa họng con, một trò khá nguy hiểm.

Lưỡi chim sâu cũng khác lạ, thay vì bằng thịt như mọi con vật, nó lại gồm có hai ống nhỏ chạy song song nhau, không những để chuyên nhụy hoa mà còn để đưa những con vật li ti nó bắt được trong lòng hoa.

Chim sâu có giác quan đặc biệt trong việc lựa chọn hoa. Chúng tìm các loại hoa hình như cái phễu sâu để một mình chiếm độc quyền hút nhụy nhờ



cái mỏ dài và cong. Kể cạnh tranh đáng sợ nhất của nó là ong, nhưng ong không thể nào chui lọt vào đáy phễu kia, mà có vào được cũng khó mà ra. Thứ đến là bướm, cũng nguy hiểm không kém, vì có vòi dài nhưng chim sâu không mấy bận tâm. Thấy bướm là nó đánh đuôi ngay chớ không như ong vì sợ ong chích

Lâu nay các nhà khảo cứu về chim thường cho chim sâu thích hoa màu đỏ. Đó là một lầm lẫn. Chim sâu thích bất kỳ màu sắc gì miễn có hình phễu sâu và nhiều nhụy như kim ngân hoa, giầy nho v.v...

**Trên 600 giống khác nhau.**

Mỹ là nơi nhiều giống chim sâu hơn hết và những loại lạ không nơi nào có. Tại đây Andes, có nhiều giống chim sâu màu lam ngọc, (mống, trời) hay giống « thiên-tinh » màu sắc vô cùng lộng lẫy.

Hiện nay có đến 650 giống khác nhau, tùy theo mỗi nơi, chúng mang một tên khác nhau, nhưng chỉ một phần nhỏ nhỏ nào thôi và dựa trên màu lông chớ không có tên riêng, như chim

hồng ngọc, từ-thạch-anh, ngọc bích, hoàng-ngọc hoặc đôi tên riêng như « Tia sáng mặt trời » « Sao chổi » v.v.

Cái đẹp của chim sâu có thể là vô tận. Không những vì lông lá, lại còn ở cái đuôi dài và cong thành móc, đôi đuôi như mang giầy ống trắng. Đây là loại chim sâu ở xứ Colombie, có lẽ đứng đầu trong họ nhà chim sâu.

Đuôi nó có mấu, dài bằng ba thân mình nó, lông màu xanh sáng ánh, còn cánh lại màu tím. Một loại khác cũng đẹp không kém là thứ chim màu hoàng ngọc xứ Andes mình màu hồng ngọc đầu đen lánh mịn như nhung, dưới cổ có một bốt tròn màu hoàng ngọc.

**Có tiếng từ ngàn xưa. —**

Chim sâu đẹp như thế nên từ xưa, vào thời dân Aztèques, cách đây gần 700 năm, người ta đã dùng lông nó làm vật trang sức.

Thời ấy, các nhà quý tộc tại triều đình Montezuma choàng áo choàng dệt bằng lông chim sâu. Dân da đỏ thời Kha-Luân-Bổ tìm ra Châu Mỹ lúc đón tiếp đoàn người đi chinh phục đất

mình đã đeo lòng thông nơi trái tai mỗi bên một con chim sâu.

Thời Nữ Hoàng Victoria (Anh), cũng dùng chim sâu làm đồ trang sức nên phong trào tìm bắt chim sâu lên đến một mức kinh khủng. Người ta lấy lông biến chế ra hàng vạn thứ hoa giả, đeo đủ chỗ trông rất

buồn cười. Đẹp chẳng thấy đâu mà chỉ thấy bụi bặm bám đầy. Vì món trang sức kỳ lạ này mà nhiều loại chim đẹp tuyệt vời tuyệt giống.

Ngày nay, để bảo vệ chim chóc nhiều quốc gia đã ban hành lệnh cấm nhập cảng lông chim hoang, trong đó tất nhiên có chim sâu,

**Âm - thanh tự - nhiên rất hữu - ích**

Có thể nói tiếng động là một trong những yếu tố kích-động giác quan con người mạnh nhất.

Tiếng chat chúa, khó chịu làm căng thẳng thần kinh hệ của con người và làm cho con người mau mệt, Những tiếng đều đều khiến dễ buồn ngủ.

Nhưng mặt khác, có những âm thanh ảnh hưởng rất tốt đến cơ thể con người, Tiếng lá rì rào dưới làn gió nhẹ, tiếng nước vỗ đều đều lên đá làm ta cảm thích. Những âm thanh tự nhiên cần thiết cho ta, như lùm cây xanh, như bầu trời êm dịu. Tiếc một nỗi là lâu nay ít ai nghiên cứu những ảnh hưởng đó một cách khoa học

Bây giờ người ta đo cả cái gọi là quang phổ của tiếng động tần số và cường độ của các âm ba khác nhau tạo nên tiếng động tự nhiên. Người ta ghi âm tiếng xào xào của lá cây, tiếng nước tràn qua đập, đổ xuống một con sông nhỏ, tiếng mưa rơi nặng hạt lên mặt đất và tiếng sóng vỗ ầm lên bãi.

Các tiếng ghi âm này được đem phân tích một cách đặc biệt.

Yếu tố chính của bất cứ tiếng động tự nhiên nào cũng có một tần số, chừng một ngàn chu kỳ trong một giây. Tần số này tương ứng với độ cảm tối đa của tai con người, Có lẽ đó là kết quả sự thích nghi của con người với khu vực chung quanh.

Người lại, chính sự thích nghi trên đã là nguyên nhân cảm giác dễ chịu của binh thần và quân binh do nhiều âm thanh tự nhiên gây ra cho con người.



## —khóc tình yêu và quê hương

Giã từ năm ấy, người em nhỏ,  
Khăn gói lên vai, cuốn bụi đường,  
Ta đi phong kín lòng mong nhớ,  
Nhỏ chút lệ này — chút mến thương.

Đạo đò, điều linh tràn đất nước,  
Quê hương tan tác, xiết bao tình !  
Cho nhau ánh mắt — niềm ao ước,  
Chờ đến bao giờ hết chiến chinh.

Chiến binh trái bóng, bước mờ cõi,  
Tay súng — chừ đây, mỗi lăm rồi !  
Trận chiến hận thù — bi thảm quá !  
Thấy người quẫn quaoi, máu người rơi...

Án tình nức nở trong ly loạn,  
Dầm mòn dấu cỏ, xác người chôn.  
Dừng lại thôi — vòng bay lửa đạn,  
Nát tan rồi, thị xã làng thôn !

Sóng núi Việt còn trơ sỏi đá,  
Con tim này óm nỗi buồn thương.  
Thói hết, người ơi — miền đất lạ !  
Vòng tay cúi mặt, khóc quê hương !

SO — LI

Nha thành — Mùa mưa ngâu

## Một áng văn

du - ký  
của thời  
Minh - Mạng



## «Hoa trình tiện lãm khúc»

Của Cụ Lý-văn-Phức  
kể chuyện đi sứ sang Tàu

● AI-LAN

tiếp theo P.T. 212

II—Phục-ba nham với thành Tĩnh địa quan cũng thủ động  
Cầu-Tiền thân,  
Đài Khổng-Minh cùng viện Diên-Mời ngồi trà khoản tam tuần,  
chi. (1) Thở nghi bích tạ hồi thần từ  
Tòa non Độc tú thanh kỳ, lui,  
Quán này Trạm - nguyệt, chùa Đờ thưởng cấp đem nơi thuyền  
kia Thê hà; sớ'  
Gặp Lương phủ cũng đã về tỉnh  
Bầm thiệp lên xin định yết kỳ.  
Phiên nha trước nghiệm phẩm  
nghì (2)  
Bàn lên phủ viện thờ nghi đệ  
tùy,  
Lệ quốc sứ 1 qui ba khấu, (2)vào dinh Bổ chính trình phẩm  
vật cống sứ cho quan xét tốt xấu

HOA TRÌNH LÂM KHÚC

Suốt sứ thần đến cả hành tuyền.  
 Nhiều sa bát mực thiếu gì,  
 Phần thi đồ mực phần thi đồ  
 ăn.  
 Ấy thể nước ân cần hậu vãng,  
 Nhận lĩnh rồi phát thưởng biện  
 sai.  
 Lại đem tổng hảo các nơi,  
 Đều cùng bích tạ một lời như y,  
 Bản hồi bầm chuẩn vì phát độ,  
 (3)  
 Rồi từ hành cứ lệ khai thuyền.  
 Vài hôm tới huyện Linh-Xuyên  
 Đại dung giang khẩu ngược lên  
 Linh từ,  
 Sông cạn hẹp tứ từ từng khúc.  
 Tiếng thủy xa (4) sừng sục theo  
 dòng.  
 Đoàn dương gặp tiết Thiên  
 trung (5)  
 Chôn bờ cùng rớt trên sông mực  
 vài,  
 Bến cỏ độ vắng người cạnh  
 khích, (6)  
 Ngọn hoàn phong giục khách  
 đăng trình.  
 Vừa hôm mười một ngày lành,  
 Chúc tuần Thánh thọ ngũ tinh  
 tác son. (7)  
 Đèn treo khắp trên trước mũi,

Suốt ngàn sông bóng giải sáng  
 làa.  
 Mã-đầu-son sắc lộ ra,  
 Ba mươi sáu đầu đầu là Đầu  
 ngư. (8)  
 Qua tầng đầu ngày thâu được  
 mấy  
 Quanh từng toan đủ bảy mươi  
 hai (9)  
 Lăn lăn trắng tối sương mai,  
 Khởi Hưng Yên mới hết nơi  
 Đầu cừ.  
 Có miêu thờ thầy Chu mậu Thúc  
 (10)  
 Biên gạch đề «Lý học khai  
 tông»,  
 (3) sứ thần nhờ quan tỉnh Quảng  
 tây gởi họ thơ về nước.  
 (4) Xe bắt ở sông lấy nước làm  
 ruộng.  
 (5) Tết mừng năm tháng năm.  
 (6) Tết đoàn dương có tục đua  
 thuyền,  
 (7) Sinh nhật vua Thiệu Trị,  
 (8) Dọc sông Đại dung có 36  
 mỏm đá cao.  
 (9) Bảy mươi hai bến sông.  
 (10) Châu Đôn Di người đời Tống  
 tổ xướng lý học người đời gọi  
 Liêm Khê tiên sinh.

HOA TRÌNH LÂM KHÚC

Bên sông một tọa xuân phong  
 (11)  
 Một vàng thu nguyệt soi lòng  
 ngàn xưa.  
 Kia gương đá bay từ Đông-Việt  
 Có chữ đề «Dạ nguyệt đàm huy»  
 Trãi bao tuyết sớm sương khuya  
 Một mình đứng mãi chờ che  
 đến giờ.  
 Qua Phan thủy linh từ yết lễ,  
 Sông Tam tương (12) thuận  
 thủy từ đây,  
 Nguyên xưa chưa có đầu này,  
 Lý, Tương (13) hai ngã không  
 hay thông dòng.  
 Tứ Sử Lộc (14) ra công khai tạc  
 Khiến Ly, Tương ngọn nước  
 hợp nhau.  
 Chu thuyền từ ấy thông lưu,  
 Công xưa tuy khó, người sau  
 được nhờ.  
 Chôn hoa kiều có Hà gia Đầu.  
 Giòng giáp khoa vốn họ thư  
 hương.  
 Linh quang qua miếu Anh, Hoàng  
 (15)  
 Ngàn thông rũ bóng lọt đường  
 Toàn Châu,  
 Tương Sơn tự, ấy chùa thờ Phật  
 Là Sở nam Đế nhất thiên lâm (16)

Đa Phi lại mấy trăm năm (17)  
 Sứ thần thuở trước để ngâm  
 hãy còn.  
 Cây Trầm-hương trên non ai giữ.  
 Núi Bình thư khắc chữ Khổng  
 Minh.  
 Tiêu, Tương hai ngọn hợp doanh  
 Trông lên đã thấy phủ thành  
 Vĩnh-Châu.  
 Thuyền tuần sát giang cầu lộ  
 trực. (18)  
 Thú bán buôn đông đúc, chu,  
 xa. (19)  
 Từ đây đi đến Trường Sa.  
 (11) Gió xuan đầm ấm, vì với sự  
 dạy dỗ, nơi dạy học của ông  
 Chu mậu Thúc,  
 (12) Sông Tương có 3 ngành  
 Thượng, Trung, Hạ,  
 (13) Sông Ly và sông Tương.  
 (14) Người đời Tần thủy Hoàng.  
 (15) Hai con gái vua Nghiêu; Nga  
 Hoàng, Nữ-Anh lấy vua Thuấn.  
 (16) 4 chữ đề trên biên ở chùa  
 Tương-Son.  
 (17) 2 ngọn núi gọi là Phi-Lai  
 phong, đã từng hòn lớn nhỏ  
 chông nhau  
 (18) Các thuyền lớn nhỏ thi  
 nhau đua, bến sát vào nhau.  
 (19) Chu là thuyền xa là xe.



Kê ra bát cảnh, hiệu là Tiêu  
trương (20)  
Than Lãnh-thủy với đường Tức  
phụ,  
Núi Tam ngô rất thú, cảnh  
thanh.  
Có đài, có suối, có đình,  
Văn Nguyên-Kết, chữ châu Khanh  
(21) đều truyền  
Dù gươm miếu dẫu tiên biến hóa  
Dưới chân non gương đá ai mài  
Trong như nước. sáng như ngày.  
Làm gương, Kim cổ sai người  
vang lai.

III— Kla Kỳ-dương huyện dài  
giang lộ  
Đi ba ngày tới phủ Hành-châu  
Nào non Hối-Hạc là đầu, (1)  
Bảy mươi hai đỉnh ấy là hành  
san,  
Núi Thạch-cổ trên ngàn Giang  
khâu  
Ngọc-Long xưa còn dấu cổ sư,  
(2)  
Đời Đường mới cải viện thư  
Lịch triều nhân đó để thờ tiên  
nhỏ.  
Bà Phiếu-Mẫu, nhờ xưa thời Hán,  
Còn miếu thờ nhất phạn thiên  
cầm.  
Giang đình tiên động trải xem,

Tới Hành-Sơn huyện lại tìm dấu  
xưa.  
Chốn Lý Bật đọc thư ngày trước,  
(3)  
Đỉnh Yên-hà như gác hình am,  
Lại đi khỏi huyện Trương-đàm,  
Đến Trường Sa phủ Hồ-Nam  
tỉnh thành  
Miếu Giả-Phó (4) bên ghềnh  
Trương-thủy.  
Đường Độc tinh (5) xót kẻ hoài  
sa  
Dòng Trương chảy xuống Mịch.  
la, (6)

(20) Tiêu Trương dạ vũ một cảnh  
đẹp trong 8 cảnh ở Hà-Nam,  
(21) Nguyễn Kết, châu Khánh,  
hai người văn hay chữ tốt.  
(1) 72 ngọn núi chạy dài, đầu  
là núi Hối Hạc, cuối là núi Nhạc  
Lộc  
(2) Nơi ở của Ngô-Long tức  
Khổng-Minh  
(3) Lý Bật đời Đường sau khi  
từ quan lên ẩn núi Hàn sơn đọc  
sách  
(4) Giả Nghị đời Hán để nhà Hán  
làm chức Thái phó ở Tràng sơn  
(5) Nơi thờ Khuất-Nguyên (6)  
chỗ Khuất Nguyên gieo mình.

Nước xanh lai-láng, bóng tà diu  
hiu,  
Đỉnh Nhạc-lộc gạch treo thư  
viện (7)  
Dấu phóng tăng đài biển đạo  
hương.  
Trình-châm khắc đủ bốn phương  
Ngắm toà Sơn đầu, soi gương  
Thánh hiền,  
Bến trước tỉnh, ghé thuyền đình.  
trú,  
Đưa thiệp lên phủ viện bầm  
minh.  
Văng lai cứ lễ, cứ tình,  
Ít nhiều thưởng cấp lòng thành  
chủ nhân.  
Rời từ tạ, lần lần chuyển tiến.  
Tới bến Hà Ấy huyện Trương-âm,  
Đảo văn khản nguyện lai lâm,  
Hồ thần thổi ngọn đông nam  
đưa thuyền.  
Tám trăm dặm hồ thiên-quạnh  
cỏi,  
Đây Động-đình (8) hay bề Đông  
Minh.  
Chân trời bát ngát cỏ xanh,  
Quần-Sơn (9) mấy đỉnh mặt  
doành lấp-lờ.  
Thuyền Phạm - Lãi chèo xưa  
văng lai,  
Trúc Tương linh lệ hãy còn  
ban (10)

Lạ thay, mảnh chữ bình an  
In mòn mấy chữ bia tàn còn  
linh.  
Khởi Động đình phủ Nhạc,  
Lầu Nhạc-dương (11) cao gác ba  
tầng,  
Bay tung triệu gió rèm trắng,  
Trùng hồ mây phủ Ba lãng sáng  
trêu.  
Ba phen tuy lòng phiêu xe hạc,  
Một cảnh rơi dẫu tạc đình-mai  
Làm toàn lãng miếu chia hai.  
Độc thiên cựu ký nhớ người  
tiên tru. (12)  
(7) Núi Nhạc-lộc có một thư  
viện của Đạm châu sau Chu-hi  
dùng làm nơi giảng học. Núi ấy  
tại tỉnh Hà-nam  
(8) Tức là đình Tuần Phủ.  
(9) Một hồ rất lớn ở tỉnh Hồ  
nam rộng 800 dặm,  
(10) Trúc-Tương-linh: vua Thuấn  
chết, hai vợ khóc, vẩy nước mắt  
vào bụi trúc. từ đó, trúc có  
đêm lốm đốm.  
(11) Một thắng tích ở Hồ nam  
do Trương Duyệt dựng nên.  
(12) Phạm-trọng-Yêm đời Tấn  
làm bài ký «Trùng tu nhạc  
đương lầu» có câu: Tiên thiên  
hạ chi ru chi ưu... Nghĩa là  
trước việc lo của thiên hạ mà lo..

## HOA TRÌNH LÂM KHÚC

Qua Nam bình, Thạch đầu mái  
hữu  
Đài Kỳ-phong (13) còn lỗ cắm cờ,  
Hỏa công Xích-Bích ngày xưa.  
Tràng giang là thuộc Gia-ngư  
huyện này,  
Tướng vắng sự khởi bay lửa  
ngươi.  
Ngắm không-giang sóng đội  
dòng tuôn,  
Vũ-xương có tiếng là ngon,  
Biết rằng phong vị có còn như  
xưa?  
Chữ Tiết-chế ấy cờ Hồ bắc (14)  
Lầu Phi tiên (15) Hoàng-hạc là  
đây.  
Ngàn năm trắng tỏa lân mây  
Nhớ ai gát bút (16) những ngày  
đăng lâu,  
Cốc tiên tảo mái sau còn đó,  
Định-Thụy tên ai giấc ngủ ngon  
(17)  
Vén mây trông suốt càn khôn,  
Kia châu Anh vũ non Phương  
Hoàng.  
Mười bốn tỉnh thuyền buôn bức  
tần,  
Tiếng phồn hoa Hán khẩu đầu  
hơn.  
Ghé thuyền chiếu lệ kiến quan,  
Vãng lai tặng tổng chu toàn chủ  
tân.

Bản hồi quốc bầm văn tái đệ.  
Soạn rương dài chính trị hành  
trang.  
Trú nơi công quán Hán-dương,  
Địa phương khoản đốn ngày  
thường chẳng sai.  
Kiệu sắm sẵn mỗi người một bộ,  
(13) Nơi Không Minh cầu phong  
để đánh quân Tào-Tháo ở sông  
Xích Bích.  
(14) Hồ bắc nơi triều Thanh có  
đặt chức Tiết chế ở đó để kiểm  
soát  
(15) Về huyện Vô xương xưa có  
Phi vân Vũ tự tiên đặc đạo,  
thường chơi hạc đến chơi ở một  
lâu đài tại Hồ bắc người ta đặt  
là Hoàng hạc lân.  
(16) Thôi Hiệu đời Đường qua  
đó  
Hoàng hạc lâu, có đề thơ: «Hoàng  
hạc nhất khứ bất phục phản.  
Bạch vân thiên tải không du du.  
Lý Bạch muốn làm thơ khi qua  
nhưng thấy thơ thi i. Hiệu hay  
quá, không muốn làm nữa.  
(17) Thụy tiên đình, nơi (Lữ  
Sinh) nằm ngủ, mộng giấc  
Hoàng lương.

## HOA TRÌNH LÂM KHÚC

Ba bức thêm (18) lớn nhỏ phân  
minh,  
Từ đây khởi lực tiến hành.  
Kiệu đài phu dịch nhật trình  
luân lưu  
Ngày tiến bộ, tối vào công quán,  
Từ phạt trà giường phản chính  
tề.  
Phận mình ai dễ trọng chi,  
Trong lúc quốc thể là vi quân  
ân  
Chực bốn tẩu sai nhân xét đặt,  
Khi bước ra cập phát lấy trình  
(19)  
Cho riêng há phải ơn mình,  
Gữ trong thể điện triều đình  
đắc nghị.  
Qua hai chuyện Hoàng-bi, Hiếu  
cảm,  
Vỏ thặng quan (20) đá hiểm ai  
chồng,  
Một sông chia nước hai dòng (21)  
Một con đường biết mấy chông  
non xây,  
Hà-nam tỉnh, nơi này tiếp giới.  
Qua Ứng sơn vừa tới Tín-  
dương.

Dấu xưa thân quốc nhận tường,  
(22)  
Miếu thầy Doan-Mộc(23) bèn  
đường con bia.  
Huyện Xác-sơn chực xe đỡ gánh.  
Kiệu tùy nhân (24) hai bánh xe  
bồng,  
Cổ thành còn dấu trùng trùng,  
Nét vàng Tam nghĩa (25) giải  
cùng trời xanh,  
(18) Kiệu của ba sứ thần đi do  
quan địa phương cấp theo ba  
thứ bậc;  
(19) Khi từ tạ mỗi nơi ra đi,  
quan Tàu đều có tặng đồ,  
(20) Một cửa rất hùng vĩ ở biên  
giới hai tỉnh Hồ bắc, Hồ nam.  
(21) Sông chia hẳn hai dòng  
nam, bắc.  
(22) Một nước trong chế độ  
phong kiến đời Chu.  
(23) Túc thầy, Tử-Cống, học trò  
Không-Tử, có miếu thờ ở đó.  
(24) Kiệu các viên tùy tùng sứ bộ.  
(25) Chữ vàng trên tấm biển thơ  
ba ông Lưu, Quan, Trương.

 **Dungmidol** trị các chứng đau nhức  
và cảm cúm.  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
1360/BNT/ĐPDC





của thế hệ này thoát xem tào bạo mạnh mẽ, nhưng xem xét kỹ chỉ là một khuôn sáo, một công thức mới mà hầu hết những người làm thơ thời hậu chiến đều vấp vào Đó là những «buồn đại lộ, mắt hoang vu, niềm đau thể kỷ, buồn mùa thi v.v...» đã trở thành những cái gì nhàm chán và giai như giẻ rách.

Thật ra, những thái độ bưng tha, chán chường ấy chỉ là một thứ một văn nghệ mới do một số người tung ra như Thanh tâm Tuyền. Tô Thùy Yên, Nguyễn Sa Trần thanh Hiệp., Tôi thường thấy một số người trẻ tuổi đầu bù tóc rối, bước đi chệnh choáng quần áo thốc thếch, điếu thuốc trên môi, cố nhại lại những điệu bộ nghệ sĩ thật buồn.

Một người bạn ngoại quốc sống lâu năm trên đất Việt có ngày hỏi tôi: «thế hệ thanh niên nước anh làm sao chóng già thế?». Tôi buồn đáp: « Anh nói thế còn khoan dung. Thế hệ trẻ chúng tôi đánh mất tuổi trẻ không phải năm lên hai mươi. Mà năm lên mười lăm mười sáu gì đó»

Thật vậy, ở lứa tuổi đó một

số đã sống những sợ hãi lo âu khiếp sợ của loạn lạc, áp bức. Họ không có thì giờ để sống cho tuổi trẻ. Những bậc đàn anh làm chính trị, văn hóa, hay xã hội, làm trí thức của họ thì lại thúc dục họ nhảy nhanh chân vào đời người lớn không nghĩ hơn thiệt.

Chúng ta gặp lối thơ mới «rất cũ» này :

«Thành phố bắt bằng nỗi xót thương ngó xuống. Châu - đốc buồn, ôi mệnh mông mùa nước lớn»

Mỗi lần bắt đầu đọc một tập thơ hay một bài thơ, bao giờ tôi cũng yên lặng một lúc và nguyện cầu cho thế hệ trẻ hôm nay sớm biết giữ được những lớp áo học đòi để trở về với chân tình của mình, biết cảm nghĩ, vui buồn, thương yêu thành thật bằng tâm tư của mình. Thường thương khi đọc xong, tôi buồn đến ngẩn ngơ : tất cả đều buồn chán. Nhưng để làm gì? Ý nghĩ và hình ảnh là một thứ cỏ rơm phơi khô trong những mồm bỏ nhai lại thôi. Nhưng thỉnh thoảng tôi cũng khám phá ra rằng có nhiều cảm nghĩ thành thật lấp sau những lớp cỏ vay

mượn. Tôi muốn đọc thật nhiều những câu thơ sáng tác bằng tâm tình và ngôn ngữ của chính mình :

«Mẹ ơi,

Nếu vũ trụ này con có thể thu nhỏ lại thì hoa immortal của mẹ sẽ như loài chim mang tên con, nếu con có thuốc làm hôm qua sống lại thì mẹ không cần hối tiếc vào hôm nay»

(Đại Bàng Trần Như)

Và tha thiết, mơ mộng, nhìn thẳng vào thực tế:

«Những đêm nào hỏa châu  
vàng chiếu cuộc

Ôm que hương mùi đất mẹ thom  
nồng

Một mình anh giữa màu vàng  
nhức buốt

Giọt máu này trên phần đất núi  
sóng

Hai mươi năm cơn mê dài vắng  
vất

20 năm hoả châu sáng chiếu  
trường

Trong đêm sáu đa anh vàng bệnh  
tật

Ôi màu vàng Đông Nam Á thăm  
thương»

(Thơ Huy Lực)

Chỉ cần loại bỏ những danh

từ đao to búa lớn ra khỏi những tâm hồn người trẻ tuổi, loại bỏ cả những đề tài, hình ảnh và ý nghĩa sáo cũ, vay mượn, học đòi là có hy vọng gạn lọc được những bài thơ mới.

Hiện nay trong nhà làm thơ mới Nguyễn Sa được coi là đại diện cho phái nam và Nhã Ca được coi như đại diện cho phái nữ. Nguyễn Sa và Nhã Ca đã tung ra làng văn nghệ những tư tưởng và ngôn ngữ mà đa số người yêu thơ ai cũng công nhận là những kỳ công mới mẻ của thơ mới. Bên cạnh phong trào thơ mới, còn có thơ Bạch-ngà mà Nguyễn Vũ là linh hồn của nhóm này. Nguyễn-Vũ đã lập lên thi pháp Bạch ngà với cách cấu tạo thơ bằng những chân (pied). Xin trích một đoạn thơ trong bài «sương rơi» của thi sĩ Nguyễn Vũ, một bài thơ điển hình nhất trong

thời kỳ này:

Sương rơi

Nặng trĩu

Trên cành

Đương liễu

Những hơi gió bắc

Lạnh lùng

Hiu hắt

Thấm vào



Em ơi  
 Trong lòng  
 Hạt sương  
 Thành một  
 Vết thương...

Tôi là một người làm thơ trẻ vì còn trẻ nên tôi có thừa thiết tha đối với văn nghệ, nhưng chắc rằng bài này không tránh chủ quan, bông bột. Mong những người làm thơ bốn phương gửi bài về thảo luận với hy vọng đề chúng ta được tiếp nhận nhiều quan niệm về thi ca rộng rãi hơn ngõ hầu làm sáng đẹp cho nền thi ca Việt-Nam hiện nay.

TYTA TRẦN VIỆT THÀNH

## Huế, quê hương tôi

Đã ba hôm rồi, mưa gió thi nhau phủ-phàng đầy-đọa mảnh đất quê-hương tôi, mảnh đất đã hứng chịu biết bao cảnh khổ đau vì chiến chinh, tai-ương.

Vết tích của biển-cổ Tết Mậu-Thân còn in đậm nét: cửa Thương-Tứ, Đông-Ba loàn-lở sập nóc, kỳ đài mang nhiều thương-tích, phố phường sụp đổ nát, Đại-nội với cung-điện đèn đài và thành-quách đổ-nát. Đó

là thành-tích của cái gọi là Tổng-Công-Kích đầy thắng lợi lớn của V.C mà chúng thường rêu-rao.

Những dư âm của tiếng bom rơi đạn rít gây nên cảnh chết chóc còn văng vẳng đâu đây. Những năm mờ vô chủ ven lộ, nơi công-viên, những hầm chôn người ở Bãi-Dâu, Gia-Hội, Kim Long, Ngự-Binh và còn biết bao nỗi khổ đau khác kè sao xiết.

Thế nhưng Ông Trời xanh đâu có rõ những nỗi niềm đau thương khổ hận của những người dân ở quê tôi, họ chưa kịp hàn gắp vết thương lòng cũng như chưa kịp hàn gắp những gì đã đổ nát. Tiếp đến mưa gió bão táp lại gây cho quê hương tôi tai-ương khủng khiếp nhà cửa sụp đổ, đồ đạc súc vật ngay cả người cũng bị cuốn theo dòng nước.

Ôi, quê hương đau khổ vì:  
 chiến chinh  
 thiên tai

Tôi đã nhen-ngào thôn thục khi phải chứng-kiến những cảnh đó, nhưng tôi chẳng làm được gì có thể gọi là đóng góp phần nào trong muôn một để

làm dịu bớt nỗi khổ đau cho quê mẹ.

Khi biển cổ Tết Mậu-Thân xảy ra tôi chỉ một người dân cư-ngụ trong nội thành, không một tấc sắt trong tay, tôi phải chạy trốn ngã này lẩn tránh chỗ kia, nhưng mắt cũng không khỏi trông thấy những thân người gục ngã, nhà cửa đổ nát, từng đoàn người bông bế diu dắt nhau chạy loạn bất chấp hàng loạt đạn của quân khùng bố bán để ngăn chặn. Tai tôi cũng không ngọt nghe những tràng đạn AK chát chúa, những quả B-40 gầm thét khủng khiếp. Tôi cũng đã từng thấy tận mắt những quả đạn rơi ngay trước sân nhà gần hồ Tĩnh-Tâm gây nên những cảnh chết chóc, thương tích cho các trẻ em đang nô đùa, một con chó nằm rẫy rụa chết trên vũng máu cạnh là một lỗ trứng sâu vì sức tăng phá của quả đạn. Những cảnh thương tâm như trên đã xảy ra thường nhật trên mảnh đất quê hương tôi

gần suốt cả một tháng trời,

Đến nay lại xảy ra thiên tai, mặc dầu tôi không được mục-kiến những gì đã và đang ở tại Huế do vì không có sự hiện diện của tôi ở đây nhưng tôi cũng ước đoán được qua những cơn mưa gió suốt ngày đêm, mực nước càng lúc càng dâng cao và lưu lượng nước chảy siết không thể tả. Ngay tại chỗ tôi đóng quân là một gò đất khá cao mà sự lụt lội còn đe dọa hướn gì những vùng đất thấp như: Cồn-Hến, Bãi-Dâu Tây-Lộc và những vùng thôn quê như Lăng-Cô v.v. . .

Nghe đến hai tiếng THIÊN-TAI không ai lại không kinh-hoàn k âu không ai lại không liên tưởng đến những hậu quả tai hại của nó, những nỗi cơ hàn của các nạn nhân bão-lụt, những mái nhà bị cuốn theo dòng nước, nếu còn lại bị xiêu vẹo trông thật tan thương, cảnh sống màn trời chiếu đất lại tái diễn ra trên mảnh đất quê

**Dùng midol** bị các chứng đau nhức  
và cảm cúm

1360/BY.T/ĐDĐC CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

hương tôi. Một cơn gió thổi mạnh đập vào cánh cửa sắt dứt dòng liên tưởng, kéo tôi trở về với thực tại, ngoài trời mưa gó vẫn thì nhau gào thét. trong lòng tôi lại ngồn ngang trăm mối lo âu dẫn-vật, cứ mỗi lần có một cơn gió thổi mạnh làm cây-cối ngã nghiêng. Những mái tôn của doanh-trại hình như cũng khiếp sợ trước cơn thịnh nộ của phong ba đã như run lên bần bật gây nên những âm thanh hồ-ntạp. Khoa học văn-minh của con người thế kỷ 20 đã tiến bộ vượt mức, con người đã chinh phục được không gian nhưng

con người đành khuất phục trước thiên tai.

Ôi, quê hương khổ đau vì chiến chinh, tai, ương, hãy nguyện cầu cho quê hương tôi qua cơn giông-tổ; bão-táp đừng gây chi thêm cảnh đồ nát điêu-tàn và những người bèn kia chuyên tuyến cũng đừng gây thêm cảnh chết chóc đau thương nên cùng nhau nguyện cầu-cho đất mẹ Việt-Nam sớm thanh-bình.

Cây số 17, ngày 6-9-68

HỮU-THƯƠNG

25/2, Đoàn thị Điểm, Huế.



### THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231 - 233, Phạm Ngũ - Lão - SAIGON

Điện.thoại : 25.861

NHÀ IN - XUẤT BẢN - CUNG CẤP VẬT DỤNG VĂN PHÒNG  
CÓ XƯỞNG MÁY CUNG CẤP PHÙ HIỆU, CỜ HIỆU ĐOÀN,  
NHÂN CỜ. ÁO (ÉTIQUETTES) MÀU ĐẸP, BỀN, KHÔNG PHAI  
Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào *Trương-mục Bưu-diện*

Saigon s2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

# HỒ - XUÂN-HƯƠNG

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của  
Lịch-sử nhân-loại, sau Sapho

□ NGUYỄN-VỸ

VI— Không dâm - dục,  
không lãng-ỉơ, không tục-tiểu :  
đặc-tính của thiên-tài HỒ-XUÂN-HƯƠNG

(Tiếp theo P.. số 212)

Bài I mô tả chưa hết ý-nghĩa của cái quạt, trí tưởng-tượng dồi dào của cô còn phô-bày thêm đầy-đủ hơn trong bài II.— cùng một nhiệt-độ hào-húng trào-lộng và bao-biếm độc đáo của cô,  
II—Mười bảy hay là mười tám đây?

Nghĩa đen, như ai cũng biết, là 17, 18 cái nan quạt. Nhưng không ai ngờ Nữ-sĩ lại hướng dẫn ý nghĩ của chúng ta đến một cô gái 17, 18 tuổi. Cô hướng dẫn khéo-léo, do lời thơ ảo-thuật của

cô, đến đời chúng ta đương nhiên nghĩ đến cô gái 17, 18 tuổi, hơn là 17, 18 chiếc nan tre của cái quạt. Đó là kỹ thuật đặc-biệt Hồ xuân-Hương mà chúng ta gặp thường-xuyên trong văn thơ của cô.

Cô xuống ngay câu dưới :  
**Cho ta yêu-dấu chẳng rời tay.**

Nên đề-ý chữ «ta» này là một biểu-diễn quan điếm hoàn-toàn khách-quan của Hồ-xuân Hương



Mặc dầu cô là phụ-nữ khi tả một cái quạt, hay một vật nào khác có dính dáng đến thân phận đàn bà con gái, cô cũng đứng trên bình-diện nghệ-thuật và tư tưởng, không quan tâm đến khía cạnh có thể khiêu dâm hay tục tĩu của nó. «Cho Ta yêu dấu...» mà ta là Hồ-xuân-Hương nghĩa là chính tác-giả cố-ý gạt bỏ ý thức sinh lý ngoài tinh chất thuần túy tả chân của đề tài.

Một chữ «ta» đó có thể mở rộng khả năng thông cảm và thấu triệt vấn đề đồng thời xác minh dụng ý của tác giả.

Nếu không có dụng ý đó, thì Hồ xuân Hương đã dùng chữ «chàng» hay chữ «anh» thay vì chữ «ta» trong câu.

**Mỏng dầy chừng ấy  
chành ba góc**

**Rộng hẹp đường nao  
cắm một cây**

Nghĩa đen rất rõ-rệt: mỏng hay dày cũng chỉ lớn chừng ấy, và chành ra cũng là ba góc. Dù rộng hẹp thế nào, một cái que cũng đủ cắm vào lỗ quạt.

Đây mới là vài nét tả chân bổ túc về hình thức cái quạt, hay là hình thức một cái gì khác do

những nét ảo thuật của tác giả gọi ra.

Về tác dụng của sự vật, Hồ Xuân Hương cũng rất là dí-dỏm: **Thấy nóng bao nhiêu càng thấy mát (1)**

**Yêu đêm chưa phải lại  
yêu ngày**

Câu trên rất thâm-thúy. Nghĩa đen: *Thấy nóng bao nhiêu*, nhờ có quạt thì *càng thấy mát* bấy nhiêu. Nghĩa bóng: «*Nóng*» là nóng-nảy nóng lòng chờ đợi, càng sốt ruột bao nhiêu, khi có quạt phịch phạch trong lòng» thì càng thấy «mát» càng mát dạ, sung sướng thoải mái. *Hồng hồng má phấn*: cái lớp giấy trắng bôi thành quạt thường biến màu *hồng-hồng*, vì giấy ấy được ngâm vào *một chất vỏ cây, để giấy được dai, bền, lâu rách*.

(1) Câu thơ này, hầu hết các sách đều chép sai thành ra hai vế thơ đối không chỉnh.

Các sách chép y theo Dương Quảng-Hàm:

«*Càng nóng bao nhiêu thì càng mát*»

Thơ Hồ-Xuân-Hương ít có những câu đối giọng gạo và sai niêm luật như thế. Dương Quảng-Hàm chép theo một ấn bản phổ Hàng Gai nhiều sai lầm

oOo

Tả cái quạt với những chữ gọi ra hai nghĩa, để người đọc hình-dung được một ấn-tượng khác đó là thiên tài của Hồ-xuân-Hương, thiên-tài độc-đáo của cô. Nhưng điều ta tìm hiểu đây, là Hồ-Xuân-Hương có dụng ý gì không, trong kỹ-thuật biến-ảo tài-tình ấy và cô đã thành công như thế nào?

Chúng ta đã theo dõi nét bút kỳ-ảo của cô trong thực-tế của cái quạt phẳng-phát hình dung tưởng-tượng một cô gái 17, 18 tuổi.

Và, hóm-hỉnh, cô không ngần-ngại đưa ra một so-sánh giữa-hình thức cái quạt «chành ra ba góc» với cô gái lỏa-thê, cái lỏa-thê thiên-nhiên do tạo-hóa nắn ra, với tác-dụng thiên-nhiên của tạo-hóa.

Dụng ý rõ-rệt và độc-đáo của Hồ-Xuân-Hương trong bài này

cũng như trong các bài thơ khác của cô là, mọi vật trên cõi đời này đều có thể thu hút vào một hình ảnh lỏa-thê của người đàn bà, đều có thể phò-bay ra thiên-nhiên, như một lỏa-thê phụ-nữ

Từ một cảnh đèo núi hùng-tráng cao thâm với «cửa sơn đỏ loét bùm tum móm», đến một cái quạt tre sơ sài «với một lỗ sâu sâu mấy cũng vừa», tất cả hình-thức vũ trụ trên trần gian này đều thu vào một lỏa-thê phụ-nữ mà từ một cậu học trò, một ông sư, cho đến một hiền nhân quân tử, chẳng ai là... chẳng!

Đến như một cái quạt, cũng được:

*Chúa dẫu, Vua yêu một cái này.*  
Lấy bài «Cái quạt» làm điển hình, tất cả dụng ý của thơ Hồ-Xuân-Hương đều bao gồm trong nhận xét trên đây, không có một tính chất lảng lơ, tục tĩu, hay khiêu dâm nào cả.

Dụng ý kiêu hãnh, tự đại, tự ái, của người đàn bà, mà cô nữ thi hào Xuân-Hương nêu ra công

khai, bạch nhật, chẳng cần phải  
e lệ dưới mắt Không giáo và  
Phật giáo ở xã hội đương thời,  
để trả lời trực tiếp cho những  
thành kiến của nam giới phụ rầy  
người đàn bà, khinh khi người  
đàn bà, ruồng bỏ người đàn bà.

Toàn thể hai bài thơ «Cái quạt»  
đều gói ghém rất tế nhị, rất  
tinh xảo, cái kiêu-hãnh tinh ấy  
lộ liễu ỏm ờ dưới những ảnh  
tượng bóng bầy nửa trào lộng,  
nửa văn hoa, của nhiệt hứng Hồ  
Xuân Hương.

(Còn nữa)



**HỖ-TÍN**

Thân ái mừng

Cháu Trần thị Kim-Thoa, thứ-nữ Bà quả-phụ Trần-Tú,  
43 Minh-Mạng, Dalat, đính-hôn với Trần Kim-Anh, trưởng  
nam ông bà Trần-quang-Toàn, Saigon.

**NGUYỄN-VỸ**

# Quê hương mình

Mai một anh về thăm Sóc-Trăng,  
Ngày xa cũ đó đã khó cần.  
Trải bao năm tháng cùng vun xới.  
Mở lối khai đường sông núi ngấn.

★

Mai một anh về thăm đất Khánh,  
Đại Ngải liền qua tới Bãi xau.  
Vũng Thơm hiu hắt mùa mưa lạnh,  
Bổ Thảo nhìn theo Bổ Thảo đau.

★

Mai một anh về thăm Khánh-hưng  
Một người con gái khóc rưng rưng.  
Một chàng trai đi, chưa trở lại,  
Bè bạn xưa tay bắt mặt mừng.

★

Mai một anh về thăm xứ Sóc,  
Lâu rồi không tới viếng chùa Miên.  
Anh nghe tiếng hót loài chim chóc,  
Lòng vẫn còn mơ nét dịu hiền,

★

Mai một anh về thăm Ba.Xuyên.  
Có cô thôn nữ mỉm cười duyên.  
Dòng kinh nước ngọt êm đềm chảy,  
Quê hương mình đẹp quá, hở em!

VŨ-NGỌC-ĐỨC



# Saigon lai rai...

## HÒA - BÌNH

• HOÀNG-THẮNG

Chung quanh mấy chai 33 dưới một vòm trời vang động tiếng máy trực thăng một bọn trẻ ngồi kháo nhau về hai tiếng «Hòa-Bình». Hòa-Bình! Nói Hòa-Bình giữa thời chiến như giữa thực tế lạc vào giấc mơ Hòa-Bình êm đẹp quá mà!

Ai mà thích Hòa-Bình?

Nêu câu hỏi này ra và đi hỏi bất cứ một người nào, từ già tới trẻ, nam hoặc nữ, ai ai cũng muốn Hòa-Bình. Nhưng ai muốn Hòa-Bình nhất?

Đó là những người lính chiến ở đồng bằng sông Cửu-Long vượt lên đồng bằng Cao-Nguyên heo hút Pleiku, Komtum, tới những vùng xa xôi hẻo lánh, tới ngày chỉ nghe tiếng chim kêu vượn hú.

Còn ai ham Hòa-Bình nhất?

Những người có thừa ruộng

bên con lạch nước chảy ngược xuôi sáng tối, vì chiến cuộc nên phải bỏ nhà cửa, bỏ ruộng nương lên thị xã cũng như đô thành để làm tạm đủ mọi nghề chạy xích-lô, làm thợ, để chờ một ngày thanh-bình trở về với luống cày, nương khoai, mọng lúa,

Còn ai ham Hòa - Bình nhất?

Những người đã bỏ quê hương xứ sở ra đi với tay trắng— dù cuộc sống hiện tại đã được ổn định— cũng mong mỗi một ngày được quay lại nhìn mái nhà xưa, mảnh đất cũ, thăm người thân còn ai, mất ai!

Còn ai ham Hòa - Bình nhất?

Những người lính Đồng-minh đang chiến đấu cho Tự - Do s. t. cánh với dân tộc Việt. Họ cũng có quê hương, cũng có gia đình. Vì nền tự do của chúng ta họ đã sang đây góp phần xương

## SAIGON LAI RAI

máu với chúng ta. Họ cũng mong chiến tranh sớm kết liễu để trở về phần đất quen thuộc của họ. Nhưng Hòa-Bình là gì nhỉ?

Ôi dễ hiểu thay hai chữ Hòa-Bình. Minh đi đây đi đó, từ sáng tới đêm chẳng thức mặc, chẳng lo ngại, chẳng sợ sệt. Nếu có lo ngại chỉ là lo gặp...ma trong đêm tối và về nhà muộn sợ...bà xã cần nhân.

Nhưng cứ ngồi một chỗ rồi kêu gọi Hòa-Bình thì liệu Hòa-Bình có tới chăng?

Muốn có Hòa-Bình đâu phải là dễ? Phải đổ máu, phải mất mát phải hy sinh.

Chiến tranh đã kéo dài ở đất nước chúng ta từ 1945 tới giờ. Hơn hai mươi năm rồi, Khởi đầu cuộc chiến tranh chống Pháp giành Độc-lập rồi chuyển thành cuộc chiến tranh ý thức hệ. Quốc-Gia và Cộng-Sản. Thế Giới Tự-Do và chủ nghĩa Mát-Xít. Một cuộc chiến tranh đã làm chột hết bao nhiêu là mầm sống của tuổi trẻ. Nhưng cuộc chiến tranh này nó đã bắt buộc ta phải dứt khoát tư tưởng, dứt khoát lập trường. Nó không phải là cuộc chiến của một dòng họ, của

một ông Vua tranh giành chức vị, tranh giành lãnh đạo mà người dân phải thờ ơ, chỉ giương mắt nhìn như một kẻ bàng quang. Nó buộc ta phải cùng lặn xả vào, cùng sát cánh để chiến đấu. Chiến đấu cho chính bản thân mình, cho gia đình mình.

Nếu cá nhân ông Thant, tổng thư ký liên hiệp quốc có kêu gọi hai bên ngưng chiến, và rồi có ngưng chiến hay không thì ông vẫn là người dân Miến-Điện.

Nếu có nhiều người Mỹ đều gọi Hòa-Bình ở Việt Nam, cũng chỉ vì họ không muốn con em họ sang hy sinh giúp ta— mà giúp ta tức là giúp cho thế giới tự do, trong đó có cả họ!

Nếu có nhiều thanh-niên sinh viên ngoại-quốc biểu tình đòi chấm dứt chiến tranh ở Việt-Nam chỉ vì họ bị tuyên truyền một chiều, họ không hiểu gì về Việt-Nam cả.

Dân Việt chúng ta đang thèm muốn Hòa-Bình hơn ai cả. Nhưng muốn Hòa-bình sớm phục hồi thì ta phải diệt cho xong kẻ thù chính đã. Ta phải thắng, Hòa-Bình sẽ vẫn hồi. Đó là thứ Hòa-



Bình trong tự do, hạnh - phúc. Còn thứ Hòa-Bình mà phải lệ thuộc chủ nghĩa cộng-sản thì chỉ là Hòa-Bình trong nô-lệ, con người chỉ còn là một cái máy quần quật làm việc, không suy nghĩ, không tư tưởng. Thứ Hòa-Bình này chúng ta không có ham !

Buồn thay trong cuộc chiến hiện tại lại có những người Việt sống trong vùng quốc - gia đã không góp tài, góp sức vào cuộc tranh thủ sống chết này lại ngang nhiên tuyên bố: «Hai phe hãy ngưng chiến để tìm một giải pháp Hoà-Bình!»

Ôi! buồn thay và tủi nhục thay là những lời tuyên bố đó! Họ có còn là người Việt nữa không hay họ là dân Miến-Điện một thứ U Thant.

Còn có những người, chỉ sống cho riêng mình, không góp sức vào cuộc chiến sống còn này, lại tuyên bố: «Chiến tranh này tàn ác phước liệt quá, phải chấm dứt đi phải cứu vãn Hoà - Bình. Dân khổ quá rồi!»

Vậy, Dân Việt tự do chúng ta khổ quá nhiều rồi. Chiến tranh này khốc liệt quá, dai dẳng quá,

phải chấm dứt đi. Nhưng chấm dứt bằng cách nào khi mà cộng sản và chúng ta như nước với lửa, khi mà quân địch muốn đè đầu cưỡi cổ ta?

Chấm dứt chiến tranh bằng cách nào hay sao? những người đã gục ngã trên chiến trường đã *hy sinh cho ai vì ai???*

Ta có xâm chiếm đất đai của ai đâu! ta có ham muốn chèn ép tranh đấu! vậy mà chiến tranh vẫn có; vẫn xảy ra đây đưa chưa biết tới khi nào ngưng.

Nó chỉ ngưng khi nào quân địch rút về hết. Còn cộng-sản chúng ta còn phải chiến đấu. Hết cộng-sản là hết chiến tranh và Hòa-Bình sẽ lộ dạng ngay tức khắc chẳng cần phải ai kêu gọi.

Hòa-Bình! thế mà khéo vậy thay. Mãn một giấc mơ, vẫn chưa thấy lộ ra Hoà - Bình. Nhưng dân tộc Việt - Nam đã qua biết bao giấc mơ, vẫn còn mơ mãi Hoà-Bình, mà tia sáng Hòa-Bình vẫn chưa lộ dạng!...

Ôi bao giờ mới Hòa-Bình, hỡi những kẻ còn đang say máu ?

□ )



minh ơi!..

Minh nói cho  
em hiểu về  
KỊCH ĐỘNG NHẠC

**JAZZ**  
Của người DA-ĐEN





Bà Tú đi học lớp *Perfectionnement* ở Trung-tâm văn-hoá-Pháp, về đến nhà vút quyền Mauger trên bàn chạy lại bá cô ông Tú:

— Minh ơi, hôm nay em về trễ tại vì em...

— Bị kẹt xe ?

— Không, bị kẹt một màn ciné. Hết giờ học, ở Trung-tâm người ta có chớp 30 phút ciné, mấy con bạn rủ em ở lại coi, và nghe kích-động-nhạc. Hay quá, mình ơi ! Kích-động ghê gớm !

— Cái gì kích-động ghê gớm ?

— Một show *Rhythm and Blues* với những danh-ca B, BKing; Ray Charles, Fat Domino, v.v...

Ông Tú trẻ môi :

— Xưa rồi, em ơi ! *Pop music*, *Rhythm and blues*. *Rock-and-Roll*, *Be-Bop*... đều thuộc về thế hệ 1955-1960 bây giờ họ đem ra biểu-diễn cho tụi em coi, còn gì kích-động nữa ! Bây giờ là 1968, Cái gì của hôm qua, nay đã không còn hợp với thời trang. Nhạc 1960 đã cũ như quả đất.

— Thế sao ông Giáo-sư của tụi em bảo là nhạc *Rhythm and*

*blues* là mới nhất của Tân-nhạc *Jazz* hiện nay ?

— Giáo-sư của em què một cục ! Nhạc *Jazz* đang thịnh-hành ngày nay đã gặt vào dĩ-vãng cái hình thức *Swing* của mấy năm trước và bây giờ nhạc *Jazz* mới, gọi là *The new thing* gọi là *Free Jazz*.

Bây giờ tụi *Blues Singers* không còn là *Elvis Preslay*, hay là *Buddy Holly* của Mỹ, hoặc tụi *Rolling Stones*, hay *Animals*, của Anh nữa, mà là *Bob Dylan*, *Pete Seeger*...

— Thế sao ngày nay bọn thanh niên choai choai của Đọt-sóng mới ở Việt-nam mình còn say-mê kích-động nhạc dữ vậy ?

— Gọi là Đọt-sóng cũ thì đúng hơn. Em đừng quên rằng Việt-nam là một nước chậm-tiến nhất trên thế-giới ngày nay cái gì mà lớp « trẻ hôm nay » tự hào là « hợp thời trang » là « mới », v.v.. đều là đồ cũ-xì củ-xịt ở các nước người ta xài đã chán chê rồi.

— Ngay như cái mà các ông trẻ nhà ta từng hãnh diện một cách ngớ-ngẩn là theo thuyết « hiện sinh » của Jean Paul Sartre

chính là cái mà thanh niên Tây phương đã quăng cho bọn ve chai từ sau Đệ-nhị-thế-chiến. Kích-động nhạc cũng thế. Sự thật nó mới xuất-hiện từ 1955 nhưng đối với Tây phương ngày nay nó đã trở thành lối bịch. Ngày nay nhạc *Free Jazz* gọi là *Newthing* (cái mới) đã tìm một ý nghĩa, một ý-thức hệ cho sự kích-động của tâm hồn, và do đó nó đã tiến triển theo một chiều hướng mới, tự do hơn « tri thức » hơn, cao hơn.

— Minh nói hết lịch sử tiến triển của nhạc *Jazz* từ lúc khởi thủy đến nay cho em hiểu đi; Nhạc *Jazz* có phải của người da đen không ?

— Đúng thế, Khi nói « *Jazz* », tức là nói Nhạc của người da đen. Ngày nay người da trắng, da vàng, cũng chơi nhạc « *Jazz* » kể cả các hình thức biến chuyển mới nhất, kích-động nhạc của *Jazz*, nhưng người da đen vẫn là chúa tể trong lĩnh vực *Jazz*. Những Đại-nhạc-sư da trắng hay da vàng không thể nào sánh kịp một Louis Armstrong, hay một Nat King Cole, hay một Archie Shepp...

— Thế, nhạc *Jazz* phát nguồn từ bao giờ? Ai là người đã phát minh ra nó ?

— Nếu trở về nguồn gốc của nhạc *Jazz*, thì có thể nói rằng nó phát sinh ra từ đầu thế kỷ XX này ở thành phố La Nouvelle-Orléans của Mỹ. Nói đúng hơn, thì ở *Congo Square* (công viên Congo), một công viên ở ngoại ô thành phố trên. Nơi đây, cứ mỗi buổi chiều tốt mắt trời, sau một ngày làm việc khổ nhọc, một bọn « nô lệ » da đen thường đến ngồi hóng gió. Rồi, cao hứng họ hát lên những điệu hát cổ truyền của Phi Châu, quê hương của bọn « Mọi » da đen di cư sang Mỹ để kiếm việc làm hoặc do bọn tư-bản Mỹ mộ sang làm cu li» trong các xứ nghiệp của họ. Bọn da-đen này theo truyền thống của bộ-lạc, rất ham-mê ca hát và âm-nhạc nhưng một loại nhạc man-rợ, sôi-động, ồn-ào lộn-xộn không theo một thể thức hay một âm-pháp nào cả. Dần-dần, họ bị ảnh-hưởng lẫn-lộn các loại nhạc của người Âu châu trong thành phố và các điệu hùng nhạc của nhà binh, các bài hát của Đạo Thiên-chúa, v.v... Họ



sửa đổi, thêm bớt pha trộn, nhạc cổ-truyền man rợ của họ với một vài thứ nhạc Tây-phương thành một loại nhạc «hàng-bà-làng» riêng biệt của họ. Họ phổ các điệu nhạc «hồ-lớn» ấy trong ba loại nhạc-cụ của họ, một thứ kèn bự (*trompette*) bằng đồng, một thứ kèn đồng nhiều ống uốn cong (*trombone*) và một loại sáo *clarinette* ô to. Dĩ nhiên, luôn luôn họ có một cái trống thùng để đánh âm

ỉ lên và nhảy múa, la hét, rùm beng cả nơi công viên.

Nhạc Jazz đã ra đời như mộ đưa hài nhi khóc thét lên trong đêm thắm. Một vài nhạc sĩ đầu tiên được dân chúng da đen... và cả da trắng nghe say mê, vì rất kỳ dị, hấp dẫn, mới lạ kích thích phi thường.

Nổi danh nhất trong thời nhạc Jazz phôi thai ấy là Jelly Roll Morton, hát những bài nhạc Blues «làm cho các cô con gái cảm động đến chảy nước mắt»



Ban-nhạc Jazz của King Oliver

Buddy Bolden đứng thổi kèn trompette trước cửa một quán rượu mà tiếng kèn của anh vang động đến 4, 5 cây số ngàn dân chúng lảng-lặng ngồi nghe như tiếng gọi hồn của một giống đàn mất nước.

Thế rồi, năm 1918, nhạc-sư Joe Oliver được gọi là King Oliver vua Oliver lập ban nhạc, Jazz đầu tiên tại thành-phố Chicago

● **Giai-đoạn Jazz cổ điển**

— Jazz của Joe Oliver có phải là kích-động nhạc không, mình?

— Chưa. Phát-nguyên từ La Nouvelle Orléans, tân-nhạc Jazz loan truyền dọc theo bờ sông Mississippi và đổng đô tại Chicago năm 1918. Nhưng Joe Oliver Jolly Roll Morton chỉ mới là những nhạc sĩ da đen tiên phong.

Hai năm sau, từ 1920 trở đi, nhạc jazz phát triển mạnh ở New-york và nhất là ở Harlem, khu-phố đông dân da đen, nơi phát xuất các phong-trào da đen mới, về chính-trị

và văn-nghệ. Nơi đây, Jazz được điều-luyện hơn, có tổ chức-hơn, và trở thành Middle-Jazz, Jazz cổ-diễn, tuy vẫn theo truyền-thống Blues, nhưng phát huy một tâm-hồn u-hoài vừa lãng-mạn, vừa chua-chát, cả a nói giống Da đen.

— Blues là sao, hả mình?

— Blues; có thể nói là các loại «cổ-ca» của người da-đen, có những điệp-khúc gọi là Riff, gồm những câu ngắn lặp đi lặp lại rất là rạo-rực, xao-xuyến.

Quan-trọng nhất trong nhạc Jazz là âm,tiếng nhạc nổi cao lên đồng thời nhạc-sĩ ngã nghiêng qua lại gọi là Swing, theo điệu nhạc, và nghệ thuật xuất khẩu thành ca, không bao giờ ghi-âm và bản nhạc không đặt trước. Độc-đáo của Jazz cổ-diễn là ở điểm đó.

Nổi tiếng nhất ở giai-đoạn này từ 1920 đến 1940, có nhữn

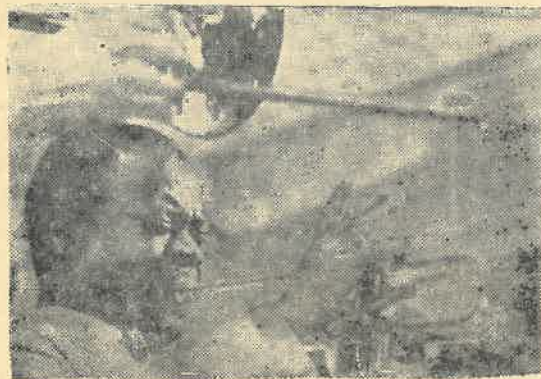
*Đường* **midol** Vị các chứng đau nhức và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ T. NƯỚC TÂY  
1360/BVT/ĐPDC



nhạc-sĩ kỳ-tài mới nhất *Duke Ellington, Louis Armstrong, Roy Eldridge, Coleman Hawkins*. Nữ Ca sĩ nổi danh của thời đại jazz Cổ điển (Middlejazz) là *Billie Holiday* có giọng hát sắt nhọn, cấu xé, khiến người nghe như đứt từng đoạn ruột, nát từng mảnh tim...

— Toàn là người da đen, hả mình ?

— Dĩ nhiên chỉ có người da đen mới có loại nhạc đó và giọng hát đó.



*Louis Armstrong*

● **Nhạc be bop ra đời**

Nhạc Middle-Jazz luôn luôn đi đôi với *Swing*, kể ra cũng chưa có gì táo bạo, và « Cách mạng »

lắm, nhưng có nhiều người bảo thủ chống-đối nó. Kể cả những lớp người quý-phái da đen. Họ gọi là « nhạc man-rợ », Nhưng các bản *Solo* su-từ rỗng của *Louis Armstrong* và các bài *Trumpette* ào ạt của *Roy Eldridge, Saxo-alto* của *Johnny Hodgos, Saxo-tenor* của *Lester Young, Coleman Hawkins*, và Saxo-baryton của *Duke Ellington* không thể không làm cho người ta vùng thức dậy sau một giấc buồn-ngủ của nhạc cổ-diễn Tây-phương. Người da

đen và người da trắng đều trố mắt vềnh tai nhìn và nghe những tiếng « nhạc » phi thường từ chân trời xa dội lại, từ cây cổ vang ra, từ gió mây rớt xuống, xâm nhập vào lồng phổi, vào đầu óc, vào chân

lông, vào thớ thịt, vào những mạch máu của Thế-kỷ XX...

Rồi, không ai bảo ai, mọi người đều bắt chước *Swing* theo



*Roy Eldridge (trumpette) và Coleman Hawkins (Saxo)*

những điệu-nhạc mới...

Một nhóm nhạc-sĩ trẻ nổi danh cứ mỗi buổi chiều sau giờ làm việc mệt nhọc hằng ngày họp nhau lại, xuất khẩu thành ca toàn những giọng mới lạ. Họ gọi những buổi nhóm thân mật và riêng biệt ấy là *Jam sessions*.

Chính do những buổi họp này mà nhạc *be bop* ra đời.

Vào khoảng đầu năm 1940, tại một hộp đêm nhỏ ở Harlem, tên là *Minton's Playhouse* những đám nhạc sĩ da đen 20,

21 tuổi ấy tên là *Thelonious Monk*, *Kenny Clarke* (5) *Charlie Parker* (6)

Bọn này là những thiên-tài Jazz cổ điển vừa có tuổi trẻ, vừa có khiếu tân nhạc Âu-Mỹ, nên tách ra một nhóm tạo riêng ra một loại Jazz thời-trang mà họ muốn kích-động hơn các loại middle jazz đang thịnh hành. Đặc-điểm của Jazz này là theo một công thức củ nào cả, không có âm-pháp, không có kỷ luật, hoàn toàn bừa bãi nhưng vẫn nhịp nhàng do thiên tài riêng của mỗi nhạc sĩ chuyên môn mỗi



## MÌNH OI !

nhạc cụ, *Charlie Parkes*: baryton  
*Kenny Clarke*: trống, *Theloniow  
Mink*: dương cầm, *Dizzy Slespie*  
(trompette), *Charlie Christiavn*:  
guitare, v.v. . .) tạo thành tiếng  
nhạc tân-kỳ một hoà tấu vô  
cùng sôi động, làm dậy men  
trong giọng máu và trong hơi  
thở. Họ sùng hai tiếng *be bop*



nhại theo một tiếng trống đặc  
biệt của họ để đặt tên cho loại  
nhạc Jazz mới ấy.

Và tự nhiên, nhạc *be bop* ra đời  
ngay lúc chiến tranh bùng nổ ở  
Âu Châu. Năm 1945, hết chiến  
tranh, nhạc *be bop* tràn lan sang  
Âu Châu, lính da đen Mỹ phổ  
biến ở Pháp, Ý, Đức và qua

tận Ba-lan, Tiệp-khắc Nga-Sô . .

Những fazzmen chơi *be bop*  
được gọi là *boppers* và ngự trị  
trong tất cả các vũ trường và  
nhạc viện Tây phương. Đồng  
thời xuất hiện những thiên tài  
*be bop* mới và giọng kèn làm  
kinh-ngạc cả thế-giới: *Jay-Jay  
Johnson*: Tronbone, *Milt Jackson*  
Clarinette, *Raf Brown*:  
Saxophene, và nữ ca sĩ da-đen  
« thiên-liêng » *Sarah Vaghan*  
mà giọng hát cao-vút lên mây  
xanh đã đưa nhạc *be-bop* lên  
thượng-tàng, nghệ-thuật, và  
*Mahalia Jackson*, thiên-tài kich-



## MÌNH OI !

động nhạc thượng-thặng, mà  
tiếng hát vũ-bảo đã làm diên-  
đảo những tâm-hồn...



### Thời-kỳ êm-dịu: Cool Jazz

—Ở Việt-Nam, nhạc *be.bop*  
hình như vẫn còn thịnh-hành..  
*Twist* cũng là một loại *be.bop*  
há Minh?

*Twist* chỉ tà đưa con đẻ muộn  
của *be.bop*. sau *be.bop*, nhạc  
Jazz trở lại thời-kỳ lắng dịu, tuy  
tiến-triển theo một chiều hướng  
mới, do *Miles Davis* tiên-phong  
(8) *Davis* tạo ra một điệu nhạc  
mềm dẻo, êm đềm, nhưng vô  
cùng thấm thía, rất thích-hợp  
sau một mê-hồn-trận *be-bop*,  
sấm-sét toi-bời.



*Mahalia Jackson*





Miles Davis

Từ năm 1950, Be-bop đã làm cho người ta nghe thấy, dần dần được tân-nhạc Cool Jazz (jazz mát) của Miles Davis thổi lại một hoà khí dịu hiền, tinh táo. Nó cũng được gọi là West Coast vì Davis và những nhạc-sĩ đồ đệ của chàng đều ở từ California. bờ biển Tây phương của Huê-Kỳ xuất hiện : AlCohn, ZootSlim, StanGetz, v.v.,...

● Hot Jazz.

Nhưng 1954, phong-trào Hot-

Jazz (Jazz nóng) nổi dậy, song-song với Cool Jazz. Tiên-phong là Clifford Brown và Horace Silver, Adderley... tạo được một âm nhạc « vừa phải », không lắng-dịu như Cool jazz và cũng không quá sôi-động như Be-bop. Nhưng John Coltrane, một nhạc-sư phi - thường, nổi tiếng từ 1960, được gọi là cha đẻ của Hard Bop «Bop cứng rắn», đã đưa Hot Jazz, lên một cao - độ mạnh nhất, không hề-bối như Be-Bop nhưng siêu-thoát hơn và

kích-động mạnh hơn.

Từ 1966, bắt đầu nổi dậy một đợt sóng mới của jazz, là Free Jazz « Jazz tự-do » mà những người chủ-xương muốn cho một danh-từ tân kỳ - hơn : the new thing « cái mới »

*Diệu Huyền*

Kỳ sau : The new thing  
1966-1968



# ĐANG CAY

Nếu đọc được những dòng này, X. hãy tha thứ cho tôi

● LAN

(Tiếp tiếp P.T. số 212)

—Tin cái gì ?

—Tin rằng chị sẽ hết bệnh

—Chị không tin nổi.

—Chị cứ tin đi và em cam đoan là chị sẽ hết bệnh,

Ngày hôm sau, anh của chị Liên về đem chỉ lên Sài-Gòn. Tôi biết chị Liên đang nằm ở bệnh viện Hồng - Bàng. Nhưng làm sao tôi lên thăm chỉ.

Giữa năm 15 tuổi, tôi hay tin chị Liên chết ở trong bệnh viện Tròn tuổi 20, chị chấm dứt cuộc đời bằng thuốc ngủ. Những ngày nằm ở Hồng Bàng không làm chị hết bệnh. Cô đơn buồn tủi làm bệnh của chị càng ngày càng thêm, Tôi mất một người bạn tri âm.

Năm học đệ lục tôi mới được biết ông Huy. Đúng như lời chị Liên tôi bảo. Ông Huy là điển hình cho những ngày mang nếp sống rộn rã. Tôi không như những học sinh khác phản đối nếp sống của ông. Tôi quan niệm rằng giáo sư cũng là người cũng có những ý thích, những đam mê như những người khác. Tôi không buộc thầy dạy tôi phải mang bộ mặt đạo đức khi trong lòng không đạo đức. Chắc chắn là ông Huy không bao giờ biết đến mối tình của chị Liên.

Đến bây giờ tôi cũng còn thương người con gái cô đơn và bạc mệnh.

Cũng năm học đệ lục này. Nhà chị Sáu có những thảm cảnh mà

không bao giờ tôi quên được. Chị Sáu hùng tiền để mua quần áo về bán. Khi đến nhà hẹn, Chị trao tiền cho người ta.

—Cô đưa bao nhiêu ?

Chị Sáu trả lời

—30.000.đ bà đếm lại.

—Tôi tin rằng không bao giờ cô đếm lộn. Bây giờ có ngồi đây để tôi đem nước ra cho cô uống rồi chúng mình nói chuyện. Chị Sáu kiên nhẫn đợi. Ngày một trưa rồi lại xế chiều. Chị gọi cảnh sát lại thì mới biết chủ nhà đã trốn mất. 30.000.đ số tiền đó ngày xưa rất nhiều. Phần nữa là tiền vay. Bao nhiêu chuyện quay cuồng trong óc. Làm sao đào ra tiền để trả nợ? Sau đó chị Sáu mở một đầu hụi. Được vài tháng những người hốt hụi rồi trốn mất. Lại thêm một mối lo cho chị. Tôi nhớ buổi đó, khoảng 12g trưa. Lúc anh Sáu về ăn cơm thì những người chị thiếu nợ lại đòi tiền. Anh Sáu nổi nóng đánh chị. Tôi phải đi xuống dãy nhà ở «xáng» năn nỉ bà cô lên can.

Vì anh Sáu đã làm giấy «Thế nhà» bằng tiền. Không đầy nửa năm sau anh Sáu, chị Sáu không đủ tiền trả nợ. Người ta phát

mãi căn nhà đó. Ngày nay nhớ đến hình ảnh ấy. Tôi buồn và giận con người vô tâm như bà chủ nợ. Những mảnh giấy to viết chữ đỏ dán khắp con đường đi vào nhà. Đúng ngày phát mãi người ta đem trống vào nhà đánh. Ai biết được nỗi khổ của chị Sáu, anh Sáu. Bà chủ nợ buộc vợ chồng anh Sáu phải dọn đồ ra khỏi nhà trong hạn kỳ 24g. Không còn một nỗi khổ tâm nào hơn nữa. Rồi không ai mua căn nhà nhỏ ấy. Quá hạn 24g chúng tôi vẫn sống trong nhà. Chị Sáu tuyên bố chừng nào có lệnh trực xuất mới đi. Tôi đoán rằng toà án thông cảm cho hoàn cảnh của kẻ khốn cùng nên vẫn im lặng.

Trong những lúc túng quẫn Chị Sáu vẫn can đảm chịu đựng. Tôi không bao giờ nghe được lời than van của chị Tôi và các con chị vẫn sống bình thản. Chẳng bao giờ chị để tôi và các con chị chịu thiếu thốn. Tôi phục chị vô cùng vì chị có tánh chịu đựng hơn tôi.

Không hiểu chị xoay trở cách nào mà chị có một cửa hàng bán nón tại chợ Mỹ-Tho. Không để

tôi phải bận việc nhà, chị Sáu mượn 1 người làm. Tình thương của chị đối với tôi cao cả quá. Không biết mẹ tôi có lo cho tôi được như vậy không. Mẹ tôi có để cho tôi yên tâm học hành trong hoàn cảnh như vậy không?

Rồi người ta đồn anh Sáu có vợ bé để trên chợ vòng nhỏ. Tất cả mọi người đàn bà đều có màu ghen. Tôi nghĩ rằng

mỗi người ghen một cách khác. Với chị Sáu, chị đóng cửa hàng và lên chợ vòng nhỏ. Theo lời người ta chỉ thì đó là một căn nhà nhỏ. Mái tôn nền đất. Chị Sáu vào nhà lúc anh Sáu và cô vợ bé vừa đi Sài Gòn về. Chị nói rằng không biết ghen nhưng chị la hét đập xé đồ đạc trong nhà.

Buổi tối đó. Tôi nghe được cuộc đối thoại rất khê của anh Sáu và chị Sáu.

Em nghĩ coi, ngày trước anh cũng tinh chuyện qua đường. Không ngờ con cái đùm đê làm sao bỏ cho được.

Anh cũng như tất cả những

người đàn ông khác. Đều tham lam ích kỷ.

—Anh không chối cãi nhưng

em biết rằng anh vẫn lo tròn bổn phận của anh. Đối với em cùng như đối với con.

—Còn cái tổ của anh?

—Ở đó cũng như đây, cũng là vợ với con

—Anh không nghĩ đến những lúc gia-đình mình lộn độn.

Có ai chia xẻ nỗi khổ tâm của mình không?

—Em viện lẽ đó để kể công với anh sao? Đăng nào cũng vợ cũng con. Anh khác những người không lo tròn nhiệm vụ.

—Không phải em bảo anh bỏ ai...anh không hiểu ý em..

Nói đến đây tôi biết rằng chị Sáu đã nghẹn lời. Trong lúc chị mua bán cực khổ thì anh Sáu lại đem tiền nuôi một gia - đình khác. Đàn bà rất yếu lòng và rất dễ bị thuyết phục. Chị Sáu chỉ biết khóc cho vui sự ấm ức trong lòng.

Đời có những cái người ta không ngờ nhưng nó vẫn có và đến,



Tôi nhận được một bức thư lạ, chị Sáu mỉm cười. Tôi mở ra: Thù yêu dấu

Đáng lý ra những điều này mình nói với Thù trong lớp học nhưng mình không thể nói được. Nó bằng thư để hơn phải không Thù.

Năm nay mình 17 tuổi, mình nhỏ hơn Thù một tuổi. Mình sẽ là «vợ» và Thù sẽ là «chồng» nhao Thù có nghe nói đến «tình yêu đồng phái» hay «đồng luyến ái» chưa? Là như vậy đó Thù. Mình đã nói chị Sáu nghe, chị rất thông cảm cho mình. Từ lâu mình cứ nghĩ rằng chúng mình là đôi bạn thân nhưng ngày nay «nó» đã đi xa hơn. Thù nghĩ sao? Mình sẽ cho ba má ở dưới quê hay.

Thù yêu mến.

Mình không buộc Thù phải nghĩ theo mình. Nếu Thù không yêu mình thì.. thôi.

Bức thư này Thù xé hay đốt cũng được. Mình yêu Thù thật tình nhưng mình sẵn sàng hy sinh cho Thù...

Từ lâu tôi xem Quỳnh như một người bạn rất thân. Bức

thư này làm tôi cảm động nhiều.

Ngày hôm sau và những hôm sau nữa Quỳnh lại ở với tôi. Quỳnh chiều tôi từ ly từ tí. Nhưng sự có mặt của Quỳnh ở căn nhà này làm tôi ngại. Nếu tôi ở với ba má thì không việc gì xảy ra. Đàng này tôi đang sống nhờ vào gia đình chị Sáu. Quỳnh lại đòi sống chung với tôi. Tôi bảo;

— Ở riêng nhưng mình cứ thương nhau là đủ rồi.

— Vắng mặt bồ tôi chịu không nổi.

— Bồ nói... mình gặp nhau hằng ngày.

— Tôi nói thiệt nha, xa bồ tui học hỏng vô.

— Bồ mê tôi dữ vậy?

— Ừ

Tôi thấy cần phải nói cho Quỳnh biết:

— Bồ đâu biết rằng chị Sáu chỉ là một người có lòng nuôi tui ăn học chứ không phải là chị ruột của tui.

— Còn ba má bồ, anh chị bồ?

Tôi phải nói sao đây? Quỳnh

rất thành thật với tôi. Còn tôi, tôi không muốn cho Quỳnh biết những gì bí ẩn trong đời tôi. Lại một lần tôi nói dối:

— Má tui chết rồi. Ba-tui đi làm ở Sài-gòn. Tui sống với má ghê.

— rồi bồ bỏ nhà đi.

— Phải.

— Bồ đi bao lâu rồi?

— Hơn hai năm (lại nói dối)

— Lúc má bồ chết, bồ bao nhiêu tuổi.

Tôi ấp úng.

— Còn nhỏ lắm. Khoảng 4, 5 tuổi gì đó.

Rồi tôi cúi xuống cuốn sách đang mở đánh lạc hướng của Quỳnh.

— Bồ thuộc bài này chưa.

— Chưa.

— Minh thử khuya quá chị Sáu có la không?

— không bao giờ chị Sáu Phiền hà về việc học của tui.

Thình lình Quỳnh nói.

— Mai tôi về nhà.

Tôi ngạc nhiên.

— Nhà nào.

— Nhà trọ.

— Bồ buồn tui à.

— Không, tôi không muốn tình cảm của chị Sáu đối với bồ vẫn nguyên vẹn.

— Bồ đâu có làm gì để eh! Sáu ghét tui.

— Ở lâu thế nào cũng mich lòng.

Quỳnh nói đúng. Cũng có lúc tôi làm chị Sáu buồn hay chị Sáu làm tôi buồn. Tôi không thích chị Sáu tánh hay nói nhiều. Đó là một tính của đa số đàn bà thử khen. Còn chị Sáu. Tôi biết rằng tôi cũng có điểm để cho chị giận. Dù sao chị cũng xem tôi như một đứa em. Tôi có một tánh kỳ khôi mà chị Sáu không biết. Tôi không có tánh chịu đựng và hay dẫn đo suy nghĩ sau một việc đã rồi. Giữa lúc tôi sống nhờ vào đồng tiền của chị Sáu. Tất cả những gì của tôi, đều do chị Sáu cho. Thế mà tôi đành bỏ chị lại sống với Quỳnh

Anh sáu tìm đến nhà trọ của Quỳnh:

— Xuân đâu?

Tôi chạy ra:

— Anh Sáu, ai nói anh biết em ở đây?

— Em quên anh làm cảnh sát. Em giận chị Sáu sao đó?

Tôi nhìn xuống chân lắc đầu:

— Em đâu có giận chị Sáu.

— Em đừng dối,

— Không em nói thật,

— Sao em lại bỏ nhà đi.

Tôi im lặng. Tôi không biết nói sao đây? Lỗi không, phải ở chị Sáu mà cũng không phải ở tôi.

Sao em không trả lời. Bây giờ em trở lại nhà đi. Em tiếp tục đi học lại. Đừng bỏ dở công trình mà em đã theo đuổi.

Tôi áp úng

— Em cũng còn đi học.

— Nhưng anh biết hoàn cảnh hiện thời của em. Bây giờ anh cho em lựa ba chỗ ở: chị Sáu em, mà anh, chị Sáu nhỏ của em.

— Em cần suy nghĩ

— Thôi anh về... À... này Xuân nếu cảnh sát xét nhà thì bảo tôi là em ông Sáu Tám. Tôi giận anh tôi nên ở đây. Nhớ nha.

Tôi trở lại nhà chị Sáu, tình cảm vẫn tràn đầy, nhưng tôi không ở lại. Quần áo chị Sáu cho lấy còn sách vở thì chị giữ lại. Chỉ có cách đó để tôi ở lại.

Khíng muốn tình cảm bị sút mẻ. Tôi ra đi, lần đi này chắc chắn hơn những lần trước. Tôi sống với Quỳnh, Nhờ học cùng lớp nên việc học của tôi không trở ngại gì cả. Chúng tôi gồm tất cả 4 đứa cùng ở trọ để đi học.

Tôi và Quỳnh sống như hai vợ chồng. Bao giờ cũng quần quít lấy nhau. Buổi sáng tôi chải đầu, Quỳnh kéo tóc tôi :

—Mái tóc bồ đẹp quá.

Tôi nhìn trong gương. Hình ảnh trung thực nhất của tôi. Không đẹp như Quỳnh nói. Tôi là người con gái tầm thường không đẹp, không xấu. Học thì không giỏi không dở. Không hiểu tại sao Quỳnh có thể yêu một cô gái như tôi, Quỳnh đánh tan tư tưởng của tôi.

—Chị Sáu trả sách vở, giấy tờ lại cho bồ chưa?

—Chưa.

—Bồ làm sao lấy lại.

—Theo ý bồ tui phải làm sao? tui tính mượn chị tui xuống lấy lại.

— Phải đó. Bồ cũng có chị nữa sao?

—Có, chị bà con của tui ở Tân-An.

—Má bồ có tiền không.

—Tôi hơi ngược.

—Không. Bồ cho tui mượn. Chị tui xuống tui trả lại.

—Bồ đừng ngại. Tiền tui cũng như của bồ.

Tôi trở về Tân-An trong buổi sáng sớm. Rất may là không có cô nằm ở nhà. Chị nằm đang cất áo tưởng có khách nhìn lên:

—Xuân, Đi đâu bây giờ mời về

—Hai năm nay em học ở Mỹ-Tho.

—Ai cho em đi học.

—Một người có lòng tốt.

—Rồi sao đang học em bỏ về đây.

—Em về đây để mượn chị

—Em cần bao nhiêu.

— Không phải tiền mà bây giờ em ở chỗ khác, chị ấy muốn em ở lại nên không trả sách vở.

— Bây giờ em muốn chị xuống lấy dùm em?

— Chị hai, lấy dùm em mà.

Cô ịch kỹ lắm, chị biết có mình cô. Khai sanh của tôi cũng lấy đi, bây giờ lại bảo tôi xuống Mỹ-Tho. Tôi hồng đi.

Đầu biết chị hai nói đùa tôi cũng năn nỉ:

— Tôi nghiệp em mà chị hai, Chị hai mỉm cười:

— Được rồi nhà em ở đâu.

— Đề em dẫn chị đi

Lên xe rồi chị mới hỏi

Mấy năm nay em đâu biết bác Hai vẫn nhắc em.

— Chắc bác giận em lắm.

— Không, ba chị thương em nhiều lắm.

— Vì em mồ côi?

Chị hai làm thinh. Một nét xa xôi thoáng hiện trong mắt chị. Làm sao tôi hiểu được.

Mọi việc đều trôi qua theo tưởng tượng của tôi. Bây giờ tôi sống nhờ đồng tiền của chị hai. Tại sao chị hai lại thương tôi? Có lẽ vì tôi mồ côi hay ham học.

Lúc này Quỳnh hay đi ngủ sớm. Tôi có cảm tưởng như Quỳnh không còn yêu tôi nữa.

Tôi rút một cuốn tập làm rơi



quyền sách Quỳnh đang học. Không ngờ tôi lại gặp một phong thư màu vàng có giấy hồng... Tôi xếp giấy lại bỏ vào bậc thư. Tôi không biết nói lên tâm trạng của tôi lúc đó. Có lẽ là tôi buồn nhiều. Suốt một đêm nằm cạnh Quỳnh. Tôi không ngủ được. Gần sáng tôi thu xếp quần áo sách vở vào va li. Tôi nhìn lại giường. Quỳnh vẫn còn say ngủ. Thuở nhỏ tôi nghe kể chuyện nàng tiên trong rừng. Ở đây không có rừng nhưng có nàng tiên. trong lòng tôi: Quỳnh.

Tôi lấy giấy ra. Những dòng chữ chạy theo ngòi viết,

Quỳnh mến,

Đây là lần đầu tiên và có lẽ là lần cuối cùng mình viết thư cho Quỳnh. Quỳnh còn say ngủ. Trong giấc ngủ Quỳnh đẹp lắm. Không ai bắt buộc Quỳnh chôn chặt cái đẹp ấy theo lời hứa đâu. Mình nhớ rằng hai đứa chưa hứa gì cả. Quỳnh cần một người thông cảm. Mình cần một người

hiểu mình. Thế rồi hai đứa là đối tượng của nhau. Bây giờ thì không còn nữa. Mình không trách Quỳnh dấu chuyện riêng. Thật ra mình đã dối Quỳnh rất nhiều. Người ta thường tô đậm hoặc bôi màu thật tươi lên dĩ vãng. Còn mình, mình không thật tình nói những gì trong quá khứ. Nói ra chắc chắn Quỳnh sẽ khi mình. Còn hiện tại, từ lúc về sống với Quỳnh mình học rất tiến. Nhưng bây giờ đầu tiên hay lùi mình cũng phải xa Quỳnh, không phải bức thư màu hồng kia bắt buộc, mà vì mình muốn cho Quỳnh được tự do. Mình đã hy sinh.. tình yêu.. đồng phái để Quỳnh được hạnh phúc. Quỳnh đừng tìm mình. Mình không trở lại với chị Sáu không trở về Tân-An. Mình sẽ về với gia đình ở Tân-Trụ. Dù đi nhưng lúc nào mình cũng nhớ đến Quỳnh..,

Mến

Nguyễn Kim Thùy

**Quing midol** Trị các chứng đau nhức  
và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
1360/BVT/DPDC

Sau khi dẫn bức thư dưới bàn học của hai đứa. Tôi nhìn lại Quỳnh vẫn còn trong giấc ngủ.

Tôi bước ra đường. Mỹ - Tho vẫn chìm trong sương mù. Màn sương thật mỏng. Một vài người gánh hàng hiện trong mắt tôi. Hình ảnh đó lơ mơ như lúc tôi sắp khóc. Tôi bước những khe khẽ ngần để chờ sáng. Tôi

muốn đến cầu bắc lúc trời sáng hẳn. Những người qua đường nhìn tôi với cặp mắt nghi ngờ. Tôi không cần ai hiểu tôi cả. Ngày trước tôi có Quỳnh. Còn bây giờ tôi sắp rời Mỹ-Tho.

Khi ngồi trên xe, tôi sắp đặt một cuộc nói chuyện với chị Hai cô Năm và cả với Bác tôi. Nếu chị Hai hỏi... nếu cô Năm hỏi..,

(tiếp theo)

Lan

## Radar dò ... đạo chính

Máy gồm một bộ phận dò tìm và một bộ phận báo động, cả hai cái chỉ to bằng một ra-dô-tử, cùng một máy kiểm-soát không to hơn hộp quẹt.

Máy dò được gắn trong một xó tường. Tầm kiến-hiệu của nó có thể được điều-chỉnh và nó bắt đầu chạy sau khi người ta xoay một chiếc chìa khóa trong bộ kiểm-soát có thể đặt bất cứ nơi nào ngoài trường của radar. Trường này tràn ngập những luồng sóng cao-tần do một giây thu sóng trên máy dò phát ra. Nếu các luồng sóng chạm phải một tinh-vật, sẽ không có gì xảy ra nhưng nếu vật phản xạ (như con người chẳng hạn) đang cử động, sóng sẽ dội lại trên một tầng số khác làm chạy bộ phận báo động.

Máy cũng có thể móc vào một giây điện thoại để dò một địa điểm cách xa.

Trường có một tầm quan trọng tối đa là 4 thước rưỡi ở đủ các hướng và một bề dày 3 thước.

## (Tiếp theo trang 10)

Đã gần nửa tháng từ ngày Thanh đi bệnh viện, hôm nay má Thanh mới gặp Phong đi thực tập ở bệnh viện, nên mời Phong đến thăm Thanh xem bệnh tình thế nào.

Má Thanh hỏi:

— Con biết anh không?

Thanh nhìn Phong chú ý, như tìm lại trong trí những bà con bạn hữu,

— Dạ không, nhưng anh học ở trường Y khoa và thực tập ở Bệnh viện chứ gì?

— Ai thấy mặc cái áo đó ai mà không nói như mày. Anh đã thăm bệnh mày tại nhà và bảo đưa đi bệnh viện đó.

Thanh mỉm cười;

— Con đâu có biết.

Phong nói .

— Hôm ấy cô đang mê man.

Rồi Phong hỏi thêm về tình trạng sức khỏe, ăn uống v.v., trước khi từ giả.

Hôm Thanh ốm khỏi, già Năm sang nhà khoe với Phong và mời Phong sang chơi. Phong hẹn hôm khác vì phải đến bệnh viện, nên già Năm đi về mà chưa kịp nói những chuyện

tào lao như dạo trước.

Một tuần sau, Phong mới đến thăm già Năm. Nhưng khi đến nhà chỉ có Thanh và hai người con gái ngồi nói chuyện. Thanh đứng dậy chào và hai bạn nàng cũng vậy. Phong chào lại và hỏi :

— Thưa cô, từ dạo cô về đến giờ cô vẫn khỏe.

— Dạ.

— Ông cô và ba má cô có ở nhà chứ?

— Dạ. Ông em vừa mới sang nhà bên cạnh và ba má em đi dự tiệc cưới. Xin mời anh ngồi chơi. Vừa nói Thanh vừa kéo chiếc ghế.

— Thưa cô, Ông cô cũng sắp về chứ gì ?

— Dạ.

Phong ngồi xuống ghế. Thanh giới thiệu hai người bạn gái có mặt. Một cô tên Thao và một cô tên Dung. Cả hai cùng học lớp Đệ nhị, nhưng Thao học tư và Dung học công. Rồi Thanh cũng giới thiệu Phong cho hai người bạn nàng. Dung tiếp chuyện Phong như cô gái rành đời và theo đợt sống mới. Dung cười làm cong hai vành môi

ước mộng và hai hàm răng trắng nõn. Làn da mặt tươi hồng lên với màu phấn và 2 đường chân mày kẻ rất cong.

— Chúng tôi được hân hạnh làm quen ông thầy thuốc.

Phong nói:

— Chính tôi mới là hân hạnh quen hai cô.

Phong nhìn Thao vừa gặp mắt nàng đôi chiều xuống đất. Mái tóc thề rũ qua vai, xóa xuống trước mặt, Thao đưa tay vuốt lên và ngăn đầu. Thao có vẻ kín đáo và thùy mị; không trang sức bằng những hình thức giả tạo để đánh lừa, dù nàng cũng lứa tuổi Dung. Còn Thanh cố nhiên là con người thật; con người lý tưởng của tôn giáo, nên nét mặt biểu lộ một vẻ thiêng liêng và cao quý. Phong hỏi Thanh :

— Từ dạo cô về đến giờ vẫn khỏe?

— Dạ.

— Bao giờ cô trở lại tu ở Dòng?

— Có lẽ chừng hơn nửa tháng nữa.

Phong hỏi Thao và Dung:

— Hai cô cũng đều nghỉ học?

Thao trả lời:

— Dạ. Hôm nay chúa nhật,

Phong cười :

— À, tôi quên mất.

Thao nhìn Phong mỉm cười với vẻ đẹp thăm kín trường giả.

Dung hỏi .

— Anh cũng không đi thực tập?

— Tôi cũng nghỉ ngày chúa nhật.

— Ai bảo thế?

— Anh có trực đêm nữa chứ?

— Vâng.

— Tôi ghét các anh ghê. Có một dạo ông tôi đến nằm bệnh viện, lúc khuya ông tôi đau tôi phải đi mời anh sinh viên trực, Anh này thừ dậy bảo làm mất giấc ngủ-

— Cô vu oan cho chúng tôi rồi đó. Vì khi được vào thực tập ở phòng bệnh, chúng tôi đã ý thức được trách nhiệm và bổn phận. Nên ngôn ngữ ấy chúng tôi xin từ chối.

— Như thế giả gọi anh trong



lúc nửa đêm?

— Nếu gọi tôi trong trường hợp bệnh hoạn thì lúc nào cũng được.

— Thôi xin ông đạo đức.

Vừa nói, nàng vừa cười và Thao, Thanh cũng cười theo. Bây giờ Phong mới chú ý đến thân hình của Dung, Chiếc áo dài màu xanh ôm sít, để nổi bậc lồng ngực căng rộng và cao. Thao, chiếc áo dài màu trắng với thân hình mảnh mai. Còn Thanh, chiếc áo bà ba thường. Ngoài cửa già Năm xuất hiện bước vào với nét mặt vui vẻ.

— A, cậu Phong.

Phong đứng dậy cuối đầu chào Thanh, Dung và Thao cũng vậy. Già đến ngồi trên văng nói:

— Cậu đến thăm già, mà già lại đi thăm người khác. Còn vợ chồng thằng Quý thì đi ăn đám cưới. Người ta cưới vợ lấy chồng như thế đó mà cậu không sợ hết con gái sao?

Phong cười. Già nói tiếp:

— Hôm nào già làm mai cho.

Dung và Thao chào già Năm ra về. Thanh tiễn chân bạn nàng. Phong nói:

— Hôm hứa với già, nhưng liên tiếp mấy ngày bận mãi, nên nay cháu mới đến thăm. Cháu có hỏi thăm sức khỏe của cô Thanh. Cô ấy bảo đã khỏe lắm và sắp trở lại Dòng. Ở nhà lâu như thế khi trở lại Dòng có can gì không già?

— Hình như má nó cũng muốn xin cho nó ở nhà luôn.

— Già nói dễ quá.

— Thiệt chứ, vì má nó gởi nó hồi nhỏ, mà còn trả tiền hàng tháng nữa.

— Tiền gì thế già?

— Tiền ăn, tiền học, tiền... mà dẫu không trả tiền đi nữa, khi tu không được bởi một nguyên nhân nào đó, mình có quyền trở về không can gì hết.

Hai người tiếp tục nói chuyện cho đến khi Thanh trở vào nhà Phong xem đồng hồ tay, rồi chào già Năm và Thanh từ già, Thanh nhìn đàng Phong bước ra khỏi cửa. Lần đầu tiên nàng thấy tâm hồn đang trở mình

## hai

Bây giờ, Thanh đã không đến Dòng tu lại thật sự như lời già Năm đã nói. Sự kiện ấy là do nàng, ba má nàng, chứ Phong không liên hệ gì hết. Thế mà Phong bị ám ảnh mãi những ấn tượng xấu. Phong tự cho mình là có tội — nhưng nghĩ kỹ cũng không. một ai có tội lỗi gì tất cả đã được an bài bởi định mệnh—Vi giả Phong không đến thăm Thanh tại bệnh viện, tại nhà, thì cố nhiên Thanh không đến thăm Phong. Và những lời đối thoại như thế này không bao giờ có.

— Theo ông Thanh, thì Thanh đi tu hồi còn nhỏ; nghĩa là lúc ấy Thanh chưa ý thức.

— Bảo rằng không ý thức cũng không phải là sai, nhưng bắt buộc thì cố nhiên không đời nào. Thật ra lúc ấy em thích khăn áo của các xơ (soeur).

— Có thể thôi?

Lần khác gặp nhau, Phong lại hỏi:

— Hình như những người tu

hành; nhất là phái nữ không được phép nói chuyện với phái nam, mà người ấy lại ngoài đời, ngoài đạo.

— Không cấm, nhưng cần phải đứng đắn.

— Nghĩa là đừng nói những chuyện gây hậu quả không tốt cho người tu hành. Và người tu hành khi nói cũng không được cười.

— Chính vậy.

— Như thế Thanh tính hay cười thì làm sao?

— Xưng tội.

Thanh vừa nói vừa mỉm cười, cúi mặt xuống đất. Thế rồi cho đến một hôm, Thanh không còn dấu vết gì nữa của người tu hành. Nàng như người con gái lớn lên và dậy thì thể thôi. Nên Phong đã hỏi:

— Ngày Thanh đi lấy chồng nhớ cho tôi dự lễ cưới với nhé Thanh cuối mặt. Một thoáng buồn hiện đến làm Phong phải xin lỗi.

Câu chuyện của Phong và Thanh chỉ lần quần có thể, chưa bao giờ bước vào địa hạt tình yêu. Cũng như Thao, Phong nhận

làm em một cách phi lý, dù Phong đoán cả Thanh và Thao ai cũng có thể chấp nhận tình yêu của chàng.

Một tuần sau khi gặp Thao ở nhà Thanh, Phong thấy có hình ảnh mới len vào tâm tư mình. Phong đã nghĩ nhiều đến Thao và nhất định sẽ nhờ già Năm hoặc Thanh làm giềng mối cho cuộc gặp gỡ. Ý nghĩ ấy đã tố cáo sự cô đơn của Phong từ lâu và Phong không đủ can đảm ngồi một mình ở nhà nữa, nên mặc áo quần đi chơi.

Ra khỏi cổng, Phong cũng không biết mình sẽ đi về đâu nữa, cứ để mặc cho 2 chân bước đến đâu thì đến. Phong bỗng dừng lại vì một học sinh từ cổng trường bước ra. Phong chào. Và nàng dừng lại mỉm cười.

— Anh đi tìm ai thế?

— Tôi không biết phải đi tìm ai.

Họ bỗng cười lên mỗi người một vẻ. Người con gái ấy là Thao.

— Hay Thao giới thiệu một cô để anh đón nhé.

— Với điều kiện thế nào?

— Cũng chẳng thế nào cả. Anh chỉ đón và đưa về thế thôi.

Phong cười:

— Đi làm con đã trắng.

Thao nói:

— Vì người ấy chưa bao giờ biết nghĩ gì hết. Họ chỉ coi anh như anh.

— Nếu coi tôi như anh, thì tôi chỉ nhận một người, mà người ấy phải là Thao.

— Giả Thao không chịu.

— không chịu thì mất... mất ah.

Lần đầu họ gặp nhau và nói chuyện như vậy. Rồi Phong đưa Thao về. Họ đi bên nhau như hai anh em,

Sau này, Phong được ba mà Thao thương lắm và coi như người cháu trong gia đình. Đôi lúc Phong phải lãnh cái trách nhiệm đưa Thao và 2 đứa em nàng đi dạo, đi ci-nê v.v... Tuy nhiên Phong không nói với Thao những lời gì có vẻ tình yêu. Riêng Thao, nàng thấy Phong thân mật với Thanh,

nên nảy ra những ý nghĩ vô lý. Và đôi lúc đã hỏi Phong như thế này dù nàng là bạn Thanh:

— Tôn giáo chị Thanh khác hẳn tôn giáo anh. Tại sao tôn giáo của chị chỉ chấp nhận trai gái trong tôn giáo cưới hỏi nhau thôi.

— Ai bảo với Thao thế.

— Anh có thể tin chị Thanh bỏ tôn giáo của chị để theo một tôn giáo khác không?

— Cũng có thể chứ.

— Thao không bao giờ tin, vì anh coi sự tin tưởng đáng cứu thế đã hiện trên nét mặt chị như thế nào thì đủ biết.

Rồi lần khác, Thao lại nói về thời dĩ vãng của gia đình già Năm như: Gia đình già Năm hồi trước nghèo kiệt. Ba Thanh đi tu ở Dòng rồi lớn lên xin về v.v...

Nhưng tất cả những gì Thao đã nói, Phong thấy không cần thiết không quan hệ, nếu Phong thật sự yêu Thanh. Trái lại, đêm này dù Thanh có cùng một tôn giáo; dù gia đình Thanh có thuộc dòng vua chúa đi nữa, mà Thanh đã là một bệnh nhân thì Phong

phải xem Thanh như một bệnh nhân. Vì vậy sau nhiều lần suy nghĩ, Phong viết thư cho Thao.

Thao,

Viết thư cho Thao, cho một người em, anh đã đưa đi học, đi chơi nhưng không hề nói những khác ngoài câu chuyện học hành dù anh cũng đoán được Thao sẽ không có ý nghĩ anh là người anh vô lý mãi. Để chứng minh dự đoán, anh xin nhắc lại lời Thao đã nói về tôn giáo và gia đình của Thanh. Anh nghĩ Thao nói như thế không phải là vô tình mà vì 1 động lực nào đó đã thúc đẩy. Phải chăng là tình yêu? Nhưng giả nếu anh yêu Thanh, thì tình yêu sẽ vượt qua tất cả sự trở ngại, nên dù Thao có nói thế nào đi nữa cũng không để làm lung lạc lòng anh.

Tuần vừa rồi khi ở nhà Thao về, Thao có nhớ ba Thao đã nói gì không? Nhưng biết ai là ý trung nhân của anh bây giờ? Anh muốn Thao chọn giùm, nhưng chắc Thao sẽ không cho anh hỏi Thanh bao giờ. Thao cũng sẽ không cho anh hỏi bất cứ người con gái nào khác bao giờ. Vì vậy anh muốn chúng ta phải can đảm phá bỏ sự giả tạo đã ngăn cách



chúng ta và hãy nhìn nhau bằng sự thật của con tim không nguy trang giả dối. Nghĩa là Thao thú nhận có đêm nào, Thao đã gục đầu suy nghĩ, quên cả học hành: « Sao anh không ngỏ lời yêu mình, » Nói thế, không phải anh khinh Thao và xem anh như một thần tượng. Nhưng tình yêu là thế ấy mà không ai tránh khỏi.

Phần anh. Viết thư cho Thao anh cũng đã nhiều đêm suy nghĩ. Tại sao anh không viết thư ngỏ lời yêu Thanh? Chắc Thao đã hiểu. Bây giờ, anh chỉ báo tin cho Thao: Chiều mai anh sẽ không đến đưa Thao về nữa và sẽ đón Thao tại công viên; nơi chúng ta thường dạo chơi đó. Nếu anh không gặp Thao chiều mai thì coi như Thao không chấp nhận. Và chúng ta cần phải xa nhau để tìm quên. Khi ấy, anh sẽ không còn bị kiểm soát một hành động hay một ngôn ngữ nào, cố nhiên chúng ta tìm lại được một niềm vui khác

Từ dạo viết thư cho Thao, Phong không hề gặp Thao bao giờ. Và Thanh cũng không đến thăm chàng. Gia đình Thao Phong cũng không đến, Ba Thao đã 2 lần đến thăm Phong nhưng

không gặp.

Hôm sang thăm già Năm, Phong gặp Thánh từ trong phòng học bước ra thấy Phong lại trở vào. Tình trạng hờn dỗi buồn cười ấy đã khiến Phong chào già Năm trở về, mặc dù già Năm còn muốn nói chuyện.

Phong bước đi trên con đường sỏi, thỉnh thoảng đứng lại nhìn quàng xiêng, rồi lấy mũi giày đá những viên sỏi. Phong không biết làm như vậy để chi? Có phải cho hết thời gian của buổi chiều hay để suy nghĩ? Lý do nào cũng có. Phong vừa muốn màn đêm mau sập xuống, vừa tìm mãi những nguyên nhân của Thanh và Thao đã từ chối và giận hờn chàng. Có phải họ đều cho Phong là lợi dụng, tâm thường v.v...?

Hôm sau, già Năm sang chơi, Phong vui vẽ báo tin:

— Cháu sắp đổi chỗ trọ già a

Già hỏi:

— Lý do?

Phong cười:

— Không lý do gì hết.

— Thế cậu đi ở đâu!

— Bất cứ chỗ nào khác chỗ này.

— Phải rồi đó, vì chỗ này thiếu con gái cậu nhỉ. Phải đi tìm nguồn vui chứ. Nguồn vui độc nhất của tâm hồn. Un homme sans amour est comme un arbre sans sève. Người Pháp nói đó Bữa nay già hoan nghênh cậu đã thay đổi thái độ, đừng cô đơn mà trở nên khô tính rồi chán nản v.v...

— Không đâu già, Cháu chắc chắn không bao giờ.

— Phần đông như vậy đó cậu.

Chiều hôm sau, Phong từ giả nhà trọ, từ giả già Năm và những gì quen thuộc ở vùng đất ấy.

Ngày tháng lặn qua, Phong như đã quên đi niềm tâm sự của chàng nhờ sự học hành, công việc. Ba tháng xa nhau bỗng dưng Phong gặp Thao đang nằm trên bàn sắp mổ. Thao ngần đầu nhieu nét mặt tái đi. Bác sĩ bảo chàng mặc áo để phụ mổ, nhưng Phong không biết ông đã nói những gì. Phong run lên và cúi mặt bước ra khỏi phòng, mặc cho bạn chàng làm gì thì làm. Thật ra Phong

không ngờ mình yêu Thao đến thế, Phong xúc động nhiều lắm Chàng không đủ can đảm để thực tập.

Phong đi thẳng về phòng thay quần áo, ngồi suy nghĩ, Phong không ngờ có những giờ phút như thế này. Người chàng yêu đang sống lại trong thời tiền sử như một con vật. Làn da mát lạnh và cảm xúc không còn nữa sự kín đáo duyên dáng không còn nữa. Phong mừng, tượng lại những lời nói ngày thơ, những cái nhìn tình cảm trong những lần đưa Thao đi chơi đi học v.v...

Những lần đứng nhìn thân hình duyên dáng, nét đẹp kín đáo và một sự bí mật hiểu kỳ mà không dễ gì khám phá. Nhưng hết rồi.

Hai ngày sau, Phong sang thăm Thao nằm phòng hồi sức. Thật ra Phong muốn tránh Thao, nhưng sợ nàng hiểu lầm vì tự ái, tâm thường, ích kỷ v.v... Phong đến thăm Thao nhưng không cho Thao nói chuyện, chàng viện lẽ để vết mổ chóng lành. Cho đến một hôm Bác sĩ đã cho về— bây giờ Thao nằm ở phòng ngoại thương— nàng mới

xin phép nói chuyện. Phong mỉm cười.

— Bao giờ Thao về ?

— Bác sĩ bảo vài hôm nữa.

Cả Phong và Thao cùng yên lặng một chút. Một thoáng buồn hiện trên mặt Thao rồi biến mất. Phong nhìn sang hướng khác. Thao hỏi:

Anh có thường đi con đường đã đưa em đi học?

Phong quay mặt lại nói:

Thỉnh thoảng mới đi.

Thao đã nghĩ học ở trường ấy rồi.

Thế à.

Họ cùng nhau yên lặng một chốc nữa, rồi Thao hỏi:

Anh có về thăm chị Thanh chứ?

Không. Vì Thanh gận anh... Không phải, vì anh gận Thanh.

Thao nghiêng mặt như muốn dẩu đi sự xúc động. Và Phong vội chào Thao ra về dù nàng

vẫn nằm yên đó.

Kính anh

Lần đầu đặt bút viết thư cho anh. Trước hết, Thao xin lỗi về tội không chấp nhận tình yêu của anh. Nhưng Thao biết phải nói thế nào cho anh tin về nguyên nhân ấy.

Tạo hóa cũng khéo trở trêu bắt con người khi phải thế này, khi phải thế nọ. Giả rằng cái ruột thừa trong bụng vẫn nằm yên, hay Thao không gặp anh nơi phòng mổ, thì cả anh lẫn Thao không hiểu nổi những điều bí ẩn.

Tại sao Thao không ý thức được tình yêu của mình, lại đi hỏi chị Thanh? nhưng bây giờ Thao đã rõ, Thao xin gặp anh ngày chúa nhật này trước khi Thao trở về, cũng như anh đã xin gặp Thao dạo nọ.

Kính thư.

Thư này, bạn Thao đã trao cho Phong một ngày trước khi Thao

về đề Phong suy nghĩ. Bao nh êu câu hỏi chàng đã đặt ra đề bênh vực. Nhưng những hình ảnh, những ý nghĩ không tốt đã choán chỗ trong trí.

Thế rồi, không ai tin rằng Phong không đến gặp Thao. Chính Phong cũng không tin mình nữa vì chàng đã ra đi. Nhưng lương tri khe khắc, đã

vượt hẳn động lực tình cảm, để những bước chân vô ý thức dẫn chàng bước mãi cho đến khi đường phố lên đèn. Bây giờ, Phong mới biết rằng mình đã lạc.

NGUYỄN CHÂU

(Hậu-nghĩa)

## Một nghề mới : Nhịn đói.

Thấy làm ăn vất vả mà vẫn nghèo túng mãi, một thiếu nữ nọ 20 tuổi, người ở Bordeaux (Pháp) nghĩ ra một cách làm tiền mới.

Cô nằm trong một cái hòm bằng kiếng nhịn đói, bên cạnh có vài ba chai nước lạnh, rồi cho bán vé cửa cho thiên hạ vào xem cô «gày ốm» như thế nào.

Một đợt nhịn đói là 20 ngày, và cứ mỗi một kỳ như thế số tiền cô thu được đủ cho cô chi tiêu thông thả, ăn uống no say trong 6 tháng.

Hiện nay cô được người ta phong cho chức «nhịn đói nhà nghề».


### ★ Nguyện vọng của người dân Trung-Cộng

Hai cái ao ước của người dân Trung-Cộng là một chiếc xe đạp và thứ đến là một chiếc đồng hồ. Do đó phát sinh một số người đi mua đồng hồ cũ, sửa máy mạ kền, bán ra với giá tương đối rẻ từ 1200đ (Việt-Nam) đến 2500đ.

Không khác chuyện mấy ông Ba-Tàu ở Chợ-lớn ta.

### ★ Mỹ viện cho chó

Ở Asmèrès (Pháp) tại đường «Grande Rue» số 5, có một câu lạc bộ tên «Tonton Club», dành riêng cho chó. Nói cho đúng thì đây là một Mỹ viện vào hạng nhất cho chó, trong đó có phòng tắm rửa, phòng lạnh, phòng ấm cùng đủ các thứ tiện nghi.



Vị các chứng đau nhức  
và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1380/BVT/BPDC



vào

say



Bước chân vũ điệu đi buồn  
Theo chân tiếng hát hoang đường vào đêm  
Thân sầu đổ xuống xác em  
Xanh xao ánh điện rũ rèm mắt sầu  
Tay ôm con mộng cúi đầu  
Nghe niềm cay đắng đọng vào trong ly  
Mơ hồ cánh nhạc âm ty  
Bước anh xiêu vẹo em đi lỡ- làng  
Tay gầy níu với dung nhan  
Gót chân khó nức nở đường thanh âm  
Bóng khuya linh loạn lên trần  
Bàn xô ghé lệch rượu vẫn ùn soay  
Bến em đêm tưởng là ngày  
Giọt xanh vàng đổ mê hoặc đầy phòng ca  
Trong không quờ quạng tay ma  
Nhật mờ khói thuốc đọa sa giữa vời  
Thôi em sầu chẳng hết lời  
Rượu kia chữa cạn đã rời rã thân  
Nghìn đêm trái đất quay vẫn  
Bên em anh cũng một lần cùng quay

NGUYỄN HOÀNG ANH VŨ  
(NQD)

MỌI NƠI  
TRONG MỌI GIA ĐÌNH



Nước ngọt CON COP mỗi chai  
là nguồn vui mạnh kéo dài tuổi Xuân

**Gần đến kinh kỳ,** Bản thân đã dưới hay là đang bành  
kinh mà đau bụng, uống **Lôi Công Hoàn « Ông Tiên »**. Hồ  
tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228 Lê-thánh-Tôn. Nhà thuốc  
**« Ông-Tiên »** Phú-Lâm Cholon.

K.N.BYT. số 1-9.5-63

**Phong ngứa** Ghê chốc, lở loét, gãi tới đầu lan tới  
đó không phải thoa phết s r sai ngoài da mà hết. Uống Giải  
phong **Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên »** 30 năm sáng lập  
Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.

Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm, Cholon  
(K.N. BYT. số 3-9.5-63)

## Nhà hàng Đại - La - Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31=33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- \* Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- \* Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên  
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Bưu-phiếu hay thư từ tiền bạc xin đề :

Ô. NGÔ-QUANG-PHƯỚC  
TY QUẢN-LÝ TẠP-CHÍ PHỒ THÔNG  
231 Phạm-ngũ-Lão — Saigon

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản-nhiệm : **NGUYEN-VỸ**

**THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN**  
231, Phạm - Ngũ - Lão - SAIGON  
Đ. T. 25.861

GIÁ : 25 đồng

Công sở : 40 đồng